

TỦ SÁCH THĂNG TIẾN GIÁO DÂN



GIÁO DÂN HỢP TUYỂN

SỐ 14 THÁNG 2/2015

KỶ NIỆM 50 NĂM CÔNG ĐỒNG VATICAN II

GIÊRÔNIMÔ NGUYỄN VĂN NỘI
& NHÓM BẠN THỰC HIỆN

CÁC SỐ GIÁO DÂN HỢP TUYỂN ĐÃ PHÁT HÀNH

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 1 (1/2012): GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 2 (4/2012): GIÁO DÂN VIỆT NAM VỚI CÔNG ĐỒNG VATICAN II

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 3 (7/2012): GIÁO DÂN VIỆT NAM SỐNG ĐẠO XƯA VÀ NAY

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 4 (10/2012): GIÁO DÂN VIỆT NAM LOAN BÁO TIN MỪNG

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 5 (12/2012): GIÁO DÂN SỐNG ĐỨC TIN

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 6 (3/2013): GIÁO DÂN CẦU NGUYỆN

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 7 (6/2013): GIÁO DÂN VỚI THÁNH KINH LÀ LỜI MẠC KHẢI

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 8 (9/2013): GIÁO DÂN VỚI GIÁO HUẤN XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 9 (12/2013): GIÁO DÂN VỚI VIỆC CANH TÂN ĐỜI SỐNG ĐỨC TIN

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 10 (03/2014): GIÁO DÂN VỚI VIỆC «TÂN PHÚC HÓA ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH»

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 11 (05/2014): GIÁO DÂN «XÂY DỰNG GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC VÀ HỮU ÍCH»

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 12 (08/2014): GIÁO DỤC GIA ĐÌNH ĐỂ CON CÁI NÊN NGƯỜI VÀ NÊN NGƯỜI KITÔ HỮU

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 13 (11/2014): TÂN PHÚC ÂM HÓA ĐỜI SỐNG CÁC GIÁO XỨ

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 14 (02/2015): KỶ NIỆM 50 NĂM CÔNG ĐỒNG VATICAN II

🌸 **Ghi chú** : Bạn nào muốn có các số GDHT trên, có thể hỏi Thư Quán thuộc Trung Tâm Mục Vụ Sài Gòn.



LỜI NGỎ...

Năm 2015 là năm “Tân Phúc-âm-hóa đời sống các giáo xứ và các cộng đoàn sống đời thánh hiến” của Giáo hội Công giáo Việt Nam, nhưng lại là năm kỷ niệm Công đồng Vatican II bế mạc được 50 năm (2015-1965) của Giáo hội Công giáo hoàn vũ, trong đó có Giáo hội Việt Nam.

Mừng kỷ niệm bất kỳ một sự kiện/biến cố nào đều bao gồm 3 nội dung trọng yếu sau đây:

- Một là ôn/nhắc lại sự kiện hay biến cố ấy.
- Hai là tìm hiểu xem sự kiện hay biến cố ấy đem lại những gì cho những người trong cuộc.
- Ba là những người có liên quan tìm mọi cách để thực hiện những gì mà sự kiện hay biến cố ấy muốn họ thực hiện.

Áp dụng 3 điều nêu trên vào việc mừng kỷ niệm 50 năm Công đồng Vatican II, chúng ta nên

- (a) Ôn lại những văn kiện được các Đức Thánh Cha và các Nghị phụ Công đồng Vatican II ban hành trong năm 1965.
- (b) Tìm hiểu/học hỏi tinh thần, đường hướng và nội dung cốt yếu của 16 văn kiện của Công đồng Vatican II.
- (c) Sống tinh thần và đi theo đường lối canh tân đổi mới của Công đồng Vatican II trong đời sống cá nhân và cộng đoàn của chúng ta.

Để thực hiện những điều gợi ý trên, từ cấp giáo hội địa

phương cho đến cấp giáo phận và giáo xứ nên tổ chức những khóa học hỏi, những cuộc tọa đàm, những buổi hội thảo về Công đồng Vatican II nói chung, về từng văn kiện của Công đồng Vatican II nói riêng.

Trong phạm vi giới hạn của mình Giáo dân hợp tuyến số 14 sẽ cố gắng cung cấp cho quý bạn đọc một số tài liệu bổ ích để tạo thêm động lực cho việc mừng kỷ niệm 50 năm Công đồng Vatican II một cách có ý nghĩa và hiệu quả theo phương án đã đề nghị.

Xin Thánh Thần Thiên Chúa là Đấng đã hoạt động tích cực trong Công đồng Vatican II, tiếp tục thực hiện công trình canh tân đổi mới Giáo hội công giáo hoàn vũ nói chung, Giáo hội công giáo tại Việt Nam nói riêng, để thế giới được hưởng trọn niềm vui và ơn cứu độ ☐

Sài Gòn, ngày 25 tháng 01 năm 2015
Lễ Thánh Phao-lô Tông đồ trở lại
Giêrônimô Nguyễn Văn Nội và Nhóm Bạn

Địa chỉ liên lạc

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

Email: hnoivnguyen@yahoo.ca

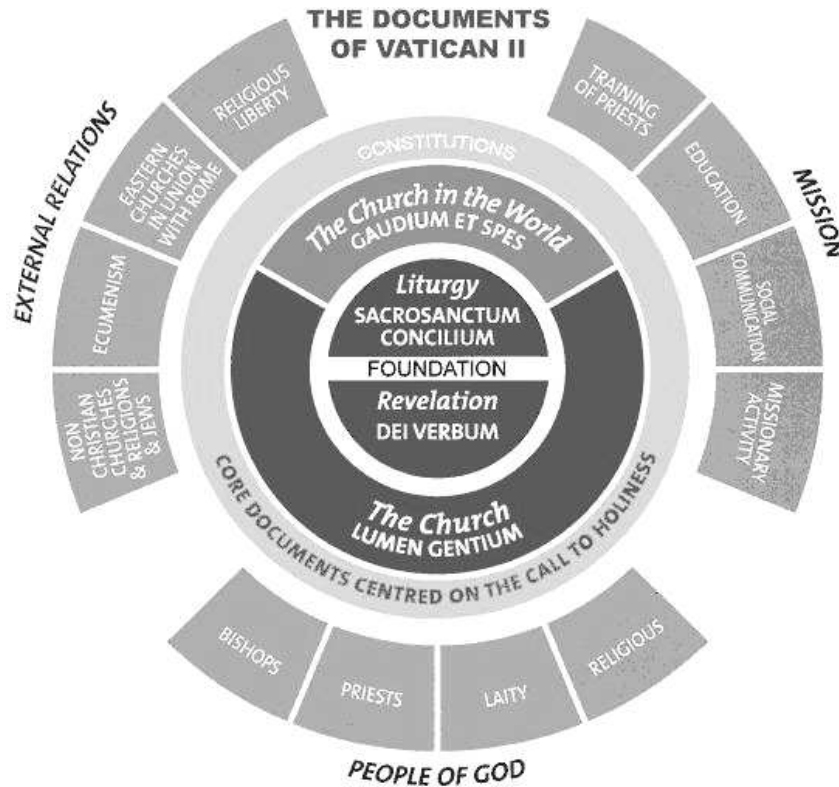
ĐTDD: 0986 480 337

Chủ đề GDHT số 15 (tháng 5/2015)

**GIÁO XỨ SỐNG HIỆP THÔNG, BÁC ÁI VÀ
LÀM CHỨNG CHO TÌNH YÊU KI-TÔ GIÁO**

NỘI DUNG GIÁO DÂN HỢP TUYỂN 14

✿ Các Số Giáo Dân Hợp Tuyển Đã Phát Hành	02
✿ Lời Ngỏ	03
✿ Nội Dung Giáo Dân Hợp Tuyển số 14.....	05
✿ Những Văn Kiện Của Công Đồng Vatican II Được Công Bố Trong Năm 1965	06
✿ 50 Năm Vatican II: Hoài Niệm và Dự Cảm	08
✿ Đổi Mới Của Vatican II – Những Nguyên Tắc Cơ bản...	13
✿ Chia Sẻ Kinh Nghiệm và Học Hỏi Tài Liệu của Công Đồng Vatican II	32
✿ Từ Công Đồng Vatican II Giáo Hội Công Giáo Muốn Nói Gì Với Chúng ta.....	37
✿ Chia Sẻ Công Tác Mục Vụ Giáo Xứ Trong Thời Đại Ngày Hôm Nay	55
✿ Bài Ca Tân Phúc-Âm-Hóa Giáo Xứ - 2015.....	100



NHỮNG VĂN KIỆN của CÔNG ĐỒNG VATICAN II ĐƯỢC CÔNG BỐ TRONG NĂM 1965

Công đồng Vatican được long trọng khai mạc vào ngày 11/10/1962 và được bế mạc vào ngày 08/12/1965.

Sau 4 kỳ nhóm họp từ 11.10.1962 đến 08.12.1962 (kỳ 1), từ 29.09.1963 đến 04.12.1963 (kỳ 2), từ 14.09.1964 đến 21.11.1964 (kỳ 3) và từ 14.09.1965 đến 08.12.1965 (kỳ 4), có tất cả 16 văn kiện của Công đồng Vatican II được công bố: Riêng trong năm 1965 đã có 11 trong số 16 văn kiện ấy đã được công bố.

1. Có 2 trong 4 Hiến Chế được công bố trong năm 1965

(1o) Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải của Thiên Chúa (Dei Verbum: Lời Thiên Chúa) được công bố ngày 18/11/1965;

(2o) Hiến Chế Mục Vụ về Hội Thánh trong thế giới ngày nay (Gaudium et Spes: Vui mừng và Hy vọng) được công bố ngày 07/12/1965.

2. Có 6 trong 9 Sắc Lệnh được công bố trong năm 1965

(1o) Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Hội Thánh (Ad Gentes: Đến với muôn dân), được công bố ngày 07/12/1965;

(2o) Sắc Lệnh về Trách Nhiệm Mục Vụ Của Các Giám Mục (Christus Dominus: Chúa Ki-tô) được công bố ngày 28/10/1965;

(3o) Sắc Lệnh về Chức Vụ Và Đời Sống Các Linh Mục (Presbyterorum Ordinis: Chức linh mục) được công bố ngày 07/12/1965;

(4o) Sắc Lệnh về Đào Tạo Linh Mục: Optatam totius: Mọi người mong ước) được công bố ngày 28/10/1965;

(5o) Sắc Lệnh về Canh Tân Thích Nghi Đời Sống Dòng Tu (Perfectae Caritatis: Đức Ái trọn hảo) được công bố ngày 28/10/1965;

(6o) Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân (Apostolicam Actuositatem: Phát động việc tông đồ) được công bố ngày 18/11/1965;

3. Có 3 trong 3 Tuyên Ngôn được công bố trong năm 1965

(1o) Tuyên ngôn về Giáo Dục Ki-tô Giáo (Gravissimum Educationis: Vai trò vô cùng quan trọng) được công bố ngày 28/10/1965;

(2o) Tuyên ngôn về Liên Lạc Của Giáo Hội Với Các Tôn Giáo Ngoài Ki-tô Giáo (Nostra Aetate: Trong thời đại chúng ta) được công bố ngày 28/10/1965;

(3o) Tuyên ngôn về Tự Do Tôn Giáo (Dignitatis Humanae: Nhân phẩm) công bố ngày 07/12/1965 □

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội



50 NĂM VATICAN II: HOÀI NIỆM *và* DỰ CẢM

Giới thiệu: Bài viết của linh mục Máttthêu Vũ Khởi Phụng, CSsR viết vào năm 2012, tức 50 năm ngày Công đồng Vatican II khai mạc. Bài chứa đựng một ký ức thật đẹp về thời điểm Công đồng được cả thế giới chờ đón và hy vọng.

VRNs (06.10.2012) – Rôma, Italia – Chỉ một tuần nữa thôi, Hội Thánh Công Giáo sẽ khai mạc Năm Đức Tin để kỷ niệm 50 năm Công Đồng Vatican II. Thời gian qua thật mau, những người còn có ký ức về thời điểm đó như tôi hóa ra đã đến tuổi “cổ lai hy” rồi. Các bạn trẻ ngày nay khó cảm nhận được cái cảm giác háo hức thích thú của thế hệ chúng tôi vào thời kỳ đã được gọi là “*Mùa Xuân Giáo Hội*”. Tôi còn học trung học năm 1958, thì Đức Gioan XXIII xuất hiện như một vị Giáo hoàng bất ngờ. Ở vào tuổi 77,

ngài như một làn gió mát rất tươi trẻ, hồn nhiên trong Giáo Hội. Chỉ ba tháng sau ngày lên ngôi, ngài đưa Giáo hội vào một khúc quanh đầy hứa hẹn với công bố quyết định triệu tập Công Đồng.

Sau mấy năm chuẩn bị, lúc Công Đồng khai mạc năm 1962, tôi đã vào Tập Viện DCCT ở Nha Trang. Các đồng bề trên và anh em trong Dòng rất quan tâm theo dõi mọi diễn biến ở Công Đồng. Hồi đó chưa làm gì có những phương tiện thông tin tức thời như Internet hay Twitter bây giờ. Nhưng Nhà Dòng đặt mua những bản tin của Thông Tấn Xã Công Giáo “*Kipa*” từ Thụy Sĩ gửi về, tuần nào cũng hai ba đợt tin tức. Các bản tin được đọc to trong bữa ăn hằng ngày. Các cha giáo, các bậc huynh trưởng giải thích cho giới trẻ chúng tôi những gì hàm ngụ từ trong bài diễn văn khai mạc của Đức Thánh Cha và những phát biểu nổi bật của các nghị phụ trong các phiên họp. Chúng tôi được theo dõi những bản tin và những lời bình suốt thời gian Công Đồng họp.

Đức Gioan XXIII như một ánh sao băng vút qua bầu trời Giáo Hội, càng về sau càng sáng. Chỉ chừng nửa năm sau khi khai mạc Công Đồng, ngài qua đời. Những ngày ngài hấp hối rồi cái chết của ngài tạo nên chấn động trong dư luận xã hội, vượt rất xa ra ngoài ranh giới của Giáo Hội Công Giáo. Người ta ví ngài như ông Môsê đưa dân tới cửa ngõ của miền Đất Hứa thì hoàn thành sứ mạng. Nhưng ngài đã tạo ra khúc quanh quyết định tương lai.

Tôi còn nhớ hôm biết tin Đức Hồng Y Montini lên ngôi danh hiệu Phaolô VI. Chúng tôi vẫn đang ở Tập Viện. Buổi tối anh em cầu nguyện Thánh Chúa. Bên Tu Viện cách Nhà Nguyện chúng tôi một mảnh vườn nhỏ, các cha đang nghe đài BBC loan tin từ Vatican. Tiếng hoan hô báo Tin Mừng của các cha trẻ vọng sang nhà nguyện làm nổ tung bầu khí trầm lặng. Chúng tôi cất lên bài

Thánh Ca truyền thống cầu cho Đức Giáo Hoàng mỗi khi chào Thánh Thể. Nhưng đây là lần đầu tiên cầu cho ngài với danh hiệu Phaolô.

Đã mấy trăm năm rồi mới lại thấy danh hiệu này trên ngai Thánh Phêrô. Hồi ấy còn hát bằng tiếng La Tinh: “Oremus pro Pontifice nostro Paulo”. Về sau anh em bảo nhau: “Chúng mình là những người đầu tiên ở Việt Nam cầu nguyện cho Đức Giáo Hoàng Phaolô”. Xét ra cũng là một kiểu hãnh diện hão. Nhưng những lời bình chung quanh danh hiệu của Tân Giáo Hoàng mới thật ý nghĩa: Đức Phaolô V (1605–1621) là người đã áp dụng các quyết định của Công Đồng Trento để chấn chỉnh Giáo Hội. Người ta cho rằng danh hiệu Phaolô VI chẳng những gọi lên tâm hồn rực lửa của Đức Montini mà còn biểu lộ chủ ý của ngài là hoàn thành và thể hiện tinh thần Vatican II. Không phải ngẫu nhiên mà sau khi ngài về với Chúa, lần đầu tiên trong lịch sử Giáo Hội có những vị Giáo Hoàng mang danh hiệu kép, Đức Gioan Phaolô I và Đức Chân Phước Gioan Phaolô II. Đây là tinh thần của một thời đại.

Vào những ngày xa xưa đó, tôi chưa nghĩ rằng 40 năm sau, 2003 tôi sẽ được quỳ trước di hài Đức Gioan XXIII. Năm thánh 2000 Đức Gioan Phaolô II đã tôn phong vị khai sáng Vatican II lên hàng Chân Phúc. Di hài ngài vẫn còn nguyên vẹn được đặt trong đền thờ cho bá tánh chiêm ngưỡng. Trong ngôi đền mênh mông huy hoàng nghệ thuật ấy, có rất nhiều du khách, tôi thấy có hai chỗ người ta đắm chìm trong cầu nguyện: trong nhà nguyện Thánh Thể và trước di hài Đức Gioan XXIII. Vì thế tôi muốn chia sẻ với những người đi sau một chút gì về bầu khí tâm linh ngài đã gây dựng.

Tôi viết loạt bài “*Có một người Thiên Chúa sai đến...*” trên báo điện tử *Ephata* của cha Lê Quang Uy nhằm giới thiệu với người

thời sau gương mặt của Đức Gioan XXIII. “*Người Thiên Chúa sai đến*” đã bắt đầu quy tụ được một số bạn đọc thì lại phải gián đoạn vì năm 2008 tôi phải nhận công tác mới ở Thái Hà. Khi lên đường cũng hứa với *Ephata* là sẽ từ Hà Nội gửi bài về. Nhưng chuyện Thái Hà thì mọi người đã biết..... Về sau loạt bài về Đức Gioan XXIII được cha Uy đưa lên trang mạng “*Hướng về Đại Hội Dân Chúa*” (nay đã đổi tên là “*Hành Trình Dân Chúa*”), thỉnh thoảng vẫn có người trách tôi sao không viết tiếp. Tôi chỉ mong sao trong Năm Đức Tin này tiếp tục được những gì còn dở dang, vì thế tôi xin cố gắng ghi lại những biến cố của 50 năm trước cùng với những sinh hoạt của Hội Thánh trong Năm Đức Tin này.

Khi Đức Chân Phước Gioan XXIII công bố triệu tập Công Đồng, linh mục Joseph Ratzinger vừa khởi đầu sự nghiệp giáo sư thần học của mình. Vị giáo sư này là một trong những thần học gia trẻ nhất của nước Đức. Đền khi Công Đồng họp, giáo sư Ratzinger được chọn làm cố vấn cho Đức Hồng Y Frings, Tổng Giáo Phận Köln để giúp Đức Hồng Y nghiên cứu các vấn đề và chuẩn bị các phát biểu trong Công Đồng. Đức Hồng Y Frings trở thành một người có ảnh hưởng lớn ở Vatican II và cha Ratzinger bắt đầu được nhìn nhận là một chuyên viên lớn trong cả hai chiều kích được Đức Gioan XXIII chỉ rõ: “**VỀ NGUỒN**” và “**HIỆN ĐẠI HÓA**” (Aggiornamento). Người ta nhận ra sự đóng góp của tư tưởng Ratzinger trong Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải “**LỜI THIÊN CHÚA**” (Dei Verbum).

Từ đó nhà thần học Ratzinger đã kinh qua các nhiệm vụ giám mục (từ năm 1977) với khẩu hiệu “*Cộng tác với sự thật*”(cooperatores veritatis). Đến năm 1981, Đức Chân Phước Gioan Phaolô II gọi Hồng Y Ratzinger về Roma để nắm giữ Bộ Giáo Lý Đức Tin suốt 24 năm, và ngài trở nên cánh tay mặt của Đức Thánh Cha về các vấn đề tín lý và thần học. Trong vị thế này người cảm phục ngài cũng nhiều, mà người phê bình ngài là

bảo thủ khát khe cũng không ít. Đó chẳng qua là thân phận của Dân Chúa tiến bước giữa những trận đồ của thế gian thôi.

Đến năm 2005, Đức Hồng Y Ratzinger được bầu lên kế vị Đức Chân Phước Gioann Phaolô II, danh hiệu Bênêđictô XVI. Cả một cuộc đời dài đi theo định hướng của Vatican II nhằm phục vụ đức tin chung của Hội Thánh trước bao nhiêu vấn đề gay gắt mà thời đại liên tiếp đặt ra. Nay, Đức Bênêđictô XVI công bố Năm Đức Tin để kỷ niệm 50 năm Công Đồng Vatican II.

Tôi chợt hồi tưởng những ngày tháng đã một nửa thế kỷ trước. Nhớ Công Đồng vừa “*về nguồn*”, vừa “*cập nhật*”, *hiện đại hóa* (*aggiornamento*, theo ngôn từ của Đức Gioan XXIII). “*Về nguồn*” là tìm về cái gì trong trẻo nhất, ngọt mát nhất đã từng nuôi dưỡng tâm linh Hội Thánh; “*Cập nhật*”, *hiện đại hóa* là cũng tìm lại chính cái nguồn ấy vẫn như một mạch nước ngầm tưới nhuận những thể hiện, những hoàn cảnh rất cụ thể của ngày hôm nay. Thấy hiện về gương mặt nhân hiền của Đức Chân Phước Gioan XIII trong thời ấy, thấy tâm hồn hòa bình của ngài tỏa sáng trong những lúc thế giới u ám tưởng như ở bên bờ vực chiến tranh nguyên tử, vì cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba, sống lại những ngày phần lớn các quốc gia không phân biệt ranh giới và mâu thuẫn đón nhận bức thông điệp “**Hòa bình thế giới...**” (**Pacem in Terris...**)

Có lẽ đã đến lúc trở lại với mùa xuân ấy...

Lm. Máthêu Vũ Khởi Phụng, CsSR

[Đăng bởi paulloc lúc 7:00 Chiều 6/10/12]

[Sưu tầm của GDHT]



ĐỔI MỚI CỦA VATICAN II NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Giới thiệu: Công Đồng Vatican được mọi người công nhận là Công Đồng đổi mới, chẳng những trong nhận thức, hiểu biết, giáo lý của Giáo hội về chính mình, về thế giới và con người mà còn trong các thành viên của Giáo hội, từ giáo hoàng, các giám mục, linh mục, tu sĩ cho đến giáo dân. Để hiểu rõ Công đồng Vatican II đã khơi lên sự đổi mới như thế nào, chúng ta không thể không tìm hiểu những nguyên tắc cơ bản của công cuộc đổi mới ấy. Linh mục Avery Dulles, SJ giúp chúng ta trong việc này trong bài viết sau đây:

Ngày 25 tháng Giêng, 1985 Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II bất ngờ triệu tập một khóa họp ngoại thường của Thượng Hội Đồng Giám Mục từ 25 tháng Mười Một đến 8 tháng Mười Hai, 1985. Buổi họp này, kỷ niệm 20 năm ngày bế mạc công đồng Vatican II, cho các Giám mục từ những Hội Đồng Giám Mục khác nhau của quốc gia và vùng một cơ hội trao đổi và đào sâu kinh nghiệm của việc áp dụng Công Đồng vào đời sống GH. Để làm lắng dịu bất kỳ nỗi sợ hãi nào rằng ngài có thể làm cho mình xa cách khỏi Vatican II, Giáo hoàng công bố rằng công đồng "vẫn còn là một biến cố cơ bản trong đời sống của GH đương thời," và đối với cá nhân ngài, đó đã "là điểm qui chiếu thường hằng của mọi hoạt động mục vụ".

Trong hai thập niên qua (1965-1985) Vatican II đối với nhiều người Công giáo, đã trở thành một tâm điểm tranh cãi. Một ít tiếng nói từ phía cực hữu và cực tả thẳng thắn chống lại Công đồng. Những người phản động về sự khác biệt truyền thống khiển trách công đồng vì đã nhường bộ những khuynh hướng Tin lành và Duy Tân. Những người cực đoan của cánh tả ngược lại phàn nàn rằng đang khi công đồng có một vài tiến bộ, lại thất bại để hủy bỏ những tuyên bố có tính chuyên chế (absolutistic) của mình và những cơ cấu giai cấp cũ kỹ. Phần đa những người Công giáo, khi diễn đạt sự mãn nguyện với những kết quả của Công đồng, vẫn bị phân rẽ bởi vì họ giải thích Công đồng theo những cách thức trái ngược nhau. Những người bảo thủ, nhấn mạnh đến tính liên tục với quá khứ, dành sự nhấn mạnh hàng đầu đối với sự tái xác quyết của Công đồng về những giáo lý Công giáo ổn định, gồm sự tối thượng và bất khả ngộ của Giáo hoàng. Tuy nhiên, những người cấp tiến chủ trương rằng ý nghĩa chân thật của Công đồng tốt hơn phải được tìm nơi những sự đổi mới của công đồng. Đối với họ, Vatican II đoạn tuyệt dứt khoát với chủ nghĩa nệ luật, giáo sĩ và khải thặng của những thế kỷ mới

đây và đặt nền cho một Công giáo tự do hơn và lành mạnh hơn.

Như phần lớn các công đồng khác, Vatican II đưa ra một số xác quyết thỏa hiệp. Công đồng cố ý nói một cách mơ hồ về một vài điểm, để tương lai phải làm cho sáng tỏ hơn. Khi nhấn mạnh những nét nan giải này, nhiều người bình luận mang đến ấn tượng rằng Công đồng chẳng để lại gì ngoại trừ hoài nghi và lộn xộn theo ngay sau đó. Vì vậy có thể là lúc thừa nhận rằng đang khi để lại nhiều vấn nạn mở ngổ, công đồng trình bày một lối vững chắc của giáo lý rõ ràng về những vấn đề có tầm quan trọng lớn lao.

Vatican II bàn nhiều vấn đề rất khác nhau, trải từ những vấn đề chuyên môn cao về thần học mạc khải đến những vấn đề rất thực tiễn về hôn nhân và đời sống gia đình. Nhưng tiêu điểm trung tâm chắc chắn là sự hiểu biết của GH về chính mình, và đây là chủ đề mà vị Giáo hoàng đương nhiệm rõ ràng nhìn thẳng vào như nghị trình cho Thượng Hội Đồng Giám Mục 1985. Như một đóng góp vào suy tư chung vốn đi trước Thượng Hội Đồng Giám Mục, tôi sẽ tập trung vào những vấn đề thực tiễn và mục vụ vốn có một ảnh hưởng trực tiếp trên đời sống của đông đảo người Công giáo. Để cho sáng sửa, tôi sẽ sắp xếp những nhận xét của tôi dưới đề mục của **mười nguyên lý** mà tôi coi là được xác nhận một cách không thể nghi vấn do Công đồng. Bất kỳ ai không chấp nhận mười nguyên lý này, tôi dám chắc rằng, không thể ngay thẳng tuyên bố đã chấp nhận những kết quả của Vatican II.

1. Aggiornamento.

Hạn từ tiếng Ý này, có thể dịch là "hợp thời", "tân thời hóa" hay "thích ứng" được đại chúng hóa do Đức Gioan XXIII; ngài đã làm cho khái niệm này thành cơ bản cho chương trình của mình đối

với Công đồng sắp tới. Khi chấp nhận chương trình này, các nghị phụ tại Vatican II tuyên bố bỏ đi sự thù ghét và nghi ngờ đối với thế giới tân thời; chính điều ấy đã đặc trưng hóa Công giáo của thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Cách riêng trong Hiến chế mục vụ về GH trong thế giới tân tiến (*Gaudium et Spes*), Công đồng tuyên bố GH rất kính trọng chân lý và sự tốt lành mà đã được mang vào trong thế giới qua sự tân thời hóa (GS 42). Công đồng nói rằng chúng ta là những chứng nhân cho sự khai sinh của một *thuyết nhân bản mới* trong đó dân chúng ý thức về trách nhiệm của họ đối với nhau vì tương lai của thế giới (GS 55). Công đồng nói, các tín hữu phải "sống hiệp nhất mật thiết với con người của thời đại mình" (GS 62). Tuy nhiên, những người Công giáo phải "hòa nhập khoa học tân tiến và những lý thuyết của nó và việc hiểu biết những khám phá mới đây nhất với luân lý và giáo lý Kitô giáo" (GS 62), hầu GH có thể theo kịp với thời đại và hoàn toàn đi vào kỷ nguyên mới nay đang sinh ra. Bằng cách ấy, GH có thể làm giàu chính mình và hiểu biết tốt đẹp hơn những kho tàng GH nhận được từ Đức Kitô. Chẳng những không bám vào những hình thức cổ xưa, GH như người lữ khách phải vội vã tiến lên tới sự hoàn tất của lịch sử, khi Vương quốc TC sẽ được mạc khải trong tất cả sự tròn đầy của nó. Dĩ nhiên, Đức Gioan XXIII cũng như Công đồng **không** chủ trương tin điều phi lý rằng cái mới thì luôn tốt hơn cái cũ. Thực vậy, họ thường chỉ ra rằng những kỹ thuật tân tiến có thể dễ dàng bị lạm dụng để làm dân chúng lãng trí khỏi những của cải tinh thần hằng tồn tại. Nhưng đó không phải là lời bào chữa cho việc vùi mình vào trong quá khứ.

Giống như tất cả những nguyên lý khác mà chúng ta sẽ xem xét, nguyên lý, *aggiornamento*, chỉ là một nguyên lý. Phải thận trọng và suy xét kỹ để áp dụng nó trừ phi Tin mừng mất đi sức mạnh thách đố của nó đang khi được điều chỉnh cho hợp với tinh

thần của thời đại. Nguyên lý ấy tự nó vẫn lành mạnh và quan trọng. Đang khi vinh vang trong gia tài cao quý của mình, GH không được cho phép mình trở thành một món hàng trong bảo tàng viện. GH không được trở thành một di vật của Trung Cổ hay bất kỳ thời kỳ quá khứ nào, nhưng đúng hơn là một phần sống động của thế giới tân tiến khi vội vã tiến lên tới tương lai của TC. Tin tưởng rằng chính Chúa vẫn ở lại với dân ngài qua các thế kỷ, những Kitô hữu có thể có can đảm để sống và làm chứng tin mừng dưới những điều kiện của thế giới ngày nay.

2. Giáo hội có thể đổi mới.

Trong những thế kỷ mới đây chung chung đều đã nhìn lên GH như một tổ chức thần linh không vết nhơ hay nhăn nheo. Đang khi chấp nhận những lầm lỗi của cá nhân tín hữu, những người Công giáo đã nhấn mạnh rằng chính GH là tinh tuyền và thánh thiện. Tuy nhiên, Vatican II miêu tả GH dưới diện hình ảnh kinh thánh là Dân TC. Như chúng ta học từ Kinh thánh, dân tộc này, dù luôn được đóng ấn do mối liên hệ giao ước với TC, đôi khi bất trung. Vì vậy, hiến chế về GH (*Lumen Gentium*) có thể chấp nhận: "GH, khi ôm ấp các tội nhân trong lòng, thì đồng thời và luôn luôn cần được thanh tẩy và không ngừng theo đuổi lối đường sám hối và canh tân". (LG 8). Hơn nữa, trong sắc lệnh về Đại kết (*Unitatis Redintegratio*), Công đồng tuyên bố: "Đức Kitô mời gọi GH, khi tiến trên đường lữ hành, tới sự đổi mới liên lý đó mà GH luôn cần đến (thiếu), theo mức độ GH là một tổ chức của con người trên trần" (UR 6).

Ý tưởng rằng GH có thể đổi mới khiến mọi người ngạc nhiên. Vào muện thời Trung Cổ, đã có một vài công đồng lấy việc cải cách của toàn GH "nơi thủ lãnh và nơi các phần tử," như mục đích rõ ràng của mình. Nhưng sau cuộc Cải Cách Tin Lành, ý tưởng đổi mới bị nghi ngờ trong vòng Công giáo. Tuy nhiên, nhờ

Vatican II chúng ta được vui nhẹ gánh nặng phải bảo vệ toàn hồ sơ lý lịch của quá khứ. Chúng ta có thể tự do chấp nhận rằng không chỉ cá nhân những người công giáo nhưng cả chính GH trong những hành vi chính thức của mình, đã phạm sai lầm và tội lỗi, như việc đốt thiêu người lạc giáo, bách hại người Do thái và những quá độ của những cuộc thánh chiến. Chúng ta có thể chấp nhận rằng những người công giáo đã chia sẻ phần lớn trách nhiệm trong việc mang đến những chia rẽ giữa những Kitô hữu mà như thế làm suy yếu chứng tá Kitô hữu trong thời đại chúng ta.

Như nguyên lý hợp thời, nguyên lý thứ hai này phải được áp dụng cách thận trọng khôn ngoan. Không phải mọi sự trong GH là nghi ngờ và khả ngờ. Những cấu trúc bí tích cơ bản, các sách thánh, và những tín điều của GH có giá trị vĩnh cửu. Ân sủng của Đức Kitô, vốn đến qua những kênh rạch này thì mạnh mẽ hơn sự bất trung và tội lỗi của con người. Vì vậy, GH không có một sự quan hệ bình đẳng đối với sự thánh thiện và sự xấu. Sự xấu là nghịch với bản tính chân thật của GH. Vì lẽ này, Vatican II đang khi nói về GH của những tội nhân, né tránh diễn ngữ "GH tội lỗi". Sự khác nhau là một sự khác nhau tinh tế, nhưng có một tầm quan trọng nào đó.

Về những biến cố lịch sử quá khứ, chúng ta phải canh chừng chống lại một thứ khổ dâm thiêng liêng (spiritual masochism) mà thường chuyển tất cả lời khiển trách của phần tử khác tới chúng ta. Thông thường tốt nhất là theo nguyên tắc của Đức Gioan XXIII: "Chúng tôi không muốn bày ra một phiên tòa về quá khứ. Chúng ta sẽ không tìm cách thiết lập ai đúng ai sai. Trách nhiệm là bị tách ra". Dù vậy, để bố trí hồ sơ cho ngăn nắp, thật tốt đẹp để từ bỏ một vài sai lầm. Một thí dụ sẽ là sự nghiên cứu hiện tại để quyết định xem ủy ban giáo hoàng có sai lầm do kết án những lý thuyết của Galileo vào thế kỷ 17 hay không.

3. Canh tân sự chú tâm đối với Lời Chúa.

Trong thời Trung Cổ và thậm chí hơn nữa từ thời Cải Cách, Công giáo có khuynh hướng trở thành một GH của luật lệ và các bí tích hơn là GH của tin mừng và lời Chúa. Những người Công giáo cũng thường lãng quên sự phong phú thiêng liêng được chứa đựng trong Kinh thánh. Khi nhấn mạnh những giới luật của GH, họ cho phép việc công bố tin mừng bị hoãn lại. Họ cử hành Thánh Lễ bằng tiếng Latinh - một ngôn ngữ mà phần đa dân chúng không hiểu - và thường không có bài giảng. Trong thần học Công giáo Kinh thánh được coi là một nguồn mạch giáo lý xa xôi, hiếm khi được dùng trừ phi để tìm các bản văn chứng cứ cho những giáo lý sau này của GH.

Vatican II, cách riêng trong Hiến Chế về Mạc Khải (*Dei Verbum*), khôi phục lại tính tối thượng của Kinh thánh như Lời Chúa được ký thác cho việc viết dưới sự linh hứng của Thánh Thần (DV 9). Chức vụ dạy dỗ của GH, theo Hiến chế, "thì không ở trên lời Chúa, nhưng phục vụ Lời, khi lắng nghe Lời cách sốt sắng, gìn giữ nó cách cẩn thận, và giải thích nó cách trung thành" (DV 10). "Theo cùng Hiến chế đó, việc học hỏi Thánh kinh, có thể nói, là linh hồn của thần học thánh" (DV 24).

Cùng Hiến chế đó mạnh mẽ khuyến tất cả những người công giáo sử dụng Kinh thánh. Hiến chế nói: "Để dàng đến gần Kinh thánh phải được cung cấp cho tất cả các tín hữu Chúa Kitô" (DV 22). Ở đây kinh thánh được so sánh với Thánh Thể, vì mỗi thực tại, theo cách riêng mình, cống hiến cho các tín hữu bánh sự sống (DV 21). Và trong cùng đoạn đó, chúng ta thấy câu hùng biện sau đây: Bởi vì trong sách thánh, Chúa Cha trên trời gặp gỡ con cái mình với tình yêu lớn lao và nói cho họ; và sức mạnh cùng quyền lực của Lời Chúa thật lớn lao đến nỗi nó vẫn còn là sự nâng đỡ và năng lực của GH, sức mạnh của đức tin cho con

cái GH, lương thực của linh hồn, nguồn mạch tinh tuyền và vĩnh cửu của đời sống thiêng liêng”.

Ngoài việc phục hồi kinh thánh, công đồng tìm cách canh tân tác vụ rao giảng. Công đồng mời gọi các vị giảng thuyết công giáo cung cấp lương thực Kinh thánh cho Dân Chúa (DV 23) và khuyến cáo rằng, như thánh Augustinô đã nói, "những ai không lắng nghe Lời Chúa bên trong sẽ là những người giảng thuyết rỗng tuếch của Lời Chúa bên ngoài" (DV 25). Vậy, linh mục cũng như giáo dân được khích lệ để đọc kinh thánh với tinh thần cầu nguyện.

Từ lúc Công đồng, những chỉ dẫn như tôi vừa trích dẫn đã sinh nhiều hoa quả tuyệt vời. Những người Công giáo học Kinh thánh hơn; nhiều người tham dự những nhóm học hỏi và cầu nguyện vốn tập trung vào Kinh thánh. Nhưng về điều này, cũng như trong những điều khác, cần tiến hơn nữa. Cho đến giờ vẫn không có nguy hiểm rằng những người Công giáo, trong sự nhiệt tâm của họ đối với Lời, sẽ quay khỏi nghi thức và bí tích hay, khi họ sùng mộ Tin mừng, họ sẽ xao nhãng luật Đức Kitô và GH. Thái độ thoải mái hơn đối với luật GH hiện nay, đang khi đáng tiếc ở một vài khía cạnh, có thể được nhìn như một mối lợi tới mức nó giúp vượt thắng một sự bối rối hầu như mang tính hình thức mà những người cộng giáo lụy phục nhiều năm trước Vatican II. Dĩ nhiên, một cách lý tưởng, những yếu tố đối kháng như lề luật và tin mừng, lời và bí tích không được nghịch chống một mất một còn với nhau, nhưng đúng hơn phải kiên cường lẫn nhau. Nỗ lực để đạt được sự cân bằng đúng đắn phải là quan trọng nhất cho người công giáo hôm nay.

4. Tập đoàn tính.

Hầu như là một lời vô vị để nói rằng GH công giáo từ Trung cổ mãi là một cơ cấu kim tự tháp. Người ta quan niệm chân lý và sự

thánh thiện xuất từ Giáo hoàng như vị Tổng Tư lệnh, và các giám mục được miêu tả như các sĩ quan thuộc cấp thực thi những mệnh lệnh của giáo hoàng. Vào thời đại chúng ta nhiều người công giáo bảo thủ thiên về thứ loại suy quân sự này về GH.

Vatican II không chối bỏ tính tối thượng của giáo hoàng như đã được xác định một thế kỷ trước kia do Vatican I; nhưng công đồng đặt quyền giáo hoàng vào một bối cảnh mới mẻ đáng kể. Đoàn giám mục, cùng với giáo hoàng như thủ lĩnh của mình, được coi là có đầy đủ quyền bính trong GH. Cá nhân giám mục được trình bày không phải như những trợ tá cao cấp suông của giáo hoàng nhưng như những mục tử có quyền riêng của mình. Thực vậy họ được gọi là "đại diện Đức Kitô" (LG 28) một tước hiệu cổ xưa mà đã được ban cho các giám mục trong GH sơ khai, nhưng từ khoảng thế kỷ 8, đã được dành cho giáo hoàng.

Nguyên lý tập đoàn tính xuyên suốt những văn kiện của Vatican II như một sợi chỉ vàng. Giống như giáo hoàng được vây quanh bởi một đoàn giám mục, thì mỗi giám mục phục vụ như thủ lĩnh của một đoàn linh mục, được gọi là linh mục đoàn (presbytery), và cai quản địa phận trong sự tham khảo với các linh mục, tu sĩ và giáo dân. Do vậy, nguyên lý tập đoàn tính, được hiểu theo một nghĩa rộng, có thể được coi là tháp nhập tất cả mọi cấp của GH. Theo Hiến chế về GH, những vị mục tử "biết rằng chính Đức Kitô không muốn họ một mình gánh trên vai toàn thể sứ mệnh cứu độ của GH đối với thế giới. Trái lại, họ hiểu rằng bổn phận cao quý của mình là chần dặt các tín hữu và nhận biết những sự phục vụ và những ân điển đặc sủng của họ hầu tất cả theo những vai trò riêng của mình có thể một lòng một trí cộng tác vào công việc chung" (LG 30).

Từ công đồng, nhiều thể chế mới đã được dựng lên để thực hiện tính tập đoàn trên những bình diện khác nhau; chẳng hạn,

Thượng Hội Đồng có tầm vóc thế giới của các Giám Mục, những hội đồng giám mục quốc gia và vùng, những hội đồng mục vụ quốc gia và địa phận, hội đồng giáo xứ, hội đồng linh mục, v.v. Nếu trong một vài trường hợp quá nhiều câu hỏi đã chịu thảo luận và tranh cãi kéo dài, nó đã nhất thiết phải đi qua giai đoạn này để tới phương kế đúng. Chủ nghĩa đại nghị (*parliamentarism*) hay dân chủ, nếu được mang đi quá xa, thì có thể kích động một phản ứng theo phía đối nghịch, tới sự phục hưng của một hình thức tiền công đồng của chủ nghĩa chuyên chế (*authoritarianism*), mà dường như tương đối hiệu quả và nhanh chóng. Ở đây công đồng vẫn mời gọi chúng ta nghĩ ra cơ chế làm quyết định mà kính trọng cả nguyên lý truyền thống là thẩm quyền mục vụ cá nhân và bản chất của GH như một cộng đoàn đầy Thần khí. Quân đội hay một hội họp theo thành phố Tân Anh Quốc đều không phải là một khung não trạng (*paradigm*) thích hợp.

5. Tự do tôn giáo.

Cho tới chính lúc khi công đồng khai mạc, không hề chắc chắn GH công giáo có thể tán thành nguyên lý tự do tôn giáo mà lúc đó đã ưu thắng trong phần đa nhóm Tin lành và được phê chuẩn trong Hội Nghị của Công Hội Thế Giới của các Giáo Hội (WCC) tại New Delhi vào năm 1961 hay không. Một cách biệt loại hơn, người ta hỏi xem GH có thể hoàn toàn kính trọng hay không quyền lợi và bổn phận của từng người để đi theo lương tâm của họ về việc chấp nhận hay không chấp nhận niềm tin tôn giáo. Hằng bao thế kỷ, các GH, Tin lành cũng như Công giáo, cố gắng để được kiểm soát bộ máy của quyền lực dân sự để đạt được một địa vị ưu tiên. Vào thập niên 1950, khi John Courtney Murray bắt đầu bảo vệ ý tưởng về một nhà nước trung lập về tôn giáo, những thần học gia Hoa Kỳ khác và ngay cả một vài vị thẩm quyền của Roma tra hỏi tính chính thống của ông. Tuy nhiên,

vượt qua những phản đối của các đối thủ, ông được mời tới Vatican II (thật sự không phải khóa họp đầu tiên, nhưng từ khóa họp thứ hai trở đi) và ông, có lẽ hơn bất kỳ cá nhân nào khác, chịu trách nhiệm *Tuyên Ngôn về tự do tôn giáo*. Tuyên ngôn này rõ ràng dạy rằng đối với nhà nước, không cần phải tuyên xưng tôn giáo chân thật hay cho nó một địa vị ưu tiên theo luật pháp. Nó phê chuẩn sự khoan thứ dân sự đối với tất cả niềm tin và chống đối trên những nền tảng thần học, bất kỳ sự cưỡng bách nào trên bình diện niềm tin.

Đối với phần đa người Mỹ nguyên lý tự do tôn giáo không mang đến khó khăn nào. Chúng ta hầu như chấp nhận nó đã rồi. Đúng hơn, mối nguy của chúng ta là rơi vào một cực đoan đối nghịch: chủ nghĩa dửng dưng tôn giáo. Chúng ta phải nhắc nhở mình rằng tuyên ngôn rằng chính Tuyên ngôn đó xác định địa vị độc đáo của đức tin Công Giáo và bổn phận của các tín hữu phải tuyên xưng và bảo vệ đức tin đó. Như Đức Kitô và các tông đồ, những người chân thành tin và yêu mến chân lý nhận được từ Đức Kitô sẽ cố gắng làm chứng cho nó bằng lời nói và việc làm của họ, và chia sẻ đức tin của họ với người khác.

6. Vai trò tích cực của Giáo dân.

Trong GH Công giáo, ít nhất trong thời đại tân tiến, linh mục và tu sĩ gánh hầu hết toàn bộ trách nhiệm đối với sứ mệnh của GH. Tinh thần tông đồ của giáo sĩ và các dòng tu thật đáng khen, nhưng nói chung, giáo dân khá thụ động. Đang khi tìm phương được chữa trị tình trạng này, phong trào được ta biết đến như Công Giáo Tiến Hành, trong thời kỳ giữa hai cuộc thế chiến, tìm cách để làm cho những phần tử giáo dân ưu tú can dự vào việc tông đồ của hàng giáo phẩm. Không thỏa mãn với điều này, một số thần học gia cấp tiến suốt thập niên trước Vatican II chủ trương rằng giáo dân, ngoài việc hợp sức với việc tông đồ của

hàng giáo phẩm, phải tích cực thực thi một công việc tổng đồ trong chính quyền lợi của mình như những tín hữu được thánh tẩy. Công đồng đang khi xác nhận sự phát triển này, khích lệ giáo dân làm cho Vương quốc TC tiến tới bằng cách dẫn mình vào những công cuộc trần thế và bằng việc phục hồi những bổn phận gia đình và ơn gọi một cách trung thành với Đức Kitô.

Từ khi Công đồng, một vài người chủ trương rằng giáo sĩ có như lãnh vực hoạt động riêng của họ những công việc bên trong GH, đang khi giáo dân phải coi các chuyện trần thế như lãnh vực có uy tín của mình. Tuy nhiên, công đồng không coi là đúng một sự phân chia công việc cách sắc bén như thế. Công đồng cung cấp một sự tham gia tích cực của giáo dân trong thờ phượng, trong các hội đồng mục vụ, và thậm chí trong lãnh vực thần học. Trong lãnh vực cuối cùng Vatican II mời gọi giáo dân nói tự do và công khai: GS nói: "Để những người như thế có thể chu toàn chức năng riêng của mình, ta hãy nhận biết rằng tất cả các tín hữu, giáo sĩ và giáo dân, đều có một sự tự do hợp pháp để tìm tòi và suy tư, và tự do để diễn đạt tâm trí của mình cách chân thành và can đảm về những vấn đề mà trong đó họ hưởng được uy tín" (GS 62).

Trong hai thập niên từ khi Công đồng, chúng ta nhìn thấy trong GH một sự gia tăng lớn lao của những tác vụ giáo dân - không chỉ thiết lập theo giáo luật các tác vụ đọc sách và giúp lễ, nhưng cả những tác vụ giảng dạy, âm nhạc, hoạt động xã hội, tư vấn, và ngay cả ban phát Thánh Thể. Cũng vậy có cả một dòng chảy lớn và tự do của giáo dân nam nữ vào thần học. Một cách có thể tiên đoán được những phát triển mới này đòi hỏi những điều chỉnh mà trong một số trường hợp thật khó khăn. Đó là trách vụ của giáo hoàng và các giám mục để đảm bảo rằng những phát triển mới này không phá vỡ cộng đoàn. Trong một vài trường hợp, điều này muốn một bước tiến chậm chạp, nhưng xét toàn

bộ chúng ta tạ ơn rằng quá nhiều được hoàn thành trong một thời gian quá ngắn như thế. Trong một thời kỳ của việc suy giảm những ơn gọi vào đời sống giáo sĩ và tu sĩ, thật khẩn cấp rằng giáo dân đảm nhận trách nhiệm lớn lao hơn bao giờ đối với đức tin và đời sống của GH.

7. Tính đa biệt trong Vùng và Địa phương.

Từ cuối thời Trung cổ cho đến Vatican II những nhấn mạnh đặc trưng của Công giáo là trên GH phổ quát, thông thường được miêu tả như một xã hội nguyên khối. Vatican II, trái lại, nhấn mạnh đến GH địa phương. Như đã nói, mỗi GH ấy dưới sự hướng dẫn của Giám mục vốn được gọi là "đại diện Đức Kitô". Nhiều bản văn công đồng trình bày GH phổ quát như sự hiệp thông, hay là một kết hợp tập đoàn, của các GH địa phương. Hiến chế GH nói: "Trong và từ từng các GH như thế hiện hữu chỉ một GH Công Giáo" (LG 23). Giám mục địa phương, trên nền tảng của sự thụ phong và chỉ định của ngài, được ban thẩm quyền là một mục tử chân thật của cộng đoàn, đang khi làm những quyết định có trách nhiệm hơn là chỉ thực thi những chỉ dẫn của Roma (LG 27).

Vatican II cũng dự liệu cho những việc tạo thành nhóm trong vùng. Nói về những khác biệt giữa Kitô giáo Đông và Tây, Công đồng tuyên bố: "Không hề là một cản trở cho sự hiệp nhất của GH, sự đa biệt như thế của các phong tục và những tuân thủ như thế chỉ thêm vào cho vẻ đẹp của GH và đóng góp nhiều vào việc thực thi sứ mệnh của GH" (UR 16). Như vậy Vatican II nhận biết một sự đa dạng hợp pháp giữa các GH vùng, ngay cả trong phát biểu của tín lý. Nơi khác, công đồng nói: "Sự đa dạng của các GH địa phương với một khao khát chung là bằng chứng huy hoàng đặc biệt về tính công giáo của GH không bị phân chia" (LG 23). GS nói: "Việc rao giảng tin mừng được điều chỉnh phải

là luật của mọi việc loan báo tin mừng”. (GS 44). Mỗi quốc gia, ta được nói, phải phát triển khả năng diễn đạt sứ điệp của Đức Kitô theo cách riêng mình, và phải cố xúy một sự trao đổi sống động giữa GH và văn hóa đặc thù (GS 44).

Sự khác biệt giữa Công giáo của các vùng khác nhau ngày nay thì hiển nhiên hơn 20 năm về trước [1965], khi những tập tục và phụng vụ của GH Roma, với ngôn ngữ Latinh của nó, bị thúc ép một cách phổ quát. Sự khác biệt hóa này chưa kết thúc. Đức Gioan Phaolô II, trong chuyến viếng thăm Zaire, đã nói tán thưởng việc châu Phi hóa.

Châu Mỹ hóa [“Á châu hóa”] đã và đang xảy ra trong chính đạo Công Giáo chúng ta. Bởi vì truyền thống văn hóa chính trị đặc biệt của chúng ta, chúng ta có những nhãn quan khác nhau từ nhiều quốc gia khác về cách thức Giáo hội phải liên hệ với chính trị và kinh tế. Chúng ta có những quan niệm khác nhau về nhân quyền, đang khi lớn lên từ truyền thống được công nhận. Có lẽ chúng ta cũng được chuẩn bị hơn nhiều quốc gia khác để nhìn thấy phụ nữ nổi lên tới những địa vị lãnh đạo trong Giáo hội, như họ có trong đời sống chính trị và kinh tế.

Đang khi tìm một sự hội nhập văn hóa lành mạnh, chúng ta phải tránh nghĩ rằng những truyền thống quốc gia chúng ta thì nằm ngoài phê bình, hay người Mỹ là dân tộc cao hơn và không có gì phải học từ những quốc gia khác. Ngay cả ở đâu những khác biệt hợp pháp hiện hữu, chúng ta phải chăm sóc rằng chúng không phá vỡ sự hiệp thông của chúng ta với toàn GH Công giáo còn lại. Về điều này chúng ta phải kính trọng quyền bính của Tòa Thánh, mà có trách nhiệm trước mặt Chúa để “bảo vệ những khác biệt hợp pháp” cũng như đảm bảo rằng “những khác biệt như thế không cản trở hiệp nhất song trái lại đóng góp vào điều ấy”. (LG 13)

8. Đại kết.

Từ thời Cải Cách, những người Công Giáo thông thường thừa nhận những thái độ thù hằn và tự vệ đối với những Giáo hội Kitô hữu khác, và cách riêng hướng đến Tin Lành. Sự thù hằn



như thế ngay cả có thể tìm thấy trong những văn kiện chính thức của Tòa Thánh, đặc biệt giữa Đức Pio IX và Pio XI. Về điều này Đức Gioan XXIII và Vatican II đã thực hiện một cuộc cách mạng im lặng. Công đồng trong sắc lệnh về Đại kết diễn đạt sự kính trọng đối với gia sản của những Giáo hội Kitô hữu khác, kêu gọi chú ý tới tầm quan trọng cứu độ của họ đối với các thành viên của họ, và thừa nhận rằng họ có những yếu tố chân thật của Giáo Hội Chúa Kitô. Như vậy, sự tuyệt thống đã nhường cho đối thoại. Trong những cuộc đối thoại đại kết từ Công đồng, tiến bộ lớn lao đã được thành tựu trong việc vượt thắng những khác biệt lớn lao vốn đã chia rẽ các giáo hội hàng bao thế kỷ. Đang khi sự hiệp nhất chính thức giữa GH công giáo và những cộng đoàn khác vẫn còn chỉ là một viễn tượng xa, thì các Kitô hữu của những nhóm niềm tin khác nhau đã đạt được một mức độ thông cảm lẫn nhau, kính trọng và liên đới rất lớn lao.

Việc thi hành Đại kết cách thích đáng, như việc thi hành các nguyên lý khác mà chúng ta đang xét ở đây, đòi hỏi một óc thực tiễn và phán đoán tốt đẹp. Một đàng, chúng ta phải vượt thắng những thái độ hận thù và nghi ngờ quen thuộc của chúng ta và rộng mở để trân trọng tất cả những giá trị lành mạnh nơi những

hình thức khác của Kitô giáo, cả Đông lẫn Tây. Đàng khác, chúng ta không thể nhượng bộ điều gì là chân thật và có giá trị trong truyền thống Công giáo chúng ta và hành động như thể tất cả những vấn đề đại kết đã được giải quyết rồi. Thay vì muốn rũ bỏ sông những bất đồng vẫn còn đó, chúng ta phải kiên nhẫn làm việc suốt một thời gian dài để đạt được một sự đồng thuận dựa trên chân lý, qua cầu nguyện và đối thoại.

9. Đối thoại với các Tôn giáo khác.

Công đồng Vatican II không chậm chạp trong việc tri nhận rằng thái độ thay đổi của những người công giáo đối với các Giáo hội Kitô hữu khác đòi hỏi một sự chuyển đổi tương xứng trong thái độ của họ đối với những tôn giáo khác và những tín đồ của các tôn giáo đó. Vì vậy Công đồng soạn thảo một *Tuyên Ngôn về Những Tôn Giáo không phải Kitô giáo (Nostra Aetate)*; nó chứa đựng một phần lớn về những mối liên hệ giữa Kitô hữu-Do thái. Từ Công Đồng đã có những đối thoại quan trọng giữa những người Công Giáo và Do thái, cả trong quốc gia này lẫn ở ngoại quốc. Các Kitô hữu thấy rằng những sự giàu có của các truyền thống tôn giáo khác, như Ấn độ Giáo, Phật Giáo và Hồi Giáo, có thể giúp sinh động lại đức tin và sự thờ phượng của chính họ. Các vị truyền giáo đang tìm những cách thức mới để giúp những người ngoài Kitô giáo liên hệ tốt đẹp hơn với Thiên Chúa trong những niềm tin của cha ông họ.

Nguyên lý của đối thoại liên tôn, như những nguyên lý mà tôi đề xướng, thách đố chúng ta tới một phản ứng trưởng thành và có trách nhiệm. Một số bình luận gia đã giới thiệu một phản đề giữa sứ mệnh và đối thoại, như thể tầm quan trọng của cái này phải xén bớt sự cần thiết của cái kia. Tuy nhiên, Công đồng giữ sứ mệnh và đối thoại ở thế cân bằng. Đàng khi nhận biết những yếu tố của chân lý và sự tốt lành trong tất cả những tôn giáo lớn,

và như vậy phát sinh niềm ao ước đối thoại trong kính trọng, công đồng nhấn mạnh đến sự độc nhất do Chúa ban cho Giáo hội của Đức Kitô và như vậy nhấn mạnh đến “sự cần thiết tuyệt đối” của hoạt động truyền giáo hầu Đức Kitô có thể được nhận biết giữa tất cả các dân tộc là Đức Chúa và là Đấng Cứu Độ phổ quát.

Đối với phần đa Kitô hữu sự áp dụng hiển nhiên nhất của tuyên ngôn về các tôn giáo không phải Kitô giáo có liên quan với Do thái giáo; vẫn có giữa nhiều người Công Giáo một thái độ thù hằn tiềm tàng, được đâm rễ sâu trong những yếu tố chủng tộc và văn hóa. Chúng ta cần nỗ lực đặc biệt để vươn trên những thái độ tiêu cực này, vốn hoàn toàn trái nghịch với điều răn yêu thương của Tin Mừng. Như tôi nhắc đến ở trên, Giáo hội một cách tập thể phải sám hối nhiều về những qua hệ với dân Do thái. Chúng ta đừng thêm vào những tội ác này.

10. Sứ mệnh có tính xã hội của Giáo hội.

Từ thời Cải Cách, GH Công Giáo đã có khuynh hướng nhìn sứ mệnh của mình như một sứ mệnh chỉ mang tính chất tôn giáo mà thôi, nhằm chuẩn bị các cá nhân qua đức tin, sự thờ phượng, và thái độ chính đáng để đạt đến sự sống đời đời. Dần dần, với những thông điệp xã hội của các Giáo Hoàng như Lêô XIII và Pio XI, GH bắt đầu đảm nhận trách nhiệm dạy dỗ các nguyên lý của một trật tự xã hội công bằng, nhưng trật tự này được nhìn dưới diện hợp với luật tự nhiên hơn là như một sự thực thi Tin mừng.

Với Đức Gioan XXIII và Vatican II, sự nhấn mạnh đã thay đổi. Hoạt động tông đồ của hòa bình và sự công bằng xã hội xảy ra được coi là một đòi hỏi của sứ mệnh Giáo hội là tiếp tục công trình của Đức Kitô, Đấng đã động lòng xót thương những người nghèo khổ và bị đàn áp. Thái độ thay đổi này được diễn đạt hùng

hồn trong “sứ điệp gửi Nhân Loại” của Vatican II, phát hành 9 ngày sau khi khai mạc Công Đồng năm 1962. Nó được soạn thảo tỉ mỉ đầy đủ hơn trong *HC mục vụ về GH trong thế giới tân tiến (Gaudium et Spes)*, nó mô tả GH như được phú ban “một chức năng, một ánh sáng, và một năng lực mà có thể phục vụ để cấu trúc và củng cố nhân loại” (GS 42). Từ Công đồng chiều hướng này đã đạt được sức đẩy. Nó được phản ánh trong thông điệp của Đức Phaolô VI về sự Tiến Bộ của các Dân Tộc (1967) và còn rõ ràng hơn nữa trong tài liệu của Thượng Hội Đồng Giám Mục về Sự Công Bằng trong Thế Giới (1971), nó miêu tả cuộc đấu tranh cho công bằng và sự biến đổi xã hội như những chiều kích cấu thành của việc loan báo Tin Mừng. Đang khi tìm thực thi mệnh lệnh của Công đồng là phân định những dấu chỉ thời đại trong ánh sáng tin mừng (GS 4), những giáo hoàng và hội đồng giám mục đã công hiến ngày một hơn những chỉ dẫn cụ thể liên quan đến những vấn đề của chính sách công cộng. Chủ đề về tình liên đới đặc biệt của GH với người nghèo đã được đề cập tại Vatican II, (GS 1), nảy sinh ở Mỹ Latinh tới ý tưởng về một “sự chọn lựa ưu ái” dành cho người nghèo.

Nguyên lý thứ mười này không dễ dàng thực thi hơn chín nguyên lý kia. Thật là vô trách nhiệm đối với Giáo hội để tránh né tất cả bình luận về những khía cạnh luân lý và tôn giáo của những vấn đề chính sách công cộng, vì thế giới một cách hợp pháp tìm kiếm lời khuyên nơi những vị lãnh đạo tôn giáo trong việc định hình lại xã hội, theo điều mà Giám mục James Malone đã gọi “một hệ thống giá trị được TC ban tặng”. Đàng khác, những thẩm quyền giáo hội phải kính trọng sự tự do cá nhân và nhóm trong GH để tới đạt những quyết định chu đáo về những chính sách mà những người Công giáo cam kết và tri thức có thể bất đồng. Những cuộc tranh luận náo loạn về những lá thư mục vụ tập thể của các Giám mục Hoa kỳ về hòa bình và kinh tế làm

cho hiển nhiên rằng, đang khi tiến bộ chân thật được thực hiện, thì lối tiếp cận đúng đối với những vấn đề xã hội-chính trị chỉ được tìm thấy dần dần qua một tiến trình thử và sai.

Mười nguyên lý này không nhằm tát cạn những thành tựu của Vatican II, ngay cả trong lãnh vực giáo hội học. Nhưng theo ý tôi, chúng chắc chắn cho thấy rằng công đồng, bất chấp tất cả những ngập ngừng và thỏa hiệp, công hiến những chỉ dẫn rõ ràng về nhiều vấn đề cốt yếu. Thượng Hội Đồng Giám Mục ngoại thường năm 1985, đang khi tưởng niệm 20 năm ngày bế mạc công đồng, có thể tái xác quyết và minh tỏ một vài giáo lý cơ bản, rõ ràng này. Bằng cách này nó có thể giúp những người Công Giáo trên khắp thế giới bàn đến những vấn đề của những thập niên sắp tới với sự tin tưởng và nhất trí lớn lao hơn. [NOTE: This presentation has been slightly edited by J. Kroeger; it originally was published in *Church* (Summer, 1985): 3-10; reprint permission requested] □

Avery Dulles, S.J.

Bản dịch: Lm. Giuse Nguyễn Văn Am, SDB

(giaolyductin.net 03/11/13, 3:57 pm)

[Sưu tầm của GDHT]

FIFTY YEARS

Vatican II

1962 - 2012

Chia sẻ kinh nghiệm và **HỌC HỎI TÀI LIỆU** **CÔNG ĐỒNG VATICAN II**

Giới thiệu: Bài viết của linh mục Giuse Ngô Quang Trung là những kinh nghiệm thực tế về việc hỏi hỏi các văn kiện Công đồng Vatican II. Không có nhiều nơi quan tâm đến việc học hỏi này, có lẽ vì các văn kiện quá cao siêu khó hiểu đối với giáo dân, hoặc cũng có thể vì các vị lãnh đạo ngại thay đổi theo đường hướng canh tân của Công đồng. Ước gì trong năm 2015 này, nhiều linh mục xứ quan tâm đến việc mở các lớp học hỏi về Công đồng tại cộng đoàn các ngài có trách nhiệm..

Công đồng Vatican II đã ban hành số tài liệu phong phú nhất trong lịch sử các Công đồng, bao gồm 16 văn kiện, trong đó có 4 hiến chế, 9 sắc lệnh, và 3 tuyên ngôn.

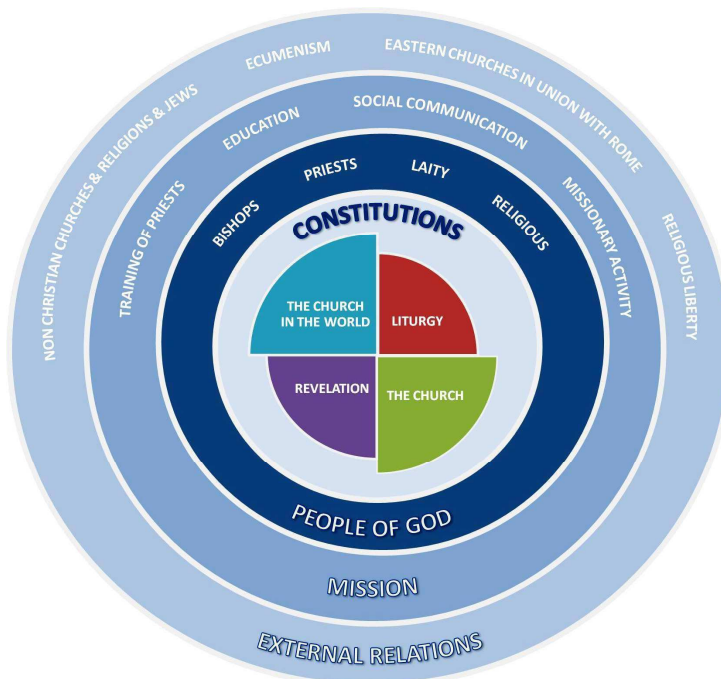
Theo Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI, những tài liệu này vẫn là kim chỉ nam hướng dẫn đời sống Giáo hội. Trong Năm Đức Tin, ngài mời gọi chúng ta học hỏi tài liệu Công đồng để cử hành thời gian đặc biệt này và để cùng hiệp thông với Giáo hội.

Vậy chúng ta phải đọc những tài liệu này thế nào? Có tiêu chuẩn nào hướng dẫn chúng ta tìm hiểu những nội dung này tốt hơn không? Tôi xin chia sẻ một số điểm vắn tắt sau đây.

1. Cần chú ý tới văn từ của Công đồng.

Công đồng Vatican II đã chủ ý loại bỏ lối văn khô cứng và duy luật của các công đồng trước. Thay vào đó, các nghị phụ đã dùng một lối văn mang tính khuyến dụ và thuyết phục. Các tài liệu này đều ưu tiên sử dụng nhiều hình ảnh Kinh Thánh thay cho những

định nghĩa khô khan và cứng nhắc của triết học kinh viện. Những tài liệu này đọc lên chúng ta thấy âm giọng của một bài giảng đậm đà tâm tình giáo huấn hơn là một văn bản pháp quy thuần túy. Như những bài giảng tuyệt phẩm, những tài liệu này tìm cách khơi gợi, truyền đạt và thôi thúc sự hoán cải, sự canh tân vừa mang chiều kích thiêng liêng vừa chứa đựng nội dung tri thức phong phú cho người đọc.



2. Nên chú ý tới thái độ dung nạp hơn là loại bỏ.

Trong một nỗ lực tối đa tìm sự đồng thuận chung, các nghị phụ Công đồng Vatican II đã chủ tâm chọn một quan điểm là dung nạp nhiều ý kiến khác nhau, có khi đối lập nhau, hơn là loại bỏ một vài khía cạnh, một vài tiểu tiết này hay một vài dị điểm nọ. Vì vậy, một số nhà chú giải đã phàn nàn là các văn kiện Công đồng như có những sự sắp xếp bên trong không được chặt chẽ lắm, và có những nội dung lại “vênh nhau như bánh đa phải lửa!” Tuy nhiên, mỗi nội dung đều được thông qua với một đa số thuyết phục thôi, chứ không phải tất cả đều theo tiêu chuẩn quá bán với số lượng ít hơn mười phiếu chống. Vì thế, Công đồng cho phép nhiều ý kiến khác nhau được bày tỏ.

3. Cần để ý tới lộ trình của Công đồng.

Sự kiện có nhiều quan điểm khác nhau trong các tài liệu Công đồng không có nghĩa là các tuyên bố đều quan trọng như nhau đối với tất cả các tham dự viên Công đồng. Việc nắm hiểu các nội

dung văn kiện, nhất là việc chú giải Công đồng đòi hỏi chúng ta phải hết sức cố gắng tìm ra ý định nền tảng của những tác giả chấp bút cho các tài liệu này. Các ngài có ý nói gì qua văn bản này? Những đề xuất nào của các chuyên viên thần học phụ giúp các nghị phụ, đã giúp các ngài thêm vào bản văn những ý tưởng mới? Những nội dung nào đã bị loại bỏ? Những vấn đề nào còn được mở rộng thêm?

Nêu lên những câu hỏi này cho phép chúng ta nhận định rằng suy nghĩ và quyết định của các giám mục đã trải qua một quá trình nghị bàn trong bầu khí tập trung chú ý cao độ, với thời gian kéo dài bốn năm. Một số chủ đề và quan niệm lúc đầu được coi là tối quan trọng, nhưng sau đó giảm dần tính nghiêm trọng theo quá trình làm việc. Vì thế, ẩn khuất sau những tiếng nói khác nhau xuất hiện trong bản văn cuối cùng đó, người ta dò thấy đường hướng mục vụ mà các nghị phụ chọn, đó là chú tâm hướng về thế giới hơn, các ngài muốn mở rộng tương quan với cộng đồng các anh chị em Kitô hữu khác, muốn xác định sự bình đẳng và giá trị của Bí tích Rửa tội trong các Giáo hội Chúa Kitô.

4. Cần chú tâm đặc biệt đến bốn Hiến chế.

Các tài liệu của Công đồng gồm mười sáu văn kiện, nhưng chúng ta cần tập chú đặc biệt vào bốn hiến chế. Những hiến chế này trình bày những vấn đề giáo lý nền tảng, thuộc về chính bản tính của Giáo hội. Còn các Sắc lệnh và Tuyên ngôn bàn đến những vấn đề thực tiễn hơn, cụ thể hơn, hoặc những lãnh vực khác nhau liên quan đến mục vụ. Chúng ta sẽ thấy rằng giáo huấn của các Sắc lệnh và Tuyên ngôn này hầu như đã nằm trong bốn hiến chế. Như vậy, các hiến chế (về Phụng vụ, về Mạc khải, về Giáo hội, về Giáo hội trong Thế giới ngày nay) cung cấp cho chúng ta chìa khóa để giải thích các văn kiện khác, đồng thời là mấu chốt để hiểu toàn bộ nội dung Công đồng.

5. Cần hết sức tránh thái độ quá chú tâm tới *tính liên tục* hoặc *sự cải tổ* mà nhiều người muốn tách ra từ các văn kiện.

Hai từ ngữ bao quát hai chiều hướng chủ đạo của Công đồng là: **Cập nhật** (Tiếng Ý: Aggiornamento) và **Trở về nguồn** (Tiếng Pháp: Ressourcement). “Aggiornamento” là từ ngữ tiếng Ý được chính Đức Giáo hoàng Gioan XXIII dùng để trình bày quan điểm của ngài về công cuộc canh tân Giáo hội. Ngài mong muốn Giáo hội luôn cập nhật để có thể đáp ứng những đòi hỏi và những thách đố của thế giới hiện đại. Còn “Ressourcement” lại xuất hiện trong các công trình của các nhà thần học nghiên cứu về Kinh Thánh, về việc canh tân Phụng vụ, và về những lập trường của các nhà thần học nổi tiếng về Giáo hội xuất hiện những thập kỷ trước Công đồng.

Điều mà Công đồng Vatican II thực hiện một cách hoàn hảo chính là phối hợp hai chiều hướng này trong các giáo huấn của mình. Đường hướng tốt nhất mà Giáo hội chọn để tiếp cận với những vấn đề nóng bỏng thời hiện đại, đó là trở về nguồn mạch phong phú truyền thống của mình. Và sự canh tân mà Công đồng Vatican II thực hiện không phải là đoạn tuyệt với truyền thống Kitô giáo lâu đời, nhưng là thay đổi cách Giáo hội nhìn vào chính mình cũng như sứ vụ của mình trong thế giới.

6. Cần kết hợp cả tinh thần lẫn mặt chữ của bản văn với nhau.

Phải nắm vững nguyên tắc này khi đọc các tài liệu của Công đồng Vatican II. Dù chúng ta có những sách hướng dẫn hoặc các tài liệu chú giải sâu sắc giúp tìm hiểu những nội dung văn kiện khác nhau thì điều quan trọng nhất vẫn là phải chú tâm đọc chính bản văn Công đồng, và phải cố tìm ra ý nghĩa sâu xa mà các nghị phụ muốn trình bày qua các hình thức ngôn ngữ truyền đạt.

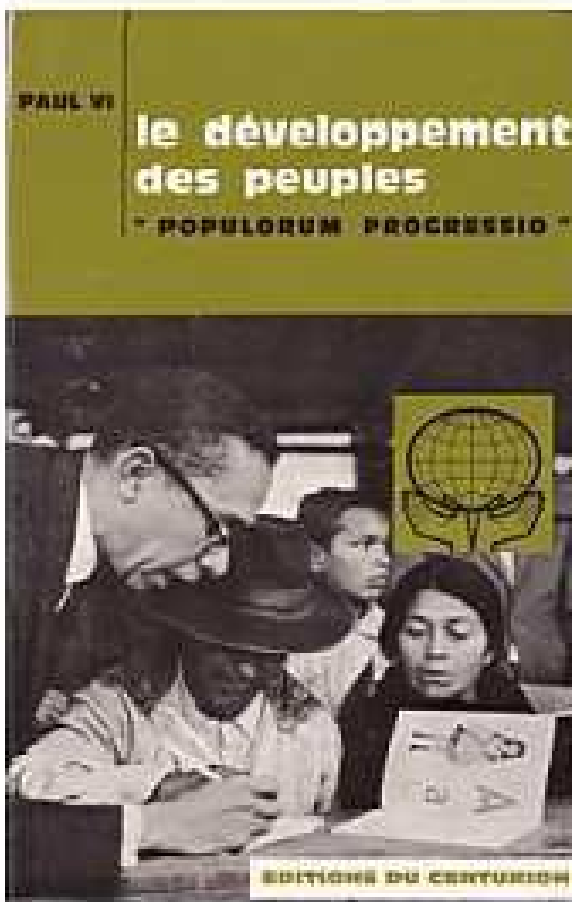
7. Hãy đặt mình vào giữa lòng Giáo hội để đón nhận các giáo huấn của Công đồng.

Chúng ta không thể thoát khỏi vị trí và hoàn cảnh cụ thể của mình để có thể đánh giá đúng mức về Công đồng Vatican II, cũng như về những giáo huấn mà các nghị phụ muốn gửi tới chúng ta. Vì thế có lẽ chúng ta chưa có thái độ đón nhận thích hợp. Muốn hiểu thấu những giáo huấn này trước hết chính chúng ta phải sống các thực tại Giáo hội. Càng yêu mến Giáo hội và càng tha thiết với các vấn đề của Giáo hội, chúng ta càng hiểu rõ nội dung văn kiện Công đồng hơn.

Thực tế, chúng ta thường nghĩ rằng Giáo hội địa phương này còn bao nhiêu vấn đề cấp bách hơn là chú tâm đến Công đồng, vốn đã cách xa chúng ta khá lâu rồi, lại chẳng mấy ảnh hưởng tới chúng ta! Đứng trước kho tàng thiêng liêng nguy nga đồ sộ này, chúng ta thường chọn một thái độ nhẹ nhàng là “chỉ cần tin thôi!” Tin ở đây hiểu theo nghĩa thụ động thoái thác. Cảm thức của chúng ta về Giáo hội chỉ phảng phất mờ nhạt thì chúng ta không thể hiểu Giáo hội một cách sáng tỏ được. Cần bước ra khỏi khung cảnh cố hữu để hòa nhập vào bầu khí chung mà toàn thể Giáo hội đã sống biến cố Công đồng, biến cố của một Lễ Hiện Xuống mới!

Trên đây là những chia sẻ vắn tắt về một kinh nghiệm học hỏi các tài liệu Công đồng Vatican II. Chắc chắn đây chỉ những phác thảo hết sức giới hạn của một cá nhân, mà mục đích chủ yếu là để giúp nhau cử hành Năm Đức Tin qua một trong nhiều hoạt động khác nhau đang được thực hiện trong các cộng đoàn. Thiết tưởng đây chỉ là những ý kiến mở đường với hi vọng còn có nhiều đóng góp khác phong phú hơn, sâu sắc hơn.

Lm. Giuse Ngô Quang Trung
[Sưu tầm của GDHT]



*Paul VI signant
Populorum
Progressio*

TỪ CÔNG ĐỒNG VATICAN II GIÁO HỘI CÔNG GIÁO MUỐN NÓI VỚI CHÚNG TA

Giới thiệu: Bài viết của tác giả Nguyễn Học Tập có một số từ và kiểu nói mà có lẽ nhiều người trong chúng ta không quen, vì ông sinh sống nhiều năm tại Italia, mong mọi người thông cảm. Nhưng bài viết rất đáng đọc và nghiền ngẫm vì có nội dung thật phong phú và sâu sắc.

+++

Công Đồng Vatican II thu nhận các kiến thức về xã hội từ những Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội trước đó, từ *Rerum Novarum* (1881) cho đến 1965, cũng như từ những khám phá mới về tính lý và luân lý của các nhà thần học.

Từ đó đến nay, sau trên 40 năm Công Đồng đã kết thúc, Giáo Hội Công Giáo không ngừng đưa ra những Huấn Dụ Xã Hội mới để hướng dẫn chúng ta, đang sống trong các biến chuyển của thời đại, từ cuộc sụp đổ ý thức hệ Cộng Sản năm 1991 đến các tư tưởng hưởng thụ vật chất hiện hành, qua các *Thông Điệp*

- *Populorum progressio* (1967),
- *Octogesima adveniens* (1971),
- *Redemptor hominis* (1979),
- *Laborem exercens* (1981),
- *Sollicitudo rei socialis* (1987),
- *Centesimus annus* (1991),
- *Evangelium vitae* (1995),...
- *Deus caritas est* (2005).

Dĩ nhiên các Thông Điệp vừa kể không phải chỉ là những Huấn Dụ Xã Hội, bởi lẽ ngoài những lời khuyên dạy về lãnh vực xã hội, các Thông Điệp còn chứa đựng các nội dung tín lý và mục vụ, mà Giáo Hội thấy cần huấn dạy cho con cái mình trong thời gian liên hệ.

Hy vọng chúng ta sẽ có dịp trở lại để tìm hiểu qua ý nghĩa của những Huấn Dụ Xã Hội, liên quan đến thời điểm của những biến cố vừa kể, trong những lần khác.

Trong nội dung của bài này, chúng tôi muốn được đề cập đến ý nghĩa của những huấn dạy về lãnh vực xã hội của Giáo Hội, liên quan trực tiếp đến những vấn đề mà chúng ta đang trực diện hàng ngày trong cuộc sống hiện tại, qua ba đề tựa:

- Phúc Âm của đời sống,
- Phúc Âm của việc làm
- và Phúc Âm của bác ái.

1 - Phúc Âm của đời sống.

Đặc tính trước tiên chúng ta đề cập, mà Giáo Hội muốn gửi đến chúng ta theo tinh thần Công Đồng Vatican II và những suy tư kế tiếp về vấn đề xã hội, đó là đặc tính

Phúc Âm của đời sống.

Một trong những khía cạnh khủng hoảng xã hội hiện nay, là không coi đời sống con người có một giá trị tuyệt đối.

Đời sống con người chỉ có giá trị tương đối đối với những giá trị khác, đó là quan niệm đang bành trướng trong xã hội hiện đại chúng ta.

Đời sống con người, theo quan niệm đang phổ biến và lưu hành trong xã hội hiện tại, có thể so sánh với các giá trị và các lợi thú quan trọng khác như khoái lạc, sức khỏe, sống tiện nghi, lợi nhuận kinh tế, khảo cứu khám phá và tiến bộ khoa học.

Từ đó, tùy trường hợp, đời sống có thể được coi là thứ yếu so với những giá trị vừa kể: dùng bào thai đựng trong ống để thí nghiệm, rồi sao đó liệng bỏ vào thùng rác chẳng hạn.

Giáo Hội không thể thờ ơ trước trào lưu quan niệm như vừa kể. Đó là những gì Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã xác quyết trong Thông Điệp đầu tiên của ngài, Thông Điệp *Redemptor Hominis* (1979): "*Giáo Hội không thể bỏ rơi con người. Bởi vì con người là con đường trước tiên mà Giáo Hội phải bước đi trong việc chu toàn sứ mạng của mình: con người là con đường thứ nhất và căn bản của Giáo Hội*" (Gioan Phaolô II, *Redemptor hominis* (04.03.1979), n. 14. in EV VI/1209).

Bởi đó bốn phạm đầu tiên của Huấn Dụ Xã Hội hôm nay là bên vực quyền tối thượng của con người. Mạng sống con người không thể trở thành một giá trị hạng thứ.

Với nguyên tắc vừa kể, bốn phạm của Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội là đào tạo một lương tâm mới, gắng sức không ngừng để kiến trúc một quan niệm đồng thuận phổ quát, đối với mọi người, về đời sống con người, được coi như là giá trị luân lý tuyệt đối.

Trong thời đại chúng ta, Giáo Hội không ngừng nhấn mạnh đến quyền được sống, như là nguyên lý và nền tảng của mọi giá trị khác.

Bảo đảm cho quyền tự do lương tâm, tự do ngôn luận, tự do lập hội và gia nhập hội, tự do hội họp, tự do giáo dục, tự do làm việc, tự do sáng kiến kinh tế..., nếu chúng ta chối bỏ đi giá trị tuyệt đối của quyền được sống, tất cả những quyền được bảo đảm vừa kể có lợi ích gì?

Vấn đề thực tế là hiện nay con người đã mất đi ý nghĩa về Thiên Chúa và chỉ có Thiên Chúa, Đấng Tuyệt Đối, là nền tảng tuyệt đối của con người, nhân phẩm, tự do và các quyền của con người.

Lịch sử đã từng chứng minh thừa thãi cho thấy rằng ý nghĩa về Thiên Chúa và ý nghĩa về con người, hoặc là có thể chung nhau đứng vững, hoặc có thể chung nhau băng hoại sụp đổ: "*Khi Thiên Chúa không còn có ý nghĩa gì nữa, thì ý nghĩa về con người cũng bị đe dọa và bị ô nhiễm*" (Gioan Phaolô II, *Evangelium vitae* (25.03.1995), n. 22, in EV XIV/2234).

Như vậy là chúng ta đang bị rơi vào trong "*một vòng lẩn quẩn: mất đi ý nghĩa về Thiên Chúa, con người cũng có khuynh hướng mất đi ý nghĩa về con người, về phẩm giá và về đời sống của mình; và kể đến là việc vi phạm có hệ thống luật lệ luân lý (...)*,

tao ra tình trạng dần dần lu mờ đi khả năng nhận biết được sự hiện diện ban sự sống và cứu rỗi của Thiên Chúa" (Gioan Phaolô II, Evangelium vitae, n. 21, id. XIV/2231).

Hậu quả là đời sống mất đi ý nghĩa và con người bị đánh lạc hướng để chuẩn định được phẩm chất làm cho cuộc sống thực sự xứng đáng với " *cuộc sống con người*".

Và như vậy, chúng ta bị rơi vào quan niệm vật chất thực dụng dè tiện hóa:

- "*Các giá trị của đời sống được thay thế bằng các giá trị của cải, giàu có. Mục đích duy nhất quan trọng chỉ còn là đạt được cuộc sống sung sướng vật chất của chính mình. Điều mà được coi là " phẩm chất của cuộc sống ", sẽ được giải thích nhất là, hay hoàn toàn là, hiệu năng kinh tế, tiêu thụ hỗn loạn, sắc đẹp và việc hưởng thụ đời sống thể xác, trong khi quên đi những chiều hướng sâu đậm hơn của cuộc sống, như giao tiếp thân hữu, thiêng liêng và tôn giáo" (Gioan Phaolô II, id., n. 23, XIV/2239).*

Đó là tính trạng nghịch lý mà thế giới hiện tại của chúng ta đang gặp phải:

- "*Một đảng, nhiều bản tuyên bố nhân quyền (...), được xác nhận trên cả tầm vóc thế giới nói lên một cảm nhận luân lý chú trọng hơn việc nhận biết giá trị và phẩm giá con người, xứng đáng với con người được nhìn nhận, không phân biệt chủng tộc, quốc gia, tôn giáo, chính kiến, giai cấp xã hội. Nhưng đảng khác, chống lại các tuyên ngôn cao quý này, rất tiếc , trên thực tế, đó là việc chối bỏ chính những giá trị đó. Như vậy, từ xã hội của những con người chung sống nhau, các xã hội của chúng ta có cơ nguy trở thành là những xã hội của những kẻ bị loại trừ" (Gioan Phaolô II, id., n. 18, XIV/2222).*

Đứng trước cuộc khủng hoảng về ý nghĩa và phẩm chất của đời sống con người, Giáo Hội qua Huấn Dụ Xã Hội của mình muốn trả lời như là ngôn sứ của Chúa.

Giáo Hội muốn nhắc mọi người rằng con người được kêu gọi để có được một cuộc sống viên mãn, vượt lên trên các giá trị trần thế, kinh tế và xã hội, để mở rộng con người mình ra, tham dự vào chính đời sống của Thiên Chúa.

Giáo Hội không có gì hoảng hốt phải từ chối, tỏ ra mình đi ngược dòng khuynh hướng thời trang của thế giới hiện đại, bởi lẽ Giáo Hội biết rằng: "*Phúc Âm mà Chúa giao phó cho Giáo Hội là Phúc Âm của đời sống, có tiếng vọng sâu thẳm và thuyết phục trong tâm hồn của mỗi người, người có đức tin hay không cũng vậy. Tiếng vọng đó vượt lên muôn lần trên ước vọng của con người, và đáp ứng lại các ước vọng đó một cách bất ngờ. Mặc cho bao nhiêu khó khăn và bao nhiêu mối nghi ngờ, mỗi con người thành thực cởi mở đón nhận chân lý và điều thiện, với ánh sáng của lý trí và không phải không có ảnh hưởng bí ẩn của ân sủng, đều có thể nhận ra được trong lẽ luật tự nhiên, được ghi khắc trong tâm hồn mình, giá trị thiên thánh của đời sống con người từ lúc khởi đầu cho đến thời điểm cuối cùng. Và điều đó cũng làm cho con người có thể xác nhận quyền của mỗi người được kính trọng đối tài sản tiên khởi đó của mình. Chính trên sự nhận biết quyền sống đó mà cuộc chung sống nhân loại và cộng đồng chính trị được xây dựng*" (Gioan Phaolô II, id., n. 2, XIV/2170).

Điều vừa kể cho thấy tại sao trong các thập niên cuối cùng này, các Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội rất nhấn mạnh đến gia đình, đến việc cần khởi sự giải quyết cơn khủng hoảng giá trị của đời sống, bằng cách giải quyết cuộc khủng hoảng gia đình: "*Cần phải trở lại nhìn gia đình như là thánh điện của đời sống. Thật vậy, gia đình là thiên thánh: là nơi trong đó đời sống, được*

Chúa ban cho, có thể được đón nhận một cách thoả đáng và bảo vệ chống lại nhiều cuộc tấn công mà cuộc sống gặp phải, và nơi mà đời sống có thể phát triển theo những đòi hỏi mà cuộc phát triển chính đáng của con người đòi buộc. Chống lại với cái gọi là văn hoá của sự chết, gia đình là tâm điểm của nền văn hoá sự sống" (Gioan Phaolô II, Centesimus annus (01.05.1991), n. 39, in EV XIII/199).

Tổng lược Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội

(Compendio della Dottrina Sociale della Chiesa)

n. 231. **Phúc Âm của đời sống.**

Gia đình được đặt trên nền tảng hôn nhân thực sự là thánh điện của đời sống, *"là nơi mà đời sống được Chúa ban cho, được đón nhận một cách xứng đáng và được bảo bọc chống lại mọi hăm dọa mà đời sống gặp phải, và được phát triển để đáp ứng lại các đòi hỏi của một cuộc phát triển chính đáng của con người"* (Gioan Phaolô II, Centesimus annus (1991), n. 39).

Vai trò của gia đình là vai trò quyết định và không thể thay thế được, để thăng tiến và kiến tạo nền văn hoá bảo vệ đời sống chống lại sự lan tràn của tư tưởng phá hoại *" chống văn minh" như chủ trương hiện nay của nhiều khuynh hướng và hoàn cảnh hiện tại"* (Gioan Phaolô II, Lettera alle famiglie, Gratissimum sane (1994), n. 13).

Các gia đình Kitô hữu, với sức mạnh của Bí Tích nhận được, có sứ mệnh đặc thù làm nhân chứng và rao giảng *Phúc Âm của đời sống*. Đó là một trọng trách mà gia đình Kitô hữu đảm nhận, trong xã hội, giá trị đích thực và lòng can đảm ngôn sứ.

Vì lý do đó mà *"phục vụ Phúc Âm của đời sống, các gia đình, nhất là các gia đình gia nhập chung thành hiệp hội, phải hành xử thế nào để luật pháp và cơ chế Quốc Gia không làm phương hại,*

bằng bất cứ phương thức nào, đến đời sống, từ lúc được thụ thai cho đến lúc chết tự nhiên, trái lại luật pháp và cơ chế Quốc Gia phải bảo vệ và phát huy đời sống" (Gioan Phaolô II, id.).

2 - Phúc Âm của việc làm.

Giáo Hội nhận biết vai trò chính đáng của lợi tức, như là dấu chỉ của tiến trình tốt đẹp một cơ sở kinh tế.

Nhưng lợi tức không phải là dấu chỉ duy nhất, động năng chính yếu của phát triển và tiến trình sản xuất, "*nếu các chỉ số kinh tế nằm trong trật tự, nhưng cùng chung với con người, là tài nguyên quý giá của cơ sở lại bị đê tiện hóa và bị xúc phạm trong phẩm giá của mình" (Gioan Phaolô II, Centesimus annus (01.05.1991), n.35, in EV XIII / 187).*

Huấn Dụ Xã Hội gần đây của Giáo Hội phát hiện ra lý do của những mối tương phản trái nghịch trong kinh tế tư bản, nhất là "*tư bản tự do cực đoan" .*

Đó là việc làm của con người cũng như giá trị đời sống con người, đã bị mất đi ý nghĩa đích thực của nó.

Ở đây cũng vậy, chúng ta đang đứng trước cơn khủng hoảng về phẩm chất, về ý nghĩa, được thể hiện dưới hình thức đổ vỡ và đối nghịch

- giữa con người và động tác kiến tạo của con người,
- giữa việc làm và của cải tư bản,
- giữa người công nhân và phẩm chất của cuộc sống cho anh ta.

Đứng trước cơn khủng hoảng về phẩm chất, thể hiện qua những đối ngược vừa kể, Giáo Hội xác tín rằng mình có thể đưa ra cho con người và xã hội con người giải pháp thoả đáng, bằng cách loan báo **Phúc Âm của việc làm**: "*Nếu giải pháp, hay đúng hơn là giải pháp thắng tiến tuần tự vấn đề xã hội, bị luôn luôn đứng trước tình trạng càng ngày càng phức tạp hơn, chúng ta*

phải tìm ra phương thức trong chiều hướng làm cho " đời sống con người xứng đáng với con người hơn", và như vậy chìa khóa của vấn đề là việc làm của con người có một tầm quan trọng nền tảng quyết định" (Gioan Phaolô II, Laborem exercens (14.09.1981), n. 3, in EV VII/ 1398).

Bởi đó, tiếp tục bước đi trên con đường về con người đã được bắt đầu từ khởi điểm triều đại Giáo Hoàng của ngài, Đức Gioan Phaolô II nhắc nhở rằng cần lưu tâm đến việc làm như là yếu tố căn bản của cuộc sống con người, chính trong lúc cuộc cách mạng kỹ thuật đang thay đổi sâu đậm chu kỳ sản xuất và ngay cả trong những mối tương quan giữa con người và việc làm.

Giáo Hội ý thức rằng hôm nay chúng ta đang đứng trước

- *"ngày áp của những phát triển mới trong các hoàn cảnh kỹ thuật, kinh tế và chính trị, mà theo nhiều người có kinh nghiệm, là những phát triển sẽ có ảnh hưởng đến thế giới việc làm và sản xuất, không có gì kém hơn những ảnh hưởng cuộc cách mạng kỹ nghệ thế kỷ vừa qua đã tạo ra" (id., n. 2, in EV VII/ 1393).*

Như vậy ý nghĩa đích thực việc làm của con người, nội dung căn bản **Phúc Âm của việc làm**, được gói trọn trong nguyên tắc sâu đây:

- *"Nền tảng để xác định giá trị việc làm của con người trước tiên không phải hệ tại ở thứ loại việc làm được thực hiện, nhưng hệ tại ở chỗ **kẻ đứng ra thực hiện việc làm là một con người**. Các nguồn gốc của phẩm giá việc làm phải được khám phá ra trước tiên không phải trong chiều hướng vật thể, mà trong chiều hướng chủ thể. Nói tắt một lời: việc làm được thực hiện cho con người, chứ không phải con người được nhằm để làm việc" (id., n.6, , in EV VII/1414).*

Hiểu như vậy, chúng ta cần thấy phải thoát ra khỏi nhãn quang thuần kinh tế, nhất là *kinh tế tự do cực đoan*, và nhận biết rằng chủ thể đích thực của tiến trình sản xuất chính là con người.

Nói như vậy, có nghĩa là việc làm sẽ có được ý nghĩa đích thực và địa vị cao cả của mình. khi chúng ta đặc tâm chú ý đến ba phương diện căn bản của việc làm.

a) Trước hết, việc làm phải được xem là động tác của một con người:

- "*Với tư cách là con người, con người là chủ thể tác động của việc làm. Như con người, anh ta làm việc, thực hiện nhiều động tác trong tiến trình làm việc; các động tác đó, không tùy thuộc vào nội dung khách quan, tất cả đều được dùng để thể hiện nhân tính của anh*" (id).

b) Kế đến cần lưu ý rằng, việc làm của con người là một động tác sáng tạo,

- "*Việc làm của con người là nguyên nhân hiệu lực tiên khởi; trong khi đó thì vốn liếng, cùng chung với những phương tiện sản xuất khác, chỉ là dụng cụ. Vốn liếng được tạo ra do việc làm và mang nơi mình ấn tín của việc làm con người*" (id., n. 12, in EV VII/1439).

Địa vị thượng đẳng của sự cực nhọc con người trên vốn liếng và trên cả tiến trình sản xuất được nhấn mạnh trong **Phúc Âm của việc làm**, sau khi được nhận thức rằng

- "*qua việc làm, con người tham dự vào công trình tạo dựng của Thiên Chúa*" (id., n. 25, in EV VII/1499).

Không những vậy, **Phúc Âm của việc làm** còn cho chúng ta biết mồ hôi và nhọc mệt, là bạn đồng hành không thể chia tách của mọi động tác con người, thay vì làm cho trở nên xấu xí hơn, làm con người trở thành người cộng tác với Chúa Kitô - là "*Con Người làm việc*" *tuyệt hảo* (id., n. 26, in EV VII/ 1504-1510).

c) Và sau cùng, việc làm tự bản tính nội tại của nó, là một động tác liên đới, liên đới với các bạn bè công nhân làm việc khác, hay liên đới, có liên hệ đến, người khác cũng vậy.

Và như vậy đặc tính liên đới của việc làm con người, không phải liên đới, dưới hình thức tiêu cực, để chống lại ai, mà là liên đới, bởi chính bản tính của việc làm, liên đới để xây dựng: "*Thật vậy, biện giải thế nào một cuộc liên đới lại trở thành cuộc chống đối không thể nhân nhượng chống lại người khác? (...)* Tình liên đới có nguồn gốc và sức mạnh của mình trong bản tính việc làm của con người, và như vậy trong quyền thượng đẳng của con người trên mọi vật thể, sẽ biết tạo ra những phương thức để đối thoại và cộng tác" (Gioan Paolo II, Discorso alla 68° sessione della Conferenza internazionale del lavoro (Ginevra, 15.06.1982, in Osservatore Romano, 16.06.1982).

Như vậy sau khi đã tìm ra trong việc làm là chìa khóa chính yếu của vấn đề xã hội, Giáo Hội chứng minh rằng, dưới ánh sáng **Phúc Âm của việc làm**, hiện nay chúng ta có thể trả lại cho việc làm con người ý nghĩa đích thực của nó và đặt lên trên nền tảng việc làm một tình liên đới mới, mở rộng cửa để gặp gỡ bất cứ ai thành tâm thiện chí.

Tổng lược Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội

(Compendio della Dottrina Sociale della Chiesa)

n. 269. **Phúc Âm của việc làm.**

Khởi từ *Rerum Novarum*, Giáo Hội không bao giờ ngưng cho rằng các vấn đề làm việc hàm chứa trong nội dung của vấn đề xã hội, dần dần đang lan rộng ra đến tầm vóc thế giới.

Thông Điệp *Laborem exercens* làm cho trở nên phong phú hơn nhãn quang nhân vị của việc làm, đặc tính của các tài liệu về xã hội trước đó, chỉ dạy cho chúng ta cần tìm hiểu sâu xa hơn

các ý nghĩa và phân vụ mà việc làm có thể đưa đến, nên lưu tâm đến thực tại là *"luôn luôn nảy sinh ra những câu hỏi và những vấn đề, luôn luôn nảy sinh ra những hy vọng, nhưng cũng có những mối lo sợ và doạ nạt liên quan đến chiều hướng căn bản về sự hiện hữu của con người, chiều hướng mà theo đó đời sống con người được xây dựng mỗi ngày. Và từ chiều hướng đó mà con người múc lấy được chính phẩm giá cá biệt của mình, nhưng đồng thời cũng chinh trong các chiều hướng đó luôn luôn được chứa đựng tầm mức mệt nhọc của con người, sự đau khổ và cả thiệt hại lẫn bất công có thể thâm nhập sâu đậm vào đời sống xã hội, vào nội địa của từng Quốc Gia và ảnh hưởng trên bình diện quốc tế"* (Gioan Phaolô II, *Laborem exercens*, n. 1).

Thật vậy, việc làm là *"chìa khóa chính yếu"* (id., n.3) của cả vấn đề xã hội, ảnh hưởng đến phát triển không những kinh tế, mà cả đến văn hoá và luân lý của mỗi con người, đến gia đình, xã hội và cả dòng giống nhân loại.

3 - Phúc Âm của bác ái.

Bác ái được xem như chất xi măng hàn gắn mà người tín hữu Chúa Kitô được đặt vào lòng xã hội để xây dựng xã hội con người.

- *"...lòng bác ái thì xây dựng"* (1 Cr 8, 1).

Và Công Đồng Vatican II giải thích thêm:

- *"Lời Chúa mạc khải Chúa là bác ái và dạy chúng ta bác ái cũng là lề luật căn bản của sự thiện hảo con người, và bởi đó bác ái cũng là lề luật nền tảng để thay đổi thế giới, đó là điều răn mới của đức bác ái. Bởi vậy ai tin vào lòng bác ái của Thiên Chúa, được chính Người bảo chứng chắc chắn cho rằng bác ái là con đường được mở ra cho tất cả mọi người và chắc chắn rằng các cố gắng để thực thi tình huynh đệ phổ quát cho tất cả mọi người*

không phải là những nỗ lực vô ích" (Gaudium et Spes, n. 38, in EV i/1437).

Đức bác ái Kitô giáo vượt xa hơn những gì chỉ là lòng nhân ái thuần túy. Bởi lẽ đức bác ái Kitô giáo không chỉ gồm tóm đạo luật vàng nền tảng trong tinh thần Cựu Ước:

- *"Tất cả những gì anh em muốn cho người khác làm cho anh em, anh em cũng hãy làm cho họ" (Mt 7,12).*

và cũng vượt lên trên đạo luật cổ:

- *"Hãy thương yêu người thân cận như chính mình" (Mt 22,39).*

Nhưng bác ái xác nhận rõ bản tính " mới " và *thượng đẳng* của Kitô giáo:

- *"Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy thương yêu nhau, như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 15,12),*

Đức bác ái Kitô giáo được thể hiện bằng chính tình thương siêu nhiên của Chúa, đang hiện diện trong chúng ta. Như vậy chúng nhân đức bác ái Kitô giáo là làm cho người khác nhận thấy được Thiên Chúa là Đấng vô hình: *"Thiên Chúa chưa ai được chiêm ngưỡng bao giờ. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo" (1 Ga 4, 12).*

Lời dạy bảo Phúc Âm, đã được chứng thực từ hai ngàn năm lịch sử, nói lên tầm quan trọng, nhất là trong thời đại khủng hoảng sâu đậm chúng ta đang trải qua, tầm quan trọng mà Giáo Hội đặt liền với nhân chứng Phúc Âm, làm cho lời rao giảng Kitô giáo đáng tin cậy, *"Đức bác ái là trung tâm điểm của Phúc Âm và nói lên dấu chỉ trọng đại khiến cho người khác có thể tin vào Phúc Âm" (CEI, Evangelizzazione e testimonianza della carità, n. 9, in ECEI IV/2727), cũng như là dấu chỉ để xây dựng một xã hội đúng với tầm mức con người.*

Bởi đó Đức giáo hoàng Gioan Phaolô II, trong khi "*nêu lên những chủ đề và các định hướng, lấy từ các huấn dụ của Giáo Hội trong những năm gần đây*" trong Huấn dụ Xã Hội của ngài, *Sollicitudo rei socialis*, ngài đã trích dẫn: "*việc chọn lựa ưu tiên hay tình thương dành ưu tiên cho người nghèo khổ, mong sẽ được trải rộng ra có tầm vóc thế giới và được vấn đề xã hội lưu ý đến tình thương dành ưu tiên này, do những quyết định mà lãnh vực xã hội làm cho chúng ta suy nghĩ đến. Vấn đề xã hội không thể không bao gồm những đoàn thể đông đảo vô tận những người đang đói khát, các giới ăn xin, những kẻ không nơi nương tựa, bao nhiêu kẻ không được bảo trợ sức khỏe và nhứt là không có hy vọng gì có được một tương lai khá hơn (...). Cuộc sống hằng ngày của chúng ta phải được đánh dấu bằng những thực trạng đó, cũng như những quyết định của chúng ta trong lãnh vực chính trị và kinh tế*" (Gioan Phaolô II, *Sollicitudo rei socialis* (30.12.1987), n. 42 in EV X/2673s).

Dành lựa chọn ưu tiên cho những kẻ khó nghèo là mở cửa cho chủ đề giải thoát con người của Kitô giáo:

- giải thoát người nghèo khỏi mọi hình thức nô lệ,
- nhất là khỏi những hình thức "*nghèo khổ mới*" của con người và khỏi các "*cơ cấu trúc của tội lỗi*", nghĩa là khỏi những tình trạng của các cơ chế bất công, trong đó những gì nặng nhọc đều rơi xuống trên những kẻ yếu thế.

Rao giảng *Phúc Âm của bác ái* là tranh đấu để giải phóng những kẻ khó nghèo, những người bị áp bức và tất cả những kẻ bị loại ra bên ngoài.

Bởi vì bác ái, khi nào là bác ái đích thực và chính đáng, không thể không hàm chứa việc kính trọng và phát huy công lý.

Có ý nghĩa gì, nếu một người hiến tặng miễn phí cho kẻ khác tình liên đới của mình, nhưng đồng thời lại khước từ những gì thuộc quyền hạn và lợi thú chính đáng của anh ta?

Tranh đấu cho công lý đã là tình thương. chính Đức Phaolô VI đã định nghĩa việc dân thân chuyên cần bênh vực cho công lý như là "*mức độ tối thiểu của đức bác ái*" (Paolo VI, *Discorso ai campesinos* (Bogotá, 23.08.1968), in *Osservatore Romano* (25.08.1968), 3).

Với những gì Đức Phaolô VI vừa phát biểu, Đức Gioan Phaolô II nối tiếp: "*sự công bằng tự mình thôi, chưa đủ, hay đúng hơn có thể đưa đến việc chối bỏ và tiêu diệt chính nó, nếu công bằng không để cho sức mạnh nội tại sâu thẳm hơn của mình, đó chính là tình yêu, có cơ cấu tạo đời sống con người trong các chiều hướng khác nhau của nó*" (Gioan Phaolô II, *Dives in misericordia* (30.11.1980), n. 12. in EV VII/926).

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II giải thích sự cần thiết này của đức bác ái, để làm cho công lý được trở nên trọn vẹn: "*Bình đẳng được công lý cho hội nhập chỉ giới hạn trong lãnh vực các của cải khách quan (beni oggettivi) và phiến diện bên ngoài; trong khi tình thương và lòng nhân hậu làm cho các con người gặp được nhau trong giá trị là chính con người, với nhân phẩm của chính mình*" (id., n. 14, in EV VII/941).

Như vậy với sứ mạng loan truyền *Phúc Âm của bác ái*, Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội chỉ cho thấy sự tổng hợp cần thiết giữa công lý và bác ái liên đới, phương tiện quyết định để kiến tạo một xã hội xứng với tầm vóc con người.

Góp công quyết định cho chiều hướng vừa kể được Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI nói lên trong Thông Điệp đầu tiên của ngài, *Thông Điệp Deus caritas est*: "*Lời xác nhận cho rằng các cấu trúc đúng đắn có thể làm cho các động tác bác ái trở nên dư thừa, trên thực tế ẩn giấu bên dưới một quan niệm vật chất về con*

người: đó là tiền kiến, theo đó thì con người "chỉ cần có bánh để sống" Mt 4, 4; cfr. Dt 8,3). Đó là xác tín đề tiện hoá con người và không nhận ra những gì thuộc về chính con người" (Benedictus XVI, Deus caritas est (25.12.2005), n. 28).

Tổng lược Huấn Dụ Xã Hội của Giáo Hội

(Compendio della Dottrina Sociale della Chiesa)

n. 4 -6 : **Phúc Âm của bác ái.**

Bất ngờ biết được Thiên Chúa yêu thương, con người hiểu được phẩm giá siêu nhiên của mình, biết được mình không còn chỉ có thể thoả mãn về chính mình và như vậy cần gặp được người khác trong mối liên hệ luôn luôn nhân bản hơn.

Con người được Thiên Chúa canh tân bằng tình thương yêu của Người, có khả năng thay đổi luật lệ và phẩm chất của các mối liên hệ và cả các cấu trúc xã hội: họ là những con người

- có khả năng đem lại hoà bình đến nơi đâu có chống đối tranh chấp,

- xây dựng và vun trồng các mối tương quan huynh đệ ở đâu có hận thù,

- tìm kiếm công lý ở đâu có phương thức cai trị làm cho con người lợi dụng con người.

Chỉ có tình yêu thương có khả năng biến đổi tận gốc rễ các mối tương quan giữa nhân loại giao hảo với nhau.

Hội nhập vào viễn ảnh đó, mỗi người thành tâm thiện chí có thể bắt đầu nhận thấy được các chân trời rộng mở của công lý và phát triển con người trong chân lý và thiện hảo.

Tình thương có trước mặt mình một công trình rộng lớn phải làm, mà Giáo Hội muốn góp phần vào đó bằng cả Huấn Dụ Xã Hội của mình, liên quan đến con người toàn diện và đến tất cả mọi người.

Bao nhiêu anh em đang cần được sự giúp đỡ, bao nhiêu người đang bị đàn áp đang cần công lý, bao nhiêu người thất nghiệp đang cần việc làm, bao nhiêu dân tộc đang chờ đợi được sự kính trọng: *"Trong thời đại chúng ta, làm sao còn có thể có những người đang bị chết đói? Còn có những kẻ bị kết án phải gánh chịu nạn mù chữ? Còn có những người đang chịu thiếu thốn ngay cả những việc chăm sóc y tế sơ đẳng? Còn có những người không có được một căn nhà để nương tựa? Cảnh tượng nghèo đói có thể lan rộng đến vô tận, nếu chúng ta thêm vào những cảnh nghèo nàn cũ cả những hoàn cảnh mới, liên quan cả đến các môi trường và những hạng người không phải thiếu thốn tài nguyên kinh tế, nhưng đang lâm vào tình trạng thất vọng vô ý nghĩa, vào tình trạng nguy hiểm của nha phiến, vào hoàn cảnh bị bỏ rơi trong tuổi già nua hay bệnh tật, vào trạng thái bị loại ra bên lề hay bị đối đãi thiên vị... Và rồi làm sao ai có thể đứng vững trước viễn ảnh môi trường bị hư hại, làm cho con người không thể sống được hay trở thành đối nghịch với con người trên cả những vùng rộng lớn trên địa cầu? Hay đối với những vấn đề hoà bình, thường bị ác mộng của những trận chiến tranh thảm khốc hăm dọa? Hay trước vấn đề vi phạm các quyền căn bản của con người đang xảy ra đối với bao nhiêu người, nhất là đối với trẻ em?"* (Gioan Phaolô II, Lettera Apostolica **Novo millennio ineunte** (2001), n. 50s).

Tình thương Kitô giáo thúc đẩy chúng ta tố cáo, đề nghị và dẫn thân chăm lo đến những đề án văn hoá và xã hội, đến các động tác thực hiện, đến việc thúc đẩy tất cả những ai thành thật lưu tâm đối với số phận con người, để họ cũng tham gia cộng tác bằng chính phận vụ của họ.

Cả nhân loại càng ngày càng ý thức rõ ràng hơn rằng

- mình liên hệ vào cùng chung một số phận,
- đòi buộc phải có thái độ cùng đảm nhận trách nhiệm,

- được định hướng bằng quan niệm về con người toàn diện và liên đới (*uomo integrale e solidale*).

Cả nhân loại thấy được rằng viễn ảnh đồng số phận đó thường xuyên bị ảnh hưởng hay thậm chí bị áp đặt bởi kỹ thuật và kinh tế và cần có được một ý thức rộng lớn hơn về luân lý, định hướng cho hướng đi chung.

Ngạc nhiên trước những khám phá mới về kỹ thuật, con người của thời đại chúng ta rất mong ước rằng tiến bộ sẽ được dùng vào mục đích tốt đẹp thực sự cho nhân loại hôm nay và ngày mai.

Nói tóm lại, từ Công Đồng Vatican II Giáo Hội Công Giáo muốn nhắn với tất cả chúng ta, người tín hữu Chúa Kitô cũng như những ai thành tâm thiện chí, rằng để xây dựng một cuộc sống xã hội tốt đẹp, trong đó con người có được một cuộc sống xứng đáng với phẩm giá của mình, chúng ta cần phải lưu tâm và dấn thân để tạo ra đồ án định chế và tổ chức cơ chế thực hiện theo ba định hướng mà Giáo Hội đã nhắn gửi đến chúng ta:

- Phúc Âm của đời sống,
- Phúc Âm của việc làm và
- Phúc Âm của bác ái.

NGUYỄN HỌC TẬP
[Sưu tầm của GDHT]





chia sẻ công tác **MỤC VỤ GIÁO XỨ** *trong* **THỜI ĐẠI HÔM NAY**

[LGT] - Trong Thư Mục vụ về năm "Tân Phúc âm đời sống các giáo xứ và cộng đoàn sống đời thánh hiến", Hội đồng Giám mục Việt Nam dành mấy dòng quan trọng dưới đây cho các linh mục trong số 6: "Chúng tôi xác tín rằng việc Phúc-Âm-hóa giáo xứ phải được bắt đầu từ chính hàng linh mục. Chúng tôi cảm ơn anh em đã tận tụy và trung kiên với công việc phục vụ cộng đoàn được trao phó cho anh em. Tuy nhiên chúng ta không được

quyền tự mãn với những gì đã làm, nhưng phải không ngừng canh tân đời sống bản thân cũng như cung cách thi hành tác vụ linh mục. Vì thế, xin anh em nghe lại lời nhắn nhủ của Đức Thánh Cha Phanxicô, và hãy xem đó như kim chỉ nam cho tác vụ linh mục tại giáo xứ: Cùng với hàng giám mục, các linh mục “phải luôn luôn nuôi dưỡng sự hiệp thông truyền giáo trong giáo xứ của mình, theo lý tưởng của cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi. Để thực hiện điều này, có khi ngài sẽ đứng trước dân, chỉ đường cho họ và giữ cho niềm hy vọng của họ luôn sống động. Khi khác, ngài chỉ cần ở giữa họ bằng một sự hiện diện khiêm tốn và nhân từ. Khi khác nữa, ngài sẽ phải đi theo họ, giúp đỡ những ai bị bỏ lại ở đằng sau, và trên hết, để cho đoàn chiên tự mình mở ra những lối đi mới” (Niềm Vui Tin Mừng, số 31).

GDHT 14 trân trọng kính tặng quý Bạn đọc và cách riêng các Linh mục bài **CHIA SẺ CÔNG TÁC MỤC VỤ GIÁO XỨ TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY** của linh mục Giuse Maria Nhân Tài, csjb. Bài này được viết cho các linh mục, nhất là các linh mục trẻ.

* * *

LỜI NGỎ

Ông tác mục vụ tại giáo xứ hay tại bất cứ nơi đâu đều là bổn phận và trách nhiệm của các linh mục, là những người được Thiên Chúa tuyển chọn để thay mặt Ngài thánh hóa, dạy dỗ và cai quản đoàn chiên mà Thiên Chúa đã trao cho các ngài coi sóc...

Công tác mục vụ là một công việc khó khăn đòi hỏi các linh mục không những cần có ân sủng của Thiên Chúa, mà còn cần phải có tri thức và văn hóa, cùng với những đức tính nhân bản mà các ngài đã học và trau dồi trong cuộc sống hằng ngày, bởi vì tất cả những gì chúng ta đã được tiếp thu khi còn ở trong chủng viện chỉ

là một phần nhỏ của cái lớn lao khi chúng ta làm công tác mục vụ.

Với những suy tư và kinh nghiệm nho nhỏ, tôi xin chia sẻ với các anh em linh mục trẻ của tôi trong năm truyền giáo này của Giáo Hội Việt Nam chúng ta...

A- GIÁO XỨ

1. Phải xác định cách tích cực Giáo xứ là đại gia đình của mình.

Chịu chức xong thì các linh mục trẻ đầy nhiệt tình sẽ được nhận bài sai của đáng bản quyền địa phương (giám mục địa phận, bề trên dòng...) để đi làm mục vụ, cũng có nghĩa là được chính thức sai đi đến một nơi mà khi còn học trong chủng viện các ngài hằng mong ước, đó là làm cha phó (hoặc cha xứ).

Giáo xứ mà các linh mục được sai đến không như trong sách vở mà các linh mục trẻ đã học, nhưng là một giáo xứ với những con người sống động, những con người mà họ rất kỳ vọng vào các linh mục trẻ của mình với tác phong vui tươi cởi mở với tất cả mọi người, dù linh mục trẻ ấy là cha sở hay cha phó, hoặc bất cứ linh mục trẻ nào. Nơi giáo xứ có nhiều hạng người giàu cũng như nghèo, có người trí thức cũng như có người lao động, có người là giáo sư là bác sĩ.v.v... cũng có những thành phần trong Giáo Hội là các tu sĩ nam nữ, và có khi có gia đình có con cái làm linh mục hoặc tu sĩ trong một hội dòng... tóm lại là một giáo xứ với nhiều tính năng của nó.

Giáo xứ là một Giáo Hội địa phương được trao phó cho linh mục coi sóc, để giáo xứ dưới sự lãnh đạo của các ngài ngày càng phát triển về đàng nhân đức cũng như về mặt xã hội, có nghĩa là các linh mục coi sóc giáo xứ -trước hết- trên phương diện tinh thần, hướng dẫn giáo dân sống và thực hành tinh thần Phúc Âm của Chúa Giêsu mà các ngài đã được huấn luyện trở

thành vị mục tử chăn dắt đoàn chiên mà Thiên Chúa trao cho các ngài.

Cho nên, khi nhận được bài sai để đến một giáo xứ nào đó (dù lớn hay nhỏ) thì các linh mục phải cảm tạ ơn Thiên Chúa đã chọn ngài chứ không chọn ai khác để coi sóc giáo xứ ấy, và mau mắn lên đường làm nhiệm vụ...

Giáo xứ là một cộng đoàn lớn và phức tạp, cho nên để cho công việc mục vụ được dễ dàng thuận lợi, thì tâm tình trước tiên mà các linh mục phải có chính là biến công đoàn giáo xứ này trở thành gia đình của mình, một đại gia đình đúng nghĩa của nó, có như thế các ngài mới có thể vui vẻ lạc quan sống và làm việc bên cạnh các giáo dân của mình.

Có một vài linh mục trẻ khi được bài sai đến một giáo xứ nào đó, nếu giáo xứ giàu thì cười hả hê và thỏa mãn, nếu giáo xứ nghèo ở nơi khỉ ho cò gáy thì lại trách oán bề trên, những linh mục này sẽ không bao giờ coi giáo xứ của các ngài là một đại gia đình của mình, cho nên khi đến giáo xứ thì việc trước tiên là hạch sách giáo dân hoặc đòi điều kiện với cha sở là : chỗ ở phải tiện nghi có máy lạnh, phải có phòng ốc hảnh hoi, phải có chỗ vui chơi giải trí thì mới đến, bằng không thì mặc kệ, như thế tinh thần mục tử vì đàn chiên nơi các ngài không còn nữa, và như thế các ngài coi giáo xứ như là một công ty mà các ngài “buộc” phải đến làm việc, các ngài biến mình trở thành một công chức cao cấp để lãnh lương chứ không phải là một linh mục đang làm trong vườn nho của Thiên Chúa...

Khi đã xác định được giáo xứ là đại gia đình của mình thì người linh mục không còn đòi hỏi phải có đầy đủ tiện nghi trong sinh hoạt, nhưng các ngài sẽ băn khoăn khi giáo dân của mình dân trí kém, cuộc sống khó khăn, có nhiều người rệu rã chèn chèn và có nhiều tệ nạn xảy ra cần phải giáo dục họ họ sống đúng với tinh thần của Chúa Giêsu dạy: yêu thương và phục vụ lẫn nhau.

2. Phải tâm niệm Giáo xứ là cánh đồng truyền giáo của mình.

a. Thăm giáo dân (cày)

Chắc chắn các linh mục trẻ sẽ cười khi nghe câu ấy, bởi vì giáo xứ đã là nơi truyền giáo của các linh mục, bằng không thì làm linh mục để làm gì ! Nếu các linh mục trẻ hiểu được như thế thì Giáo Hội Việt Nam sẽ không lo âu vì các linh mục trẻ của mình ngày càng sống hưởng thụ hơn là làm việc truyền giáo, ngày càng sống xa hoa hơn là phục vụ.

Giáo xứ là cánh đồng truyền giáo của các linh mục, nhưng như thế nào là truyền giáo ? Có một vài linh mục khi đến giáo xứ thì “triển lãm” cái tính sống xa hoa của mình cho giáo dân thấy, có linh mục thì mới đến giáo xứ ngày hôm trước thì hôm sau đã phách lối nạt nộ giáo dân và đặt điều kiện này điều kiện nọ với họ, thì truyền giáo đâu chưa thấy chỉ thấy giáo dân than phiền : ông cha mới khó tính như ông cụ non ! Như thế thì sẽ không còn là truyền giáo nữa, nhưng là đến để làm ông chủ và “truyền” cá tính cộc cằn, hách dịch và kiêu căng của mình cho giáo dân, thật tội nghiệp cho họ, vì họ không nhìn thấy được Chúa Giêsu hiền lành và khiêm nhường nơi vị mục tử trẻ trung của mình.

Muốn đồng ruộng tốt thì trước hết phải cày rồi sau mới “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Các linh mục cũng phải “cày” trên đồng ruộng giáo xứ của mình, các ngài phải “cày” ngay khi mới đến giáo xứ, “cày” tức là các ngài phải bỏ công sức là đi thăm giáo dân mà chúng ta gọi là “thăm mục vụ”, thăm giáo dân để biết tình trạng con chiên của mình như thế nào, nhà này ra sao nhà nọ thế nào, người này không bao giờ đến nhà thờ, người kia chưa một lần lên rước Mình Thánh khi đi dâng thánh lễ.v.v... đó là “cày” của các linh mục, việc này các linh mục trẻ dễ dàng làm hơn vì sức còn mạnh và tay chân hoạt bát không ngại đường xa mưa gió nắng nôi...

Kinh nghiệm cho thấy, cha sở nào thường cùng với các đoàn thể (Legio Mariæ chẳng hạn...) đi thăm giáo dân của mình thì cha sở ấy đã thành công một nửa trong việc xây dựng giáo xứ của mình. Đi thăm giáo dân là để tìm hiểu cuộc sống tâm linh của họ, và có khi, cũng biết thêm đời sống vật chất của họ để thông cảm và khuyến khích họ sống tốt đẹp là một người Kitô hữu trong giáo xứ của mình.

Chí ít là một tuần đi thăm một vài gia đình, chương trình thăm ai, nhà nào thì nên có kế hoạch và bàn hỏi với đoàn thể mà mình cùng đi với họ đến thăm giáo dân, họ sẽ rất vui và cho mình biết hoàn cảnh của gia đình giáo dân mà mình đến thăm, nếu không có chuyện cấp bách về mục vụ (như xúc dầu bệnh nhân...) thì không nên đi một mình và không nên ngồi quá lâu ở một nhà giáo dân, vì như thế sẽ không tốt cho các linh mục và ảnh hưởng đến công tác mục vụ của mình. Khi đến thăm nhà giáo dân thì thăm hỏi sức khỏe của họ, phải tế nhị và đừng đụng chạm đến đời sống riêng tư của họ, nhưng hãy thật vui vẻ -có khi pha trò- để cuộc trò chuyện thêm tự nhiên xóa bỏ ngăn cách giữa linh mục và giáo dân. Đừng để họ bận rộn tiếp khách chuẩn bị thức ăn thức uống, nhưng cần phải nói ngay với họ rằng, chỉ uống một ly nước hoặc một ly cà phê (nếu có) và trò chuyện thân tình, rồi cáo từ sau năm hoặc mười phút trò chuyện. Tuy ngắn nhưng ảnh hưởng và ấn tượng lâu dài nơi giáo dân của mình...

Giáo dân cảm thấy xa cách cha sở - vị mục tử - của mình, vì các ngài không chịu bước ra khỏi nhà xứ để đến với họ, vì các ngài cảm thấy mình đến với giáo dân là quá hạ mình nên phải để giáo dân đến với mình trước !? Vì thế mà khi có nghe tin giáo dân nọ cần được xúc dầu thì có một vài cha sở không biết giáo dân đó là ai!!!

Đừng ngại đi đến thăm giáo dân, cũng như người nông dân không ngại trời nắng trời mưa khi cày ruộng, bởi vì phải cày

trước đã rồi mới gieo hạt hoặc cấy lúa, “cày” là đi thăm giáo dân của cha sở, bởi vì khi đi thăm giáo dân là cha sở đã làm một chiếc cầu bê tông cốt sắt chắc chắn để nối liền nhà thờ với họ, nối liền cha sở với giáo dân, mục tử với con chiên. Đi thăm giáo dân là “cày” mảnh đất tâm hồn họ cho tươi xốp vì nó đã cứng khi không thấy được sự quan tâm của người mục tử và cũng vì miếng cơm manh áo mà họ ít đến nhà thờ...

Đừng ngại đi thăm giáo dân nhưng hãy ngại là chỉ quen biết và đi thăm một hai gia đình thân thiết trong giáo xứ rồi thôi, bởi vì đôi lúc có một vài linh mục vì quá mệt và bận rộn với công việc giáo xứ mà “trốn” đi đến một nhà giáo dân thân thiết để giải trí và thư giãn với cờ tướng hoặc tán dóc hoặc nghỉ ngơi cả buổi, lâu ngày làm cho giáo dân dị nghị và như thế việc truyền giáo và quản lý giáo xứ sẽ ảnh hưởng rất nhiều...

Khi đã “cày” xong thì chúng ta tiếp tục với câu tục ngữ của cha ông chúng ta **“Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”** để áp dụng vào cánh đồng truyền giáo của chúng ta, đó là giáo xứ.

b. Cầu nguyện (nhất nước)

Cầu nguyện, đó là một niềm vui của người Kitô hữu được “đặc ân” trò chuyện với Thiên Chúa, là một sức mạnh cho những người cảm thấy mình quá nhỏ bé trong cuộc sống. Các linh mục là những “nhà chuyên môn” của việc cầu nguyện, các ngài có thể cầu nguyện luôn luôn trong mọi lúc dưới bất cứ hình thức nào, vì các ngài là những thầy dạy giáo dân về việc cầu nguyện, khi mà người ta cảm thấy khó khăn khi cầu nguyện vì quá lo ra chia trí vì kể sinh nhai, vì thất tình lục dục, thì các linh mục là những con người mà họ cậy nhờ trong đời sống tâm linh của mình...

Có thể nói: cá cả ngày sống trong nước thế nào thì các linh mục cả ngày sống trong ơn sủng của Thiên Chúa cũng như thế.

Cầu nguyện rất cần thiết cho giáo xứ mình phục vụ cũng giống như nước cần cho đồng ruộng, không cầu nguyện thì các linh mục không thể làm cho tâm hồn tín hữu nguội lạnh thành nóng lên vì tình yêu của Thiên Chúa, không cầu nguyện thì các dự án, các cuộc thăm viếng chỉ là đánh trống bỏ dùi mà thôi, bởi vì cầu nguyện là “nước” nên nếu không nước thì đồng ruộng truyền giáo sẽ cháy khô.

Dâng thánh lễ là lúc cầu nguyện tuyệt vời nhất, và chỉ có khi dâng thánh lễ người linh mục mới cảm thấy được hết tất cả những hồng ân mà Thiên Chúa đã làm cho mình và cho nhân loại, đó chính là tình thương cao cả nhất mà chính linh mục là người thứ nhất cảm nghiệm được, bởi vì khi linh mục dâng thánh lễ mà không cảm nhận được sự cao quý và cao cả của Thiên Chúa đã thực hiện nơi thánh lễ thì chẳng khác chi một diễn viên sân khấu.

Bởi vì có một vài linh mục khi cử hành thánh lễ thì chỉ thích chú trọng đến những cử điệu bên ngoài : giang hai tay thật rộng hết cỡ khi đọc lời cầu nguyện, giọng nói uốn lượn mát tự nhiên và cung giọng lên xuống sao cho truyền cảm thu hút mọi người, vì thế cho nên không lạ gì có một vài linh mục cử hành thánh lễ như là diễn kịch trên sân khấu, nhưng diễn cũng không đạt vì những cử chỉ mà các ngài làm đều không diễn tả được là hành vi thánh, đôi lúc làm cho giáo dân thấy cử hành thánh lễ là một việc làm bắt buộc dĩ của các ngài, làm cho xong, làm cho qua, làm cho mau để hết... cục nợ!

Cầu nguyện là nước tưới trên cánh đồng truyền giáo của các linh mục, kinh nghiệm của thánh Gioan Maria Viannê đã cho chúng ta thấy được điều ấy: từ một giáo xứ khô cằn (nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) ngài đã làm cho nó sinh động tốt tươi cách kỳ diệu bằng lời cầu nguyện liên lĩ của mình. Cũng vậy, cầu nguyện là một sức mạnh kỳ diệu làm đổi mới mọi sự, mà theo suy nghĩ

của con người sẽ không bao giờ làm được, nhưng việc gì mà con người không thể làm được thì Thiên Chúa lại làm được.

Thánh lễ là giây phút hạnh phúc nhất của người Kitô hữu nói chung, và của các linh mục nói riêng, bởi vì càng suy tư đến mầu nhiệm hiến tế nơi bàn thánh thì chúng ta càng thấy được Thiên Chúa quá ư là khiêm tốn và rất mực yêu thương nhân loại, cách riêng các linh mục, bởi vì chính linh mục - chứ không ai khác- diễn tả lại cuộc hi tế ngày xưa trên đồi Golgôtha của Chúa Giêsu. Trong mỗi một thánh lễ mà chúng ta - những linh mục- dâng lên Thiên Chúa có biết bao là hồng ân mà nhân loại được hưởng nhờ, có biết bao linh hồn được ơn nhận biết Thiên Chúa là Cha rất nhân từ. Nói như thế để mỗi người trong chúng ta cảm nghiệm được rằng:

Tôi chỉ là một đầy tớ vô dụng, một dụng cụ bất xứng, và là một con người đầy những xấu xa hơn tất cả mọi người trên thế gian, vậy mà Thiên Chúa đã chọn tôi như là một khí cụ tình yêu của Ngài.

Chúng ta phải lợi dụng hồng ân trong thánh lễ để cầu nguyện cho giáo xứ của mình, tức là cho cánh đồng truyền giáo, mà trên cánh đồng ấy có không biết bao nhiêu là cỏ dại, sâu trùng, bọ xít làm hư hoại những hạt lúa tốt tươi của chúng ta.

Trong thánh lễ, chúng ta cầu nguyện cho em bé lem luốt hôm qua đứng bên vệ đường khóc vì đói được cơm ăn, chúng ta nhớ đến khuôn mặt của một giáo dân ngày hôm qua đã bị mọi người chửi mắng vì say rượu để cầu nguyện cho họ, chúng ta cũng nhớ đến những cô gái đứng gốc cây bên đường chờ khách để cầu nguyện cho họ được có cuộc sống tốt đẹp hơn, và còn biết bao nhiêu là những người mà chúng ta phải nhớ đến họ trong thánh lễ để cầu nguyện... Như thế, cầu nguyện là phương thế tuyệt vời nhất để cho cánh đồng truyền giáo của chúng ta ngày càng xanh tươi tốt đẹp hơn, và sẽ không một cây lúa (giáo dân) nào mà

không được mát lòng nhờ lời cầu nguyện của chúng ta.

Tiếp đến, Phụng Vụ các giờ kinh mà ngày xưa chúng ta gọi là kinh nhật tụng, đóng một vai trò quan trọng thứ hai sau thánh lễ trong việc cầu nguyện của các linh mục.

Thời nay Giáo Hội khuyến khích các tín hữu cũng nên đọc giờ kinh phụng vụ theo cách của giáo dân, bởi vì đó là những lời ca ngợi, tán tụng, tạ ơn và cầu xin tuyệt vời nhất, mà Giáo Hội đã yêu cầu các linh mục là những người đã được tuyển chọn thay mặt nhân loại đọc để chúc tụng Thiên Chúa, cho nên nếu được thì trong giáo xứ của mình, cha sở có thể tổ chức để giáo dân yêu thích dùng phụng vụ các giờ kinh để cầu nguyện, và các ngài cũng nên đọc chung với giáo dân ít nữa là giờ Kinh Sáng sau (hoặc trong thánh lễ) và giờ Kinh Chiều.

Đây là cách cầu nguyện chung giữa cha sở với giáo dân của mình, bởi vì các linh mục rất ít khi đọc kinh chung với giáo dân, buổi sáng khi giáo dân cùng nhau đọc kinh lần chuỗi thì không thấy cha sở, cha phó cùng đọc chung với họ, chỉ đợi khi gần giờ lễ rồi mới ra khỏi phòng và đi thẳng vào phòng thánh để chuẩn bị dâng lễ, lễ xong thì cũng “biến” đâu mất, rất ít khi trò chuyện với giáo dân, hỏi thăm quan tâm: “ông X... đâu rồi, sao mấy ngày nay không thấy đến nhà thờ; bà H... nghe nói bệnh phải không; Anh B..., con anh ra sao rồi tìm được việc làm chưa.v.v...” Mấy câu hỏi quan tâm đơn sơ sau thánh lễ ấy là chất xúc tác để giáo dân không còn thấy ông cha sở của mình là cao cao sang sang nữa, nhưng rất thân tình như người trong nhà và làm cho giáo dân yêu mến nhà thờ hơn, đó là bí quyết truyền giáo xưa cũng như nay: tiếp xúc và quan tâm đến mọi giáo dân của mình.

Đọc kinh Phụng Vụ chung với giáo dân là cầu nguyện chung với họ, là nói cho họ biết giáo xứ chúng ta cần thêm nhiều lời cầu nguyện của mọi người, để xin Thiên Chúa chúc lành và ban ơn cho mỗi con chiên của Ngài trong giáo xứ này, và thế là giáo dân

“thấy” được trong tâm hồn của vị mục tử của mình đầy áp sự lo lắng thương yêu giáo dân của ngài, và chắc chắn Thiên Chúa cũng sẽ nhậm lời và chúc lành cho công cuộc truyền giáo của các ngài.

Nước cần thiết cho đồng ruộng như thế nào, thì lời cầu nguyện cũng rất cần thiết cho việc truyền giáo như thế.

c. Tổ chức (nhì phân)

Có một vài linh mục trẻ rất có óc tổ chức giáo xứ của mình, những linh mục này tôi biết là ngoài việc các ngài có thiên khiếu về tổ chức ra, thì trong số các ngài còn có một vài linh mục tham gia sinh hoạt phong trào hướng đạo, nên cách tổ chức của các ngài rất có thứ tự lớp lang đàng hoàng.

Một cánh đồng kiểu mẫu không những năng suất cao mà còn là cách phân bờ phân dê làm sao cho hợp lý, để khi nước được bơm vào thì cả cánh đồng đều có nước giống nhau, chứ không phải cùng một cánh đồng mà chỗ này bơm nước một ngày chỗ kia bơm nước ngày khác, đó là vì nhà nông không được học qua kỹ thuật về nông nghiệp tiên tiến. Ở Đài Loan nền nông nghiệp của họ thật tuyệt vời, thấy ruộng đồng của họ mà mê tơi vì nó bằng phẳng, thứ tự lớp lang, sạch sẽ, nhìn thấy là muốn xuống ruộng làm nghề nông, đó chẳng qua là nền nông nghiệp của họ đã đạt đến mức hoàn hảo.

Trong một giáo xứ, việc tổ chức các đoàn thể là điều cần thiết, từ ban hành giáo cho đến các đoàn thể như Thiếu Nhi Thánh Thể, Legio Mariæ, Con Đức Mẹ, các bà mẹ Công Giáo, cha gia đình, thanh niên v..v... đều rất cần thiết cho sự truyền giáo của cha sở cũng như sự phát triển của giáo xứ, nhất là gây tình đoàn kết giữa các giáo dân với nhau cũng như giữa giáo dân và cha sở cha phó...

Có một vài cha trẻ nhưng tâm hồn thì đã già cho nên thích an nhàn hưởng thụ hơn là tổ chức các sinh hoạt trong giáo xứ, mà nếu giáo xứ nào đã có các đoàn thể rồi thì các ngài cũng ít quan tâm vì không phải “con của mình đẻ ra”, mặc kệ bây sinh hoạt hay không tùy tiện!?

Tổ chức là khâu quan trọng trong việc quản lý cộng đoàn, cha sở phải làm sao để tất cả giáo dân của mọi thành phần trong giáo xứ tham gia các hội đoàn, để qua các sinh hoạt này mà cha sở truyền đạt lòng đạo đức kính mến Thiên Chúa và yêu thương tha nhân cho các con chiên của mình, bởi vì sẽ rất thiếu sót khi giáo dân thềm muốn có một hội đoàn hợp với lứa tuổi của mình để chia sẻ những kinh nghiệm về cách sống đạo cho người khác, cũng như muốn học hỏi kinh nghiệm sống Lời Chúa nơi những giáo dân khác, mà cha sở thì cứ tà tà “để đó coi đã”, cái “tà tà” này là biểu hiệu của một tâm hồn không mấy thiết tha với giáo xứ mà mình đang coi sóc.

Tôi đã thấy một vài linh mục đã không làm gì sau mấy năm ở giáo xứ, bởi vì các ngài có một quan niệm rất “kỳ quặc” là mình không ở đời ở kiếp đây thì tổ chức đoàn thể này nọ làm gì cho mệt óc mệt xác chứ! Thế là giáo xứ của các ngài ngày càng tẻ nhạt, giáo dân đến đi lễ vì bổn phận rồi về, họ không coi giáo xứ là nơi để họ lui tới học hỏi nơi cha sở cách sống đạo cũng như nơi các giáo dân khác, bởi vì giáo xứ của họ không có một hội đoàn nào để họ tham gia sinh hoạt.

Thiên Chúa - đã vì thương yêu - mà chọn chúng ta làm những người thay mặt Ngài để dạy dỗ giáo dân biết sống đạo, và khi chọn ai thì nhất định Ngài cũng ban cho họ sự khôn ngoan để lãnh đạo, nghĩa là với sự khôn ngoan ấy chúng ta tổ chức giáo xứ thành cánh đồng truyền giáo cho hợp với thời đại khoa học, hợp với đà tiến hoá của xã hội mà không làm cho giáo dân phải thốt lên : ông cha sở quá cấp tiến.

Khi đã tổ chức được các đoàn thể rồi thì cha sở phải hy sinh thêm rất nhiều thời gian cho các đoàn thể, bởi vì cha sở, cha phó là đầu tàu, là hạt nhân làm nổ tung các tâm hồn bấy lâu nguội lạnh với việc nhà Chúa, thì nay đã hăng hái tham gia cách tích cực các hội đoàn trong giáo xứ. Cha sở sẽ còn rất ít giờ để đọc sách và giải trí, nhưng tham gia sinh hoạt các đoàn thể là một niềm vui của ngài, bởi vì có việc để làm thì tốt hơn là không có việc gì để làm rồi sinh ra những điều không tốt cho đời sống tu đức của linh mục.

Các linh mục là những người được đọc nhiều sách với nhiều đề mục, nhưng - đối với linh mục - thì tất cả đều là lý thuyết trên sách vở, duy chỉ có một điều đối với các ngài thì nó không còn là lý thuyết nữa nhưng là thực hành, đó là truyền giáo. Truyền giáo không phải là lý thuyết nhưng là phải thực hành, và đó chính là nghề chuyên môn của các ngài, do đó, người ta sẽ cười và trách các linh mục khi các ngài đứng đưng với công tác tổ chức các hội đoàn trong giáo xứ của mình.

Có một vài linh mục khi được phái đến coi sóc một giáo xứ nào đó thì thích xây dựng nhà thờ, phòng ốc, sân chơi, vườn hoa kiểng v..v... đương nhiên tất cả những công việc này cũng đều là vì giáo xứ mà làm để cho giáo xứ có bộ mặt đẹp đẽ và bề thế hơn. Nhưng, khi nhà thờ chưa xuống cấp mà đập tan nát ra xây lại, giáo dân không có chỗ để đi đứng sinh hoạt thì lại xây cái vườn hoa kiểng to đùng đùng chiếm cả một khoảng lớn của nhà thờ, hoặc giáo dân thì nghèo cơm ngày ba bữa chưa đủ no mà cha sở đập phá nhà thờ cũ để xây mới thì có hợp thời không...

Cái nên xây trước hết chính là xây dựng tâm hồn của giáo dân, làm cho tâm hồn của họ trở thành đền thờ của Thiên Chúa thật sự, chứ không phải chỉ đến nhà thờ đi lễ đi kiệu, nhưng khi ra khỏi nhà thờ thì tâm hồn của họ lại trở thành nơi ở của ma quỷ? Xây dựng tâm hồn của các giáo hữu trở nên đền thờ sống động

của Chúa Thánh Thần thì không có gì hay cho bằng tổ chức các đoàn thể trong giáo xứ của mình, thông qua các đoàn thể chúng ta sẽ thấy nhiều điều kỳ diệu mà Thiên Chúa đã làm nơi họ. Tổ chức các cộng đoàn hoạt động hữu hiệu thì cha sở sẽ có một ngày bội thu trong niềm vui của người ra đi gieo giống trên ruộng mình, và vui mừng gặt hái thành quả ôm trong lòng vác trên vai mà đi về nhà Cha...

d. Làm việc không biết mệt (tam cần)

Ruộng lúa, dù đã trở đồng đồng, nhưng nếu không chuyên cần làm cỏ thì sẽ trở về với hai bàn tay trắng, cũng vậy, tổ chức thật khoa học nhưng không thường xuyên giáo huấn dạy dỗ quan tâm thì cũng chẳng thu hoạch được gì.

Có những linh mục làm việc không biết mệt mỏi, các ngài làm việc bất kể ngày đêm, dù mưa to gió lớn, dù ban đêm hay ban ngày mà hễ có người cần đến các ngài là a lê đi ngay đến để ban các bí tích cho họ, sự chuyên cần này được Thiên Chúa trả công rất bội hậu, mà trước mắt là giáo xứ của các ngài ngày càng có nhiều người đến tham dự thánh lễ hơn, và chính bản thân của mỗi người giáo hữu cũng rất muốn cộng tác với cha sở nhiệt thành, vì các linh hồn mà phải hy sinh tất cả những chuyện riêng tư cá nhân...

Không chuyên cần làm việc thì các linh mục cũng đừng trông mong giáo dân cộng tác, và các ngài cũng đừng trách cứ giáo dân sao mà xao nhãng việc đạo đức, lễ lạy không đến nhà thờ; không làm việc cách tích cực thì cha sở đừng trông mong giáo dân thân thiện với ngài, bởi vì cha sở nhạy cảm một nhưng giáo dân nhạy cảm gấp đôi các ngài, nhất là trong việc nhìn xem cha sở mình có tích cực làm việc mục vụ hay không rồi sau đó mới cộng tác.

Có một vài linh mục trẻ khi được sai phái đến làm cha phó một

họ đạo nào đó thì khoán trắng cho cha sở, còn mình thì làm việc cách tiêu cực, cha sở phân công thì làm mà không phân công thì thôi, ngồi chơi xơi nước hoặc làm việc không mấy có trách nhiệm. Đương nhiên trách nhiệm là của cha sở, nhưng trên cương vị cha phó hay cha phụ tá cũng đều có trách nhiệm trong phạm vi của mình, mà trách nhiệm này trước hết chính là phần vụ của linh mục tức là làm công việc truyền giáo dù cho làm cha sở hay cha phó, cha phụ tá, hay làm bất cứ chức vụ nào chăng nữa cũng đều phải làm bổn phận của một linh mục.

Chúa Giêsu đã làm việc không biết mệt mỏi, đôi chân Ngài rảo khắp miền Galilêa để rao giảng, tìm và chữa lành những người đau yếu tật nguyền, cho nên có rất nhiều người đã đi theo Ngài mà không thiết gì đến ăn uống (x. Mt 14, 13-21) sự chuyên cần tích cực này rất đáng để cho chúng ta noi theo, và coi đây là một phương pháp, một bí quyết để thành công trong việc truyền giáo của mình.

Làm việc tác dụng rất nhiều trên đời sống tu đức của các linh mục, khi làm việc với các đoàn thể trong giáo xứ các linh mục sẽ nhận ra giáo dân của mình có những khả năng mà mình không ngờ đến, họ có thể giúp đỡ mình trong việc điều hành giáo xứ. Một linh mục làm việc nhiều là một linh mục luôn nhạy bén ứng xử năng động trong mọi tình huống của giáo xứ, nhưng cái quan trọng hơn, khi một linh mục dành nhiều thời gian cho việc mục vụ để phát triển giáo xứ, thì chính các ngài đã cảm thấy có một nhu cầu bức thiết hơn xuất hiện trong nội tâm của mình, đó là nhu cầu cầu nguyện, bởi vì càng làm việc càng thấy gánh càng nặng, càng thấy mình quá bất lực nên cần phải xin Thiên Chúa ban thêm ơn cho mình để điều hành giáo xứ và chăm nom các linh hồn mà Thiên Chúa đã trao cho mình.

Truyền giáo là mệnh lệnh của Thầy chí thánh - Chúa Giêsu - đã truyền cho các môn đệ của Ngài, trong đó có chúng ta là

những linh mục được tuyển chọn để - ưu tiên - thực hành mệnh lệnh ấy. Vì thế, không có một lý do gì để chúng ta khoán trắng việc truyền giáo cho người khác, mà người khác ấy cụ thể là cha sở hay cha phó của mình, hoặc khoán trắng cho giáo dân mà cụ thể là ban hành giáo hoặc các đoàn thể trong giáo xứ.

Có một vài giáo xứ có thầy đại chủng viện đến giúp xứ để thực tập mục vụ như dạy giáo lý, tập hát, dạy giúp lễ v..v... giúp cho cha sở nhiều trong vấn đề mục vụ, đây là việc làm đúng và rất có ích cho các thầy sau này. Nhưng các cha sở (cha phó) phải luôn xác định rằng: các thầy đến để thực tập chứ không phải là đến để làm cha sở hay cha phó, cho nên đừng mỗi cái mỗi giao cho các thầy làm, còn mình thì rảnh tay để đi đánh pingpong hoặc đánh cờ, hoặc tán ngẫu ở nhà giáo dân hay đi chơi ở Vũng Tàu, Đà Lạt v..v...

Tôi có thấy ở một giáo xứ nọ, trong nhà cha sở có hai, ba thầy giúp xứ, khi có đám tang thì cha sở chỉ dâng lễ an táng, còn liệm xác và đưa ra phần mộ thì ngài lại giao cho một trong các thầy ấy đi ra huyết mộ làm các nghi thức, còn cha sở ở nhà uống trà. Giáo dân rất không thích như thế, bởi vì không có cha sở thì thôi, chứ đã có cha sở thì cha sở nên đưa ra đến huyết mộ cho trọn tình trọn nghĩa với người chết là giáo dân của mình, hơn nữa cũng là một việc truyền giáo cho các giáo hữu còn sống, nhất là với gia đình tang chế...

Làm việc chuyên cần là cách khẳng định năng lực quản lý giáo xứ của mình, không một linh mục nào mới chịu chức mà giám mục hay bề trên giao trách nhiệm làm cha sở ngay (ngoại trừ những trường hợp đặc biệt như tân linh mục đã giúp xứ quá lâu mươi mấy hai chục năm, nay mới được chịu chức), cho nên phải tập làm việc ngay khi còn làm cha phó hay cha phụ tá, đừng nghĩ rằng bây giờ làm cha phó thì cứ tà tà mà làm, đợi đến khi làm cha sở rồi làm luôn thì làm to, bởi vì không ai đưa một người

không biết làm việc hoặc làm việc cách hời hợt lên làm cha sở, vì như thế có nghĩa là giám mục “đem gánh nặng trút lên đầu giáo dân bắt họ chịu đựng một ông cha sở không biết làm việc mà chỉ biết hưởng thụ và đòi hỏi”. Do đó không một giám mục hay bề trên nào cho bài sai một linh mục mới chịu chức đi làm cha sở ngay, nhưng phải làm phó hoặc phụ tá một hai năm...

Thiên Chúa là tình yêu, vì yêu mà Ngài làm việc không ngại nghỉ để giữ gìn công trình sáng tạo của Ngài trong vũ trụ, Ngài làm việc nơi những con người thành tâm thiện chí vì lẽ công bằng và vì tình yêu thương đồng loại, và đặc biệt Thiên Chúa làm việc không ngại nghỉ nơi các linh mục là những người cộng tác đắc lực nhất của Ngài, do đó khi một linh mục không cảm thấy mình có trách nhiệm chu toàn bổn phận thì là lãng phí ơn riêng của Thiên Chúa đã ban cho các ngài.

Đừng sợ mình không có tài mà không làm và cũng đừng lo là mình không có khả năng để làm, nhưng hãy mạnh dạn bắt tay vào việc với tinh thần vui tươi và lạc quan, Thiên Chúa sẽ gọi người tới phụ giúp chúng ta hoàn thành công tác, bởi vì không một người cha nào nhìn thấy con cái vất vả làm không xong việc mà không ra tay giúp đỡ!

Thiên Chúa chắc chắn là một người cha tuyệt vời hơn tất cả mọi người cha trên thế gian này.

“Ai ghen ngào ra đi gieo giống, mùa gặt mai sau khắp khởi mừng”. Vâng, đó là kinh nghiệm của người xưa và người thời nay, thử hỏi các linh mục lớn tuổi (cha sở) ngài sẽ chia sẻ cho những kinh nghiệm mục vụ đầy những mồ hôi và nước mắt, hãy nhìn những thành quả trong giáo xứ của chúng ta, thì thấy các cha sở trước đã vất vả như thế nào để xây dựng giáo xứ đẹp đẽ như ngày hôm nay, thì thấy câu thánh vịnh trên đây thật chí lý và khích lệ cho chúng ta.

e. Suy tư (tứ giống)

Các linh mục trẻ thân mến,

Có một vài anh em linh mục trẻ khi lên toà giảng để giảng thì giáo dân không biết ngài giảng cái gì, bởi vì ngài quá ỷ y vào tài lợi khẩu của mình nên chỉ một câu nói mà cứ nói lui nói tới, nói lòng vòng không đầu không đuôi; có một vài linh mục trẻ khi giảng thì không biết đối tượng mình giảng là ai, nên các ngài trích dẫn hết lập luận này đến lập luận kia, hết tổng luận thần học rồi đến tư duy triết lý làm cho giáo dân nghe ngài giảng mà không hiểu gì cả, thật uổng công cho các ngài soạn bài giảng và uổng công cho các giáo dân náo nức nghe cha giảng...

Sống là giảng và giảng là sống, sống sao giảng vậy thì thu hút và đánh động tâm hồn người khác hơn là lấy y chang bài giảng của người khác để giảng, bởi vì bài giảng của người khác thì chỉ gọi ý cho chúng ta mà thôi, chứ không như chúng ta sống, cho nên một linh mục thiếu suy tư thì cũng rất ít sống theo tinh thần Phúc Âm, và chắc chắn là các ngài không có chất liệu gì của mình để giảng dạy cho giáo dân.

Ruộng cày thật tơi xốp, nước nôi đầy đủ, chuyên cần có thừa, nhưng lúa giống không có hoặc giống xấu thì không thể đạt năng suất được. Cũng vậy, trên cánh đồng truyền giáo mọi thứ đều được chuẩn bị đầy đủ, cha sở thức khuya dậy sớm để lo việc tổ chức mà không còn giờ để suy niệm về Lời Chúa, hay nói cách khác, cha sở không đào sâu kho tàng ân sủng của Thiên Chúa trong thánh kinh cũng như trong các loại sách thiêng liêng, thì không thể hướng dẫn giáo dân hăng hái tiến bước trên con đường mà mình đã làm sẵn cho họ đi.

Có giáo dân mỗi lần đi họp Legio Mariæ về thì nói với nhau: cha linh giám hôm nay nói gì đâu không ăn nhằm gì tới Legio Mariæ; có các bạn trẻ thanh niên mỗi lần đến họp hành cũng

chẳng thấy cha tuyên úy của mình nói câu gì cho mới mới chút xíu, cứ lui tới nhắc nhở các bạn trẻ sống làm gương tốt, mà ngài thì không đưa ra những hình ảnh và phương pháp cụ thể để cho các bạn thấy mà học theo...

Suy tư, không nhất thiết là phải ngồi lì đóng cửa cả ngày trong phòng để tìm ý tưởng; suy tư, cũng không nhất thiết là phải tra cứu sách này sách nọ cho nó oai, để khi giáo dân có hỏi thì nói mình dọn bài dọn vở căng thẳng cả đầu óc ! Nhưng bất cứ lúc nào chúng ta cũng có thể suy tư và áp dụng vào trong cuộc sống của mình:

- Suy tư khi thấy một tai nạn.
- Suy tư khi thấy một đám ma.
- Suy tư khi thấy một em bé đang khóc vì đói.
- Suy tư khi đọc được một câu chuyện hay.
- Suy tư khi nghe một lời chửi bới của bạn bè.
- Suy tư khi nghe hát một bài hát...

Tóm lại là bất cứ lúc nào chúng ta cũng có thể suy tư, và những suy tư ấy sẽ rất có ích cho cá nhân của mình, cũng như cho cộng đoàn mà mình đang phục vụ.

Càng suy tư thì càng có chất liệu để giảng dạy, mà chất liệu hiệu quả nhất chính là mình sống những gì mình đã suy tư và cảm nghiệm, bởi vì không ai cho cái mà mình không có...

Một linh mục luôn suy tư là một linh mục dễ dàng thông cảm với những khuyết điểm của người khác nhất.

Một linh mục luôn suy tư là một linh mục luôn hoà nhã với mọi người.

Một linh mục luôn suy tư là một linh mục luôn có “bảo bối” là Chúa Thánh Thần hướng dẫn, để hướng dẫn người khác đi theo mục đích mà Chúa Giêsu cũng như Giáo Hội của Ngài mong muốn.

Trong suy tư các ngài cảm nghiệm được tính liên đới mình với người khác, cảm nghiệm được những thiếu sót sai lầm của người khác cũng chính là thiếu sót và sai lầm của mình hôm qua cũng như ngày mai, và như thế các ngài rất dễ dàng nhận thấy vai trò linh mục tử của mình có ý nghĩa phục vụ hơn là lãnh đạo, tìm và chữa lành hơn là trừng phạt và răn đe, yêu thương hơn là kiêu cách, cũng có nghĩa là các ngài sẽ khiêm tốn hơn khi vấp phải vấn đề tế nhị giữa mục tử và giáo dân trong việc quản trị và điều hành giáo xứ.

Một trong những bốn phận của linh mục là giảng dạy, ngoài việc giảng dạy trên toà giảng thì các ngài cũng sẽ giảng dạy nơi các đoàn thể trong giáo xứ như: Legio Mariæ, Con Đức Mẹ, Thiếu Nhi Thánh Thể, hội Vinh Sơn v.v... do đó mà các ngài cần phải suy tư nhiều hơn nữa về vai trò mục tử của mình, về những vấn nạn mà các đoàn thể đã và đang gặp phải...

Có những anh em linh mục trẻ chuẩn bị bài giảng trước cả...mười ngày rất công phu, có những linh mục trẻ rất lo lắng khi soạn bài giảng, tất cả các anh em linh mục trẻ này đều có ý thức về bài giảng của mình, còn có một vài anh em linh mục trẻ thấy mình đã đạt đến mức độ xuất khẩu thành bài giảng nên không chuẩn bị bài giảng gì cả, cứ lên toà giảng thì nói thao thao không ý không tứ, không đầu không đuôi và cuối cùng thì giảng như máy bay... không có bãi đáp.

Nhưng tệ hơn là có một vài linh mục không thích suy tư, không thích soạn bài giảng, và nếu có soạn thì chỉ chú trọng đến bài giảng ngày chủ nhật mà thôi, cho nên khi họp các đoàn thể thì không có những lời lẽ để giáo huấn họ, mà nếu có nói thì nói chung chung kỳ họp trước cũng như kỳ họp này không có ý tưởng đào sâu làm cho giáo dân cảm thấy đơn điệu, và không lạ gì khi các thành viên của các đoàn thể đi họp rời rạc và ngày càng ít đi, dĩ nhiên là có những lý do khách quan khác, nhưng lý

do “đi họp chán quá” cũng là vấn đề làm cho chúng ta - các cha sở trẻ - phải xét lại cách giáo huấn dạy dỗ của mình.

Tôi thấy có một vài anh em linh mục trẻ sau khi dâng lễ sáng xong thì xách xe chạy một lèo đến chiều tối mới về, không ngồi yên ở nhà được; có anh em linh mục thì không bao giờ cầm đến một tờ báo hay đọc một cuốn sách thiêng liêng, nếu có đọc thì chỉ năm phút sau là... ngủ gật, thật uổng phí thời giờ. Theo kinh nghiệm bản thân mình, các cha sở (cha phó) nên kiếm việc mà làm hoặc phát huy khả năng của mình như sáng tác nhạc, viết sách, dịch sách; hoặc tay nghề của mình như làm thợ sửa cái bục giảng đang hư, sơn lại cái ghế quỳ v..v... những công việc ấy sẽ giúp cho các linh mục rất nhiều trong cuộc sống tu đức, những lúc công việc nhà xứ rỗi rảnh thì bắt tay vào làm những việc ấy để không còn thời gian để suy nghĩ lung tung, xách xe chạy đi tán dóc, coi xi nê, đánh cờ tướng mất cả ngày giờ mà không ích lợi gì cho công tác mục vụ của mình.

Mỗi ngày bỏ ra ít là một giờ để đọc sách và viết xuống những suy tư của mình, một tháng sau đọc lại thì thấy ý tưởng của mình tiến bộ, ý lực dồi dào và súc tích hơn, và mỗi năm sẽ tích lũy được nhiều vốn liếng suy tư thì lo gì mà không có chất liệu để giảng dạy chứ, đó là kinh nghiệm mà tôi thường chia sẻ với các anh em linh mục trẻ trong dòng của chúng tôi, và kinh nghiệm này đã giúp tôi có những suy tư rất đời thường nhưng rất thực tế, có ảnh hưởng trên đời sống giáo dân khi giảng dạy.

Suy tư là hạt giống để gieo vào mảnh đất truyền giáo của giáo xứ của mình, bởi vậy nó có giá trị không những cho đời sống tu đức của mình mà còn có ích cho đời sống tâm linh của giáo dân trong giáo xứ mà mình coi sóc.

Có giáo dân than phiền về bài giảng của các linh mục trẻ quá dài và quá thiên về lý thuyết thần học triết lý, mà không đi vào thực tế sống đạo của người Kitô hữu, do đó mà họ cảm thấy rất “mệt” khi nghe các ngài giảng.

Tôi còn nhớ sau khi ở đại chủng viện thánh Tôma Aquinô (Đài Bắc - Đài Loan) trở về nhà dòng và được sai đi giúp xứ, sau thánh lễ chủ nhật tôi đang ở trong phòng mặc áo của nhà thờ, thì có một giáo dân trung niên đến nói với tôi như sau: “Thưa thầy, nếu sau này thầy làm linh mục, khi giảng lễ thì xin thầy giảng Phúc Âm cách thực tế trong cuộc sống để chúng tôi còn hiểu được và dễ thực hành, thầy đừng như cha sở hôm nay giảng gì mà tụi tôi không hiểu gì cả...” - Và kể từ hôm đó cho đến nay (và mãi sau này) tôi vẫn luôn nhớ đến lời góp ý chân thành của người giáo dân ấy, thế là tôi bắt đầu suy tư cách thực tế của đời sống làm người với tinh thần Phúc Âm là Sống, là chia sẻ, là cảm nghiệm chứ không phải là lý thuyết sách vở...

Nếu giáo dân không hiểu bài giảng của linh mục thì không thể bắt họ sống tốt tinh thần Phúc Âm của Chúa Giêsu, linh mục giảng mà không có tâm tình chia sẻ thực tế thì không phải là bài giảng “nhớ đời” của giáo dân khi nghe các ngài giảng.

B. GIÁO DÂN

Linh mục được sai đi để phục vụ chứ không để được phục vụ cho nên linh mục phải xác định cho rõ ràng đối tượng mà mình phục vụ chính là giáo dân, họ là những thành phần của dân Thiên Chúa tức là Hội Thánh địa phương mà mình đang phục vụ.

Giáo dân là thành phần dân của Thiên Chúa, tức là những thành phần được tuyển chọn để trở thành một dân tộc thánh, dân tộc được cứu chuộc bằng giá máu của Chúa Giêsu, cho nên họ cũng có những đặc ân mà Thiên Chúa ban cho họ qua bí tích Rửa Tội và các bí tích khác mà họ đã lãnh nhận, cho nên linh mục được sai đến là đến với họ, cũng có nghĩa là từ giây phút này đây tôi được sai đến đây để phục vụ, và cộng đoàn giáo xứ này chính là gia đình của tôi chứ không phải là cộng đoàn tôi phục vụ trước đó.

Có một vài linh mục đang phục vụ ở giáo xứ này mà lòng vẫn còn nghĩ đến giáo xứ trước đó, nên một vài tháng lại ghé đến thăm một nhà giáo dân mà mình quen thân và ở đó trọn ngày, hoặc là thỉnh thoảng giáo dân ở giáo xứ ấy có tổ chức gì thì mời riêng ngài đến tham dự...

Tình cảm giáo dân dành cho cha sở cũ của mình là điều đáng quý và đáng trân trọng, nhưng đa phần giáo dân không biết luật lệ Giáo Hội nên có khi tình cảm đi quá đà mà quên mất ngài bây giờ không còn là cha sở của mình nữa, nhưng là đã có mục tử khác coi sóc, cho nên các linh mục trẻ cần phải để ý trong vấn đề rất tế nhị này, bằng không sẽ mang tiếng là cha sở không mặn nồng với giáo xứ mà ngài mới được sai đến.

Tất cả mọi giáo dân trong giáo xứ đều là con chiên bổn đạo của mình, cho nên, họ có quyền đòi hỏi cha sở (cha phó) đối xử bình đẳng với họ như mọi người, họ cảm thấy bức xúc khi cha sở của mình hễ rảnh rỗi là đến nhà ông nọ bà kia ăn uống giải trí mà không đi đến các nhà khác. Trong cách đối xử này của cha sở (cha phó) sẽ làm cho việc truyền giáo của ngài, cụ thể là lời giảng dạy- sẽ mất đi sức thu hút và giảm đi sự kính mến của giáo dân nơi các ngài.

1. Kính trọng giáo dân lớn tuổi

Các bạn linh mục trẻ thân mến,

Một lần nọ, có giáo dân nói với tôi: “Linh mục X... tuy còn trẻ, tuổi chỉ đáng làm cháu bà Y..., vậy mà lớn tiếng la lối với bà ngay trong nhà thờ sau thánh lễ, không biết linh mục ấy có học lễ phép không?”

Tôi có thể chia sẻ với các linh mục trẻ rằng, phách lối la mắng những giáo dân lớn tuổi đều là thái độ của ma quỷ đội lốt linh mục, bởi vì linh mục là thầy dạy nhân đức, tức là dạy giáo dân

của mình biết kính mến Thiên Chúa và yêu thương mọi người, chứ không phải dạy con người ta làm điều xấu xa, mà cái xấu xa nổi bật nhất của ma quỷ chính là dạy con người ta làm đảo lộn trật tự tự nhiên của Thiên Chúa đã đặt sẵn trong vũ trụ và trên con người, mà cái trật tự tự nhiên là con cái phải yêu thương và thảo kính cha mẹ, người nhỏ tuổi phải biết kính nhường người lớn tuổi, trẻ em phải biết lễ phép, mọi người đều phải biết tôn trọng lẫn nhau...

Tôi đã thấy một linh mục trẻ nói với giáo dân đáng tuổi của bố mình rằng : “Ông là đũa ngu, không biết gì cả”. Ông giáo dân tội nghiệp ấy “ngu” cũng phải vì ông đâu có học phụng vụ như cha sở để thành thạo giúp lễ cho ngài.

Chúa Giêsu đã nghiêm khắc cảnh cáo chúng ta : *“Ai mắng anh em mình là đồ nguốc, thì đáng bị đưa ra trước Thượng Hội Đồng”* (Mt 5, 22), lời này của Chúa Giêsu không một ai được miễn trừ, không một ai được viện cớ chức này chức nọ mà mắng anh em chị em là đồ ngu, bởi vì tất cả mọi người đều bình đẳng nhau trước mặt Thiên Chúa.

Linh mục là người cần phải có thái độ kính trọng những người lớn tuổi hơn mình, bất luận họ là giáo dân hay người ngoại giáo, tuổi đời của họ cũng đều đáng để cho chúng ta kính trọng; linh mục không kính trọng người lớn tuổi thì không thể dạy giáo dân mình thảo kính cha mẹ; linh mục không tôn trọng người già thì đừng mong giáo xứ của mình có tôn ti trật tự.

Một linh mục biết kính trên nhường dưới là một linh mục rất dễ dàng thân cận với giáo dân của mình, bởi vì nơi ngài người ta thấy được chức linh mục cao quý chứ không thấy con người phạm tục của các ngài, trái lại một linh mục luôn xác láo với người già cả, kể cả với người trang lứa thì người ta sẽ không nhìn thấy chức linh mục nơi các ngài, nhưng người ta sẽ nhìn thấy ngài là con người với những thói xấu sần si nơi các ngài.

Kính trọng người già cả còn là hợp với đạo lý của người Việt Nam chúng ta kính lão đắc thọ, thọ đây có thể là sống lâu ở đời này cũng như được hưởng phúc trường sinh mai sau trên thiên đàng với Thiên Chúa. Là nhà mô phạm, các linh mục luôn tự nói với mình rằng : tôi sẽ là tấm gương sáng cho giáo dân noi theo trong việc kính mến Thiên Chúa và yêu thương tha nhân, do đó mà người linh mục luôn trở thành ngọn đèn sáng hướng dẫn giáo dân của mình đi theo con đường của Phúc Âm của Chúa Giêsu dạy.

Kính trọng người già cả là biểu lộ một tâm hồn khiêm cung nơi các linh mục, yêu mến và thân tình với họ chính là việc làm chính đáng của người môn đệ Chúa Giêsu, cho nên sẽ rất phản giáo dục và trái với đạo đức nếu chúng ta -các linh mục trẻ- coi thường và khinh dễ các vị cao niên trong cộng đoàn giáo xứ của mình.

2. Giới trẻ

a. Hòa đồng và sống tự nhiên

Trong giáo xứ dù cha sở có lập đoàn thể thanh thiếu niên hay không, thì giáo xứ vẫn có các bạn trẻ ấy, đó là một thực tại không chối bỏ, do đó, để cho các bạn trẻ trong giáo xứ cảm thấy cha sở trẻ trung của mình rất gần gũi thân thương, thì việc trước tiên của linh mục là hoà đồng vui vẻ với các bạn trẻ của mình.

Tuy nhiên “Hoà đồng mà gượng ép thì khó coi, tự nhiên mà sỗ sàng thì sinh ra gương xấu” ⁽¹⁾ - đây là một thực tế mà có một vài linh mục trẻ không để ý, chính vì khi hoà đồng với các bạn trẻ là chúng ta thấy được sức sống của Giáo Hội Chúa Kitô nơi họ, do đó, và vì để cho các bạn trẻ có ấn tượng về mình, nên có một vài linh mục trẻ có những hành động khó coi và những lời nói không phù hợp với thiên chức linh mục và mục tử của mình, do đó mà sinh ra gương xấu hoặc là phản tác dụng giáo dục Kitô giáo.

Tôi được chứng kiến có một linh mục trẻ nọ, được cha sở giao trách nhiệm giúp ngài chấn chỉnh và hướng dẫn các bạn trẻ thanh niên trong giáo xứ, quan niệm của vị linh mục trẻ này là phải hoà đồng với các bạn trẻ, cho nên mỗi chiều chủ nhật ngài tập họp các bạn trẻ lại được khoảng 5, 6 người, khi thì ở một nhà giáo dân mà ngài rất thường lui tới, khi thì tại phòng riêng của ngài với một...can rượu trắng hai mươi lít và uống với họ, các bạn trẻ thấy cha “chịu chơi” nên cũng uống gần hết can rượu, kết quả là cha trẻ say xỉn, các bạn trẻ có men rượu ăn nói lung tung không còn lễ phép lịch sự với cha trẻ nữa, và các bạn ra về nói nhỏ to lần sau không đến nữa...

Nhưng cái hậu quả to lớn nhất của việc hoà đồng này là : sau đó vị linh mục này về nhà thờ dâng lễ chiều chủ nhật mắt đỏ kè, giọng lè nhè và và dáng đi xiêu vẹo trên bàn thờ khi cử hành thánh lễ, làm cho giáo dân ngao ngán và chửi rủa ông cha trẻ này là: ông cha mất nét!

Hòa đồng không có nghĩa là phải làm như các bạn trẻ, nhưng phải đem cái tinh thần trẻ trung của mình đi với giới trẻ, hướng dẫn họ đến với Chúa Giêsu Kitô là chính Đấng làm cho sự hoà đồng của linh mục với giáo dân được kết trái là nơi nhà thờ càng ngày càng đông các bạn trẻ, và họ sống tốt lành như vị linh mục trẻ trung của họ vậy. Có rất nhiều cách để chúng ta thu hút các bạn trẻ, mà cách thu hút có hiệu quả lâu dài nhất chính là đời sống gương mẫu và trung thực của chúng ta.

Thái độ tự nhiên khi hành xử của một linh mục rất là dễ thương và đầy “quyến rũ”, quyến rũ đây không phải như nam nữ quyến rũ trong tình yêu, nhưng chính là sự đơn sơ của các ngài đã làm cho giáo dân không còn cảm thấy xa lạ với các linh mục của mình nữa.

Tuy nhiên, có một vài linh mục có thái độ rất tự nhiên với mọi người, nhưng cái tự nhiên này sẽ biến thái khi các ngài quá tự

nhiên với các thanh nữ cũng như với các phụ nữ, dù gì chẳng nữa thì hành động tự nhiên đó cũng sẽ là việc “không thuận mắt” với giáo dân, dù cho các ngài ở nước ngoài hay ở trong nước thì các ngài cũng vẫn là người Việt Nam, thái độ quá tự nhiên “ôm hôn thăm thiết” thì chắc chắn không phải là thái độ của người linh mục, nhất là khi dùng thái độ ấy để đối xử với các thiếu nữ và các phụ nữ, với các bạn trẻ nữ thì càng phải tế nhị hơn thế nữa, “tự nhiên mà sỗ sàng thì sinh ra gương xấu” là ở đó.

Thái độ tự nhiên không kiểu cách của một linh mục là: thấy người lớn tuổi bằng cha ông mình thì xưng hô như mình xưng hô với cha ông của mình, thấy người đáng anh chị mình thì xưng hô như anh chị mình, thấy người đáng em trai em gái của mình thì đối xử như em trai em gái của mình, làm được như thế thì các linh mục có hai cái lợi: một là xoá khoảng cách giữa mình với giáo dân, làm cho họ thấy linh mục của mình là người dễ mến; hai là tập cho mình đức khiêm tốn với hết mọi người.

Có nhiều linh mục nói rằng phải xưng cha con với mọi người là để giáo dân khỏi lờn mặt ! Suy nghĩ như thế thì quả là chúng ta coi thường giáo dân của mình, bởi vì lờn mặt hay không không hệ tại cách xưng hô, nhưng chính là hệ tại hành vi thái độ của linh mục đối với giáo dân có diễn tả được tình yêu của Chúa Giêsu hay không mà thôi.

Các bạn trẻ thời nay sống rất tự nhiên thì linh mục càng phải nghiêm trang, nghiêm trang không có nghĩa là bặm môi trợn mắt hoặc là đứng xa xa mà nói chuyện với họ, hoặc là thường trách cứ lời nói hay thái độ của các bạn trẻ, nhưng nghiêm trang chính là lời nói thái độ của mình chừng mực hợp với tư cách của một linh mục, một mục tử và là một người bạn lớn của các bạn trẻ.

Hãy mời gọi các bạn trẻ nên gia nhập vào một đoàn thể nào đó trong giáo xứ, chẳng hạn như Thiếu Nhi Thánh Thể, đoàn Hướng Đạo, ban lễ sinh v.v... để được huấn luyện có hệ thống, và khi

đã vào các đoàn thể rồi thì không còn chuyện mỗi lần họp là mỗi can rườu. Nơi các đoàn thể này, nếu không vì bận mục vụ chung, thì các linh mục trẻ nên đến tham gia với họ như khi đi dã trại hoặc các khóa huấn luyện, bởi vì sự hiện diện của cha sở (cha phó) trong ngày trại là một sự phấn khởi và niềm vui của các bạn trẻ.

Có một vài linh mục trẻ khi đi trại với các bạn trẻ thì cứ đạo mạo như ông cụ non, không dám xếp hàng sinh hoạt vòng tròn với các bạn trẻ vì sợ dơ áo quần, hoặc đến ngó ngó chỉ chỉ rồi đi về, đến cho có lệ...

- (1) Xem “Công, Dung, Ngôn, Hạnh của linh mục Chúa Kitô” cùng tác giả.

b. Giới trẻ và tri thức

Khoa học ngày càng phát triển, tri thức rất cần thiết cho mọi người, và nhất là các linh mục là những người lãnh đạo giáo dân, và lớp trẻ thì ngày càng thông minh và hiểu biết hơn nhiều, do đó mà các linh mục trẻ cần phải biết tể nhị trong hạn chế của mình, dù rằng các bạn trẻ rất kính trọng các linh mục của mình nhưng không phải vì thế mà các linh mục trẻ coi thường họ.

Giới trẻ ngày nay có rất nhiều việc phải lo phải làm hơn một cha phó ở giáo xứ, đó là chuyện có thật mà chúng ta cần phải nhạy bén trong việc huấn luyện và giáo huấn : các bạn trẻ phải lo học mà giờ học của họ thì dày đặc cả tuần, rảnh rỗi là họ đi thư viện hoặc đi học thêm, vì thế mà họ rất ít có thời giờ để đến nhà thờ sinh hoạt. Vì thế mà các linh mục trẻ phải làm thế nào để khi quy tụ lớp trẻ lại thì làm cho họ thấy mình là một người cha, người bạn, người anh rất biết thông cảm và sẵn sàng chia sẻ với họ về các vấn đề tâm linh cũng như những vấn đề khác.

Nhu cầu hiểu biết của giới trẻ ngày càng nhiều, trình độ của họ

ngày càng cao, cách sống của họ ngày càng phức tạp, mà nếu không có kiến thức căn bản thì không thể lãnh đạo và thu hút họ được.

Có một vài linh mục trẻ cứ nghĩ rằng mình đã “đỗ” chức linh mục rồi nên không cần đọc sách đọc vở gì nữa, có đọc chẳng là hề gần đến ngày chủ nhật thì lấy sách lễ ra coi Phúc Âm và chuẩn bị bài giảng rồi thì chấm hết, còn biết bao nhiêu là thời gian rảnh rỗi mà các ngài không đọc sách đọc báo, không sưu tầm tài liệu, không coi một quyển sách để mở thêm kiến thức của mình. Các bạn trẻ sẽ thích đến nhà thờ hơn khi các cha sở biết thông cảm và hiểu được những bức xúc của họ, để an ủi và hướng dẫn họ đi theo lý tưởng của mỗi người mà không đánh mất đức tin của mình, đó chính là điều mà mỗi linh mục đều hiểu rõ ràng hơn những người khác.

Linh mục không phải là quyền tự điển bách khoa cái gì cũng biết, nhưng các ngài có thể nói cho các bạn trẻ những vấn đề thời sự của ngày hôm nay đang xảy ra ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, các ngài cũng có thể bàn luận với các bạn trẻ về vấn đề cái lợi và cái hại của internet đang xảy ra đối với các bạn trẻ... Đó là những việc mà chỉ cần các linh mục trẻ chịu khó mỗi ngày “để mắt” đến vài tờ báo khoa học, hoặc vài tờ báo thời sự thì biết ngay chứ khó khăn gì đâu.

Các bạn trẻ trong giáo xứ có người thì đang học phổ thông, có người đang học đại học, có người tốt nghiệp đại học, và có người đang làm thầy giáo, bác sĩ, kỹ sư.v.v... cho nên các linh mục trẻ cần phải trang bị cho mình vốn liếng kiến thức, mà kiến thức hay nhất chính là các ngài sống gương mẫu phù hợp với lời giảng của các ngài, điều này làm cho các bạn trẻ thích thú và hãnh diện về các linh mục của mình.

Thiên Chúa không chọn linh mục để các ngài hạch sách nạt nộ giáo dân, Ngài cũng không chọn linh mục để khinh dễ người

nghèo, nhưng Thiên Chúa chọn linh mục để thay mặt Ngài dạy dỗ và hướng dẫn giáo dân đi trên con đường trọn lành đến với Ngài, và nhất là các ngài giới thiệu khuôn mặt hiền hậu của Chúa Giêsu cho mọi người. Giới trẻ cũng là thành phần của dân Thiên Chúa, tức là dân được tuyển chọn bởi bí tích Rửa Tội, nên giới trẻ cũng đáng được Giáo Hội coi trọng, và như thế, các linh mục cũng phải coi trọng các bạn trẻ, đừng bao giờ nghĩ rằng chúng nó -các bạn trẻ- là con nít, là thành phần hạng thứ trong giáo xứ, nhưng phải yêu thương và nâng đỡ các bạn trẻ khi họ cần lời khuyên bảo của các ngài, giúp cho họ thấy rằng được làm người Kitô hữu thì hạnh phúc vô cùng, và chỉ cho họ thấy rằng, Giáo Hội đang cần đến họ cộng tác để Nước Trời được rộng mở ở trần gian này và viên mãn trên trời mai sau.

c. Xin lễ và bổng lễ

Đây là việc tế nhị dù rằng có quy định rõ ràng của Giáo Hội và của đảng bản quyền địa phương, nhưng giáo dân vẫn cảm thấy như có một cái gì đó ngăn họ đến với Thiên Chúa khi nói đến số tiền (bổng lễ) mà cha sở quy định cho giáo dân. Giáo dân hiểu rất rõ rằng không thể dùng tiền để mua thánh lễ, vì đó là phạm thánh và là gương mù để cho những người ghét Giáo Hội có cơ để nói xấu và chỉ trích Giáo Hội của mình.

Cũng vì chuyện xin lễ và bổng lễ mà có nhiều giáo dân không đến nhà thờ, và đối với họ việc xin lễ và bổng lễ là một cách giúp đỡ cho Giáo Hội và cha sở của mình sinh sống, không có gì phải nói, nhưng cái mà họ không mấy phấn khởi khi đi xin lễ nơi cha sở là vì cha sở có những quy định mà -đối với họ- giống như mua bán thánh lễ, làm mất đi ý nghĩa cao quý của việc xin lễ.

Tại giáo xứ nọ, giáo dân hầu hết là nghèo khổ chưa ăn bữa trưa đã lo bữa tối, giáo dân phần đông làm nghề nuôi tôm, nhưng gặp lúc thất mùa vì mưa lụt, lại càng khổ hơn. Có giáo dân bòn

một được năm mươi ngàn đồng (VN) giữ lại hai chục ngàn để mua gạo cho gia đình, vị giáo dân này đến cha sở để xin lễ giỗ giáp năm cho ba mình, cha sở từ chối không nhận tiền lễ ba mươi ngàn đồng, người giáo dân năn nỉ với ngài là nhà hết gạo rồi bán tháo bán đổ mẻ tôm mất mùa được năm chục ngàn, con giữ lại hai chục ngàn để mua gạo cho gia đình, nhưng cha sở đã không động lòng thương xót đòi cho bằng được bổng lễ năm chục ngàn, vị giáo dân nghèo khổ này đành phải về nhà đem nốt hai mươi ngàn đồng bạc để mua gạo ấy đến xin lễ giỗ cho ba của mình...

Tôi được biết là người giáo dân hơn bốn mươi tuổi có hiếu với ba mình này đã rơm rớm nước mắt, vì thương ba và tủi cho cảnh nghèo của mình, và chắc chắn trong tâm họ sẽ nghĩ không tốt về cha sở của mình.

Giáo luật về bổng lễ Giáo Hội chỉ định rất rõ ràng, nhưng có một vài cha sở đã không làm đúng như luật Giáo Hội dạy. Giáo luật dạy rằng: “Hết sức khuyên nhủ các linh mục hãy dâng lễ theo ý chỉ của các tín hữu, nhất là những người nghèo cả khi không có bổng lễ” ⁽²⁾. Không một ai nhẫn tâm trước cảnh khốn khó của người khác, hướng chi là một linh mục của Chúa Giêsu, làm linh mục không bao giờ đói cả, mà nếu ngài có đói một ngày cũng không sao, hơn là cả gia đình giáo dân phải nhịn đói để xin lễ giỗ cho ba của mình. Tấm lòng của giáo hữu với cha sở thì quá lớn nhưng cha sở trên đây tính từng đồng và - nói theo tu đức - ngài đã không có tâm hồn thương xót người nghèo như là một người cha nhân từ và một mục tử chân chính của Chúa Kitô.

Đạo lý của Chúa Giêsu là ở chỗ biết yêu thương người thân cận như chính mình, giúp đỡ người nghèo đói là giúp đỡ cho Ngài, điều này các linh mục hiểu rõ hơn bất cứ người nào trên mặt đất này, và sự giúp đỡ yêu thương này các linh mục rất có nhiều cơ hội để thực hiện, cụ thể là vui vẻ dâng lễ cho những

giáo dân nghèo không có tiền làm bồng lễ để xin lễ cho người thân của mình.

Có một vài linh mục mà tôi quen biết đã rất hào phóng làm việc bác ái với giáo dân của mình, các ngài không nhận bồng lễ khi giáo dân có đám tang, đám cưới, bởi vì quan niệm của các ngài là: họ là con chiên của mình, đời người có một lần (đám ma, đám cưới) mình là cha sở phải chia buồn (đám tang) và chia vui (đám cưới) với họ bằng cách dâng lễ và cầu nguyện cho họ, đó là bổn phận của một cha sở... Ôi, tâm tình đầy yêu thương giáo dân của các linh mục này đã làm cho tôi suy nghĩ và quyết tâm học theo gương của các ngài khi làm linh mục, và bây giờ tôi đã và đang thực hiện điều ấy: không bao giờ nhận bồng lễ hoặc bất cứ lễ vật nào khác của giáo dân khi có đám cưới hoặc đám tang. Đó cũng là một cách truyền giáo rất thực tế mà chúng ta - các linh mục trẻ - cần phải khai thác với tất cả sự yêu thương.

Có một vài cha sở lại bày ra luật lệ của mình để chất gánh nặng lên vai giáo dân: các ngài ấn định lễ có hát và lễ không có hát với bồng lễ khác nhau, lễ nhiều tiền là làm ngay theo ý người xin, và lễ ít tiền thì bỏ vào cái hòm phía trước nhà thờ mỗi tuần cha sở mở ra một lần để làm lễ theo ý họ.

Đành rằng tiền chi phí điện nước, ca đoàn, giúp lễ là phải có (nên công khai danh mục chi phí này để họ biết mà làm theo đó, lâu ngày thành thói quen) nhưng phần bồng lễ dành cho cha sở thì nên vui vẻ chân tình nói với họ rằng người chết là giáo dân của tôi, tôi có bổn phận phải dâng lễ cầu nguyện cho họ nên không nhận bồng lễ, nếu mỗi cha sở biết làm như thế thì không những ngài có uy tín với giáo dân, lại còn là một mục tử tốt lành dưới con mắt họ, bởi vì không phải ngày nào cũng có người chết cũng như không phải ngày nào cũng có đám cưới mà sợ không có gì ăn!

Có một vài cha sở trẻ rất là không tế nhị về điểm này: có vị thì

lên tòa giảng nói khéo để giáo dân xin lễ, có vị nói thẳng lớn tiếng với giáo dân là không biết giữ đạo vì không biết xin lễ, lại có vị thì chỉ trích thẳng mặt với giáo dân có thân nhân ở nước ngoài là keo kiệt vì họ chỉ xin đúng số tiền quy định v.v... nếu không tế nhị và nếu không có tâm hồn quảng đại thì chúng ta - các linh mục- sẽ là người gây chia rẽ trong giáo xứ của mình về việc bồng lễ: người giàu và người nghèo, mà người phân biệt đối xử trước nhất chính là cha sở khi ngài quy định lễ hát, lễ không hát và lễ ít tiền trong giáo xứ của mình.

Giáo dân không có tiền để xin lễ hoặc xin lễ không đúng với số bồng lễ quy định thì đã sao, bởi vì không một tiền bạc vật chất nào trên thế gian này có thể mua nổi một thánh lễ Misa, thì tại sao chúng ta lại đòi cho đúng năm mươi ngàn đồng khi gia đình giáo dân ở nhà con cái thiếu ăn? Nếu không vì lễ giáp năm của bố mình thì chắc chắn người giáo dân ấy sẽ không xin lễ với giá không đúng với số tiền đã quy định, nhưng vì chữ hiếu mà xin lễ và vì con cái không có cơm ăn mà phải giữ lại gần nửa số tiền đã bán tô. Chúa Kitô đã chết trên thánh giá để trở nên của lễ toàn thiêu vô giá dâng lên Chúa Cha xin Ngài tha tội cho thế gian, tại sao chúng ta lại kỳ kèo với người giáo dân nghèo của mình cho đúng với số tiền đã quy định chứ?

Chúng ta là linh mục tức là những mục tử của giáo dân, mà mục tử thì phải hy sinh - có khi hy sinh tính mạng - để đàn chiên được béo tốt, là đi tìm nơi nào có đồng cỏ tươi tốt để cho chiên ăn chứ không phải bắt chiên mà ăn thịt.

Giáo dân Việt Nam chúng ta có thói quen tốt lành là xin lễ rất nhiều đến nỗi có cha sở làm không hết lễ cho một năm, cho nên có những lúc tôi và các anh em linh mục trong dòng nói đùa với nhau rằng: làm linh mục ở Việt Nam sướng hơn ở ngoại quốc, mà đúng như thế, vì giáo dân Việt Nam chúng ta rất kính trọng các linh mục, kính trọng quá mức. Còn giáo dân ở nước ngoài thì họ

vẫn kính trọng linh mục theo cách của họ, họ vẫn yêu thương các linh mục của họ, dù cha sở của họ là người bản địa hay là người ngoại quốc họ đều yêu quý như nhau, nhưng họ ít có thói quen xin lễ như ở Việt Nam, có giáo xứ quanh năm cha sở chỉ làm vài lễ theo ý giáo dân xin, có giáo xứ mỗi tuần cũng có xin lễ vài ba ngày v..v... cho nên - xét cho cùng - cha sở ở Việt Nam sung sướng hơn làm cha sở ở ngoại quốc nhiều, xét về mặt xin lễ.

Giáo xứ của tôi phụ trách là một giáo xứ có thể nói được là có tổ chức quy mô và dân trí cao của giáo phận, vì vị trí của giáo xứ gần các trường đại học nổi tiếng nên đa số các giáo sư công giáo đều ở tại giáo xứ của tôi, tri thức vì trình độ trên đại học và tiến sĩ, thạc sĩ của giáo dân chiếm $\frac{3}{4}$ giáo xứ, còn lại là đang học đại học hoặc trung học. Tri thức là như thế, nhưng giáo lý thì không thể so với các giáo dân ở Việt Nam chúng ta, và việc xin lễ thì càng hiếm hơn nữa, bởi vì họ ít có thói quen xin lễ...

Nói như thế để cho các linh mục trẻ của chúng ta hiểu rằng, ở Việt Nam, nếu một năm các cha sở trẻ làm “miễn phí” một vài lễ thì chắc chắn là không chét đói so với giáo dân của mình đem năm chục ngàn đến xin lễ mà trong nhà không có gì ăn.

Có giáo dân nói với tôi là cha sở của họ rất là phân biệt người nghèo người giàu, bởi vì thấy người lao động chân lấm tay bùn vào nhà xứ xin gặp cha sở thì ngài không có thái độ vồn vã chào hỏi, ghi sổ lễ xong là nói: tôi bận. Nhưng nếu có người giàu có trong giáo xứ vào gặp ngài thì ngài rất vồn vã, tự tay rót nước mời khách và ngồi trò chuyện rất lâu v..v...

Có lẽ cha sở có việc của ngài, và giáo dân nghèo có lẽ mặc cảm với cái nghèo của mình nên nghĩ ra như thế chăng? Tuy nhiên đây là một thực tế có thật mà giáo dân rỉ tai nhau nói như thế.

Con người ta nhân vô thập toàn, các linh mục cũng thế, nhưng cái mà mỗi người chúng ta cần phải đạt cho đến trong cuộc sống của mình, đó là nên thánh, các linh mục tu sĩ nên thánh trước và

kéo theo giáo dân nên thánh với mình, đó là bổn phận và trách nhiệm của người tu hành mà cụ thể là các linh mục, tu sĩ nam nữ. Giáo dân kính trọng các linh mục và các linh mục tu sĩ nam nữ là ở chỗ họ luôn luôn nêu gương sáng cho mọi người, mà người Trung Hoa có câu như sau: “dĩ thân tác tắc” nghĩa là lấy mình làm gương, mà muốn “dĩ thân tác tắc” thì chúng ta nên công khai cuộc sống của mình, công khai cuộc sống của mình là hoà đồng với hết mọi người, giàu cũng như nghèo, là tiếp đón vui vẻ với mọi giáo dân không phân biệt một ai, bất luận họ đến nhà xứ với lý do gì thì cũng đều coi họ như người trong gia đình: thân tình tự nhiên mà không kiêu cách đạo mạo như ông chủ...

Hãy nói nguyên tắc làm việc của mình cho rõ ràng với giáo dân, bởi vì nguyên tắc nào cũng phải làm cho giáo dân càng ngày càng đến gần Thiên Chúa hơn, cho nên chẳng còn gì vui thích bằng khi giáo dân nói cho nhau nghe: Cứ tới cha sở đi, đừng ngại gì cả, vì ngài rất bình dân hoà đồng và sẵn sàng ngồi toà giải tội lúc nào cũng được. Chúng ta đừng sợ giáo dân quấy rầy mình, bởi vì họ rất tôn trọng các linh mục, nếu họ có đến thì chỉ có những dịp này: xin xưng tội, hôn phối, an táng và đem quà đến chia sẻ với cha sở của mình mà thôi, không một giáo dân nào ngày ngày đều đến nhà cha sở trò chuyện, cũng không có giáo dân nào quý cha sở đến mức ngày ngày đến hầu chuyện với ngài...

Xin lễ là việc đạo đức thánh thiện và bày tỏ lòng quảng đại của giáo dân đối với Giáo Hội, cũng như đối với các cha sở và cha phó hay bất cứ linh mục nào của Giáo Hội, nhưng việc xin lễ sẽ mất đi ý nghĩa của nó nếu chúng ta -các linh mục- không đặt tình thương yêu trên số tiền xin lễ của giáo dân, bởi vì của lễ thì không thể nào quý trọng bằng tâm hồn yêu thương của người xin lễ...

(2) Giáo luật về “bông lễ”, điều 945 tiết 2.

b. Cử hành bí tích.

Hồi tôi còn giúp xứ, cha sở của tôi (cũng là Linh mục nghĩa phụ) đã chỉ cho tôi cách làm bản đồ địa bàn giáo xứ và ghi chú rất cặn kẽ chi tiết tên tuổi, địa chỉ, tên đường, hẻm, số nhà và đánh dấu những ký hiệu thật dễ nhớ, ngài giải thích: “Phải chi tiết như thế, để khi có ai kêu đi xúc dầu bệnh nhân thì hỏi rõ tên và tự mình đi cũng được, khỏi phiền giáo dân”. Và quả thật phương pháp này rất có lợi cho cha sở cũng như cho tôi là thầy giúp xứ biết rõ hơn về giáo dân trong họ đạo...

Giáo dân nhờ các linh mục để lãnh nhận các bí tích mà Chúa Giêsu đã lập ra, để chuyển ban ơn cứu độ của Ngài cho họ, cho nên cũng có thể nói cách chắc chắn rằng: làm linh mục là vì phần rỗi của giáo dân.

Đời sống tâm linh của giáo dân rất cần đến các bí tích chữa lành, cứu sống và kiện khang, đó là bí tích Giải Tội, bí tích Thánh Thể và bí tích Xúc Dầu bệnh nhân. Ba bí tích này chỉ có các linh mục mới được cử hành, cho nên chúng ta - các linh mục - cần phải đáp ứng nhu cầu của giáo dân khi họ mong muốn lãnh nhận các bí tích này.

Có một vài cha sở từ chối thẳng thừng với giáo dân khi họ gõ cửa xin ngài ngài toà giải tội ngoài giờ quy định. Tại sao chúng ta từ chối không ban bí tích Giải Tội cho họ chứ, tại sao chúng ta từ chối một tội nhân muốn làm hoà với Thiên Chúa chứ, tại sao chúng ta từ chối đón nhận họ trở về với đời sống mới trong bí tích hoà giải chứ? Có một vài giáo dân đã nhiều năm không đến toà cáo giải, nay nhờ ơn Thiên Chúa giúp họ ăn năn hối cải trở về với Ngài, nếu chúng ta từ chối ban bí tích hoà giải cho họ, thì vì mặc cảm, vì tức giận, vì thất vọng họ lại sa ngã trong tội thì sao? Càng suy nghĩ tôi càng thấy sợ hãi vì vai trò của linh mục là chữa lành, là cứu sống, là hoà giải tội nhân với Thiên Chúa, bây

giờ lại từ chối người anh em đang cần đến mình để về với Thiên Chúa là cha nhân từ!

Chúng ta là mục tử nhưng chúng ta không học gương Chúa Giêsu đi tìm con chiên lạc trở về, chúng ta là thầy thuốc tâm hồn nhưng chúng ta không học gương Chúa Giêsu là nhân ái và chữa lành bệnh tật trong tâm hồn của giáo dân, giáo dân gọi chúng ta là cha nhưng chúng ta chưa bày tỏ cho họ thấy lòng quảng đại của người cha như ý Thiên Chúa muốn.

Dù cho giáo xứ có quy định giờ ngồi toà cáo giải, dù cho mỗi ngày chúng ta - linh mục - ngồi toà trước và sau thánh lễ, thì chúng ta cũng cần phải luôn vui vẻ, sẵn sàng khi có giáo dân đến xin xưng tội ngoài những giờ ấy, bởi vì những quy định ấy phần nhiều là dành cho giáo dân thường xuyên đi đến nhà thờ hoặc giáo dân nhiệt tình, nhưng không phải giáo dân nào cũng đợi đúng giờ mới đi xưng tội, mà trong giáo xứ vẫn còn có những giáo dân thánh thiện muốn đi xưng tội ngay sau khi đã ăn năn thống hối tội mình.

Linh mục nghĩa phụ (bố đỡ đầu) của tôi đã dạy tôi rằng: “Sau này thầy làm linh mục thì đừng bao giờ từ chối giáo dân khi họ đến xin xưng tội hoặc mời đi xức dầu bệnh nhân bất kể giờ giấc nào trong ngày, bởi vì làm linh mục là để ban bí tích và phục vụ, mà khi giáo dân cần đến mình thì tại sao lại từ chối, thế thì làm linh mục để làm gì?” Lời dạy này của ngài vẫn ngày ngày ở trong tâm hồn tôi và càng suy nghĩ thì càng thấy là thấm thía, cho nên từ đó, khi đã làm linh mục thì hãy nghe chuông điện thoại reo có người mời đi xức dầu hoặc đưa Mình Thánh Chúa cho bệnh nhân, là tôi vội vàng đi ngay dù đang tiếp khách hay làm việc viết lách, hoặc chuông cửa reo có người muốn xưng tội là tôi vội vã xuống ngay nhà thờ với nụ cười trên môi, để cho họ thấy là mình không làm phiền cha sở.

Và đó là bí quyết để giáo dân thích đến toà cáo giải hơn khi họ

có vấn đề nan giải với Thiên Chúa và với tha nhân.

Thiên Chúa là tình yêu, tình yêu này được thể hiện rõ ràng nhất nơi các linh mục nói chung và các cha sở, cha phó nói riêng, bởi vì linh mục là Chúa Kitô thứ hai, nghĩa là nơi các ngài phải có một tình thương yêu mọi người, nhất là những người đau yếu linh hồn, như Chúa Giêsu đã tỏ lòng thương yêu đám đông dân chúng theo Ngài...

Một linh mục trẻ nói với tôi với giọng chưa hết tức tối: “Anh coi, mở mắt là kêu là réo, họ không biết giờ này là em đang đọc kinh sao, xưng tội thì từ từ, chết liền đâu mà sợ”, tôi cũng thấy một linh mục trẻ đã không mau mắn ngồi toà cho một giáo dân vì ngài đang bận tiếp khách, đến khi tiễn khách về thì không thấy người giáo dân ấy nữa, vì ông ta đợi quá lâu...

Thánh Vinh Sơn dạy rằng: “Đức ái cao hơn mọi việc, bỏ Chúa thì được Chúa”. Ý nghĩa của câu nói này thì cha Vincent Lebbe ⁽³⁾ giải thích cho các con cái ngài như sau: “Cầu nguyện là công việc cần thiết nhưng Đức Ái thì cao hơn, khi các con đang cầu nguyện (đọc kinh phụng vụ, lần hạt Mân Côi...nói tắt là cầu nguyện) mà nếu có người muốn gặp các con để xin giúp đỡ, để xin xưng tội, để bàn việc khẩn cấp v..v... thì các con hãy tạm ngưng cầu nguyện nhưng đồng thời nội tâm vẫn kết hợp với Thiên Chúa để đi thi hành bác ái, vì tha nhân mà phục vụ”. Câu nói đầy tinh thần bác ái này của thánh Vinh Sơn thiết tưởng rất thích hợp cho các cha sở, cha phó và những người làm công tác truyền giáo, bởi vì khi chúng ta “tạm bỏ Chúa” để thi hành bác ái vì danh Ngài thì hiệu quả càng cao, và chúng ta lại được Thiên Chúa không phải nơi kinh nguyện nhưng là nơi tha nhân, là những hình ảnh sống động của Ngài...

Từ chối người tội lỗi đến xin hòa giải với Thiên Chúa trong bí tích Giải Tội, là linh mục tự tay mình xô hổi nhân xuống hố tội lỗi, và trách nhiệm này các linh mục phải trả lời trước mặt Thiên

Chúa trong ngày thẩm phán của Ngài, bởi vì chính các linh mục là người hiểu rất rõ về tình yêu của Thiên Chúa và sự công bằng của Ngài hơn các giáo dân.

(3) Linh mục Vincent Lebbe là đồng sáng lập 4 cộng đoàn tu hội: 1. Hội dòng Tiểu Đệ thánh Gioan Tẩy Giả (CSJB). 2. Hội dòng Tiểu Muội thánh Têrêxa Hải Đông (CST). 3. Hội Trợ Tá truyền giáo – Bỉ (SAM). 4. Hội Vincent Lebbe quốc tế phục vụ (ICA).

D. MỘT NGÀY CỦA LINH MỤC

Đây là kinh nghiệm của cá nhân tôi về một ngày sống của mình, xin chia sẻ với quý linh mục trẻ để có thể giúp cho các ngài được chút gì chẳng?

Đời sống của linh mục thì cũng giống như đời sống của những người khác, cũng là làm việc, ăn uống, ngủ, giải trí, học hành và kinh nguyện, nhưng nói như thế không phải là đời sống của một linh mục hoàn toàn giống như của người khác, bởi vì linh mục có những công việc của ngài mà không ai có thể làm giúp được, cũng như người khác có công việc của họ mà không ai có thể thay thế được.

Từ sáng sớm ngài đã thức dậy lúc 4, 5 giờ để đọc Kinh Sách và suy tư cho thánh lễ mà ngài chuẩn bị cử hành sáng nay, đây là giây phút yên tĩnh nhất và có thể nói là dễ chịu nhất trong ngày, sau khi tập vài bài thể dục để giữ gìn sức khỏe, làm vệ sinh cá nhân và nếu được thì tắm nước lạnh để cho tinh thần sảng khoái, sau đó ngồi vào bàn viết đọc sách, suy tư cho đến khi chuông nhà thờ đổ thì xuống nhà thờ cùng đọc kinh lần hạt với giáo dân. Ngài sẽ ngồi trong tòa giải tội để đợi giáo dân đến làm hòa với Thiên Chúa, nếu không có giáo dân đến xưng tội thì ngài sẽ ngồi ở đó để đọc kinh, đây là hình ảnh đẹp của bức tranh

“mục tử nhân lành” của giáo xứ: con cái đọc kinh, cha sở ngồi bên cạnh canh chừng và bảo vệ đoàn chiên của mình bằng bí tích Giải Tội, giáo dân thấy cha sở ngồi trong tòa, tay đang lăn hạt (hoặc đọc sách thiêng liêng) làm cho họ thêm phần an ủi và vui tươi, và họ rất an lòng vào xưng tội để chuẩn bị tâm hồn tham dự thánh lễ cách sốt sắng...

Giờ lễ Misa đã đến, ngài thật nghiêm trang và thánh thiện tiến ra bàn thờ và mời gọi giáo dân hãy chuẩn bị tâm hồn thật sốt sắng để cử hành màu nhiệm thánh.

Trong thánh lễ ngài dẫn đưa giáo dân của mình đến bàn tiệc thánh bằng lời giáo huấn đã chuẩn bị hợp với ý lễ ngày hôm đó, và trong bài giảng, ngài chia sẻ cho giáo dân biết những gì mà ngài đã cảm nghiệm, đã suy tư và đã sống, để qua ngài, các giáo dân dễ dàng đến với Chúa Kitô hơn.

Thánh lễ xong, ngài quỳ lại hai ba phút để tạ ơn Thiên Chúa vì những ơn lành mà Thiên Chúa đã ban cho ngài trong thánh lễ, sau đó ngài chuyện trò ít phút với giáo dân, hỏi thăm sức khỏe và công ăn việc làm của họ và con cái họ, ai đau yếu cần đưa Mình Thánh Chúa, ai bệnh nặng muốn ngài đến nhà cho giải tội, có ai nằm bệnh viện cần ngài đến an ủi v..v... tất cả những hành vi và thái độ ấy được ngài thực hiện với cả tâm hồn yêu mến và chăm lo, chỉ cần vài phút ấy thôi, ngài đã làm cho giáo xứ của mình trở thành một đại gia đình đúng nghĩa yêu thương của nó.

Buổi sáng sau thánh lễ, ngài sẽ tranh thủ vừa điềm tâm vừa đọc báo số ra hằng ngày, hoặc ngài sẽ coi truyền hình để biết thêm tin tức trong nước cũng như những tin tức của thế giới. Sau đó ngài chính thức làm việc: đi thăm giáo dân, dạy giáo lý hôn phối, trả lời thư, đọc sách, hoặc làm những việc gì khác mà ngài đã lên chương trình cần phải làm trong ngày.

Linh mục trẻ, linh mục đẹp trai, linh mục có tiền, linh mục có địa vị, linh mục có học thức v..v... tất cả những danh từ ấy người

đòi gán cho các linh mục, vì họ thấy đời sống của các linh mục thật cao sang và hưởng thụ hơn người khác, đó là sự thật. Cho nên, nếu trong ngày mà các linh mục không có việc làm thì sẽ như thế nào? Thưa, các linh mục sẽ chạy xe đi chơi, đi uống cà phê, đi giải trí, đi đấu láo và đi uống rượu, nếu không là như thế thì các ngài sẽ coi phim trên video, trên TV hoặc trên internet đến nỗi quên cả đi xúc dầu cho bệnh nhân, và cuối cùng thì...

Các linh mục trẻ thân mến,

Hãy kiểm việc mà làm dừng để cho mình rảnh rỗi, đó là một kinh nghiệm mà các linh mục trẻ thử đi hỏi các vị linh mục đàn anh xem sao, các vị ấy cũng sẽ trả lời như thế : kiểm việc mà làm. Có người sẽ cười việc gì mà kiểm? Thì tôi xin trả lời là việc của nhà xứ, việc của các đoàn thể, việc của cá nhân linh mục (học hành, đọc sách v..v...), tóm lại là dừng để cho mình ở không mà không làm gì cả, bởi vì mỗi thứ bảy trong bảy mỗi tội đầu là: làm biếng, bởi vì tất cả các tội, các tệ nạn xã hội cũng đều từ đó mà ra không loại trừ một ai cả...

Tôi vẫn thường cảm nghiệm rằng : nếu một linh mục mà không làm gì cả ngoài việc cử hành thánh lễ, các bí tích, đi thăm bệnh nhân v..v... thì đời sống tu đức của linh mục ấy sẽ không được triển nở tốt đẹp, bởi vì không phải ngày nào cũng có người sắp chết để đi xúc dầu thánh cho họ, không phải ngày nào cũng đi cho kẻ liệt (người bệnh) rước Mình Thánh Chúa, cũng không phải ngày nào từ sáng đến tối ngồi trong tòa giải tội, và cũng không phải ngày nào cũng họp hành. Cho nên ngoài những giờ ấy ra, nếu chúng ta -các linh mục- không tự kiểm việc làm thì chắc chắn sẽ có nhiều điều không tốt xảy ra cho đời sống tu đức và vai trò mục tử của chúng ta.

Có linh mục ngoài việc mục vụ ra thì dùng thời gian rảnh rỗi tự mình sửa điện trong nhà thờ, có linh mục thì làm thợ mộc đóng vài cái kệ để sách hoặc làm bục giảng rất đẹp, có linh mục thì

viết sách, dịch sách, lại có linh mục thì dạy học hoặc đi học thêm v.v.v... tất cả những việc làm ấy sẽ chiếm khoảng trống thời gian không cần thiết của linh mục, và sẽ là nguồn cảm hứng cảm nghiệm của các ngài trong cuộc sống, để qua suy tư các ngài có đủ chất liệu cần thiết để giảng dạy cho giáo dân của mình...

Tối đến, trong khuôn viên nhà thờ ngài có thể vừa đi vừa lặn hạt Mân Côi cũng như để suy tư, sau đó ngài ngồi vào bàn làm việc viết xuống những suy tư của mình đã cảm nghiệm hoặc vừa mới nảy sinh trong ý tưởng của mình.

Buổi tối công việc tạm lắng xuống và khi ngồi trước bàn viết, lắng đọng suy tư thì dễ cảm nghiệm được ơn Thiên Chúa đã ban cho mình trong một ngày qua. Đây là giây phút hoàn toàn dành cho mình, mọi ý tưởng sẽ như giòng suối chảy ra làm tâm hồn phấn khởi hân hoan. Mặc dù đang yên tĩnh nhưng ngài vẫn sẵn sàng nghe điện thoại khi có người gọi đến mà không bực mình, bởi vì ngài luôn luôn trong tư thế “sẵn sàng” để đứng dậy và mau mắn đi đến với người hấp hối để xức dầu thánh cho họ, hoặc trả lời những câu hỏi mà giáo dân - qua cú điện thoại - hỏi chúng ta là những cha sở, cha phó về những sinh hoạt trong giáo xứ...

Một ngày của linh mục sẽ chấm dứt khi chuông đồng hồ gõ mười hai giờ đêm, và ngài bình an phó thác giấc ngủ trong tay Thiên Chúa đã yêu thương ngài cách đặc biệt.

E. LỜI KẾT

Trên đây là những kinh nghiệm mục vụ mà tôi đã áp dụng vào đời sống của một linh mục dòng đang làm công tác mục vụ ở giáo xứ, dù là linh mục của dòng tu, nhưng khi làm mục vụ tại giáo xứ thì cũng đều như các linh mục khác là đem ánh sáng Tin Mừng của Chúa Giêsu đến cho mọi người.

Khi mà xã hội càng ngày càng phát triển, con người ngày càng

văn minh tiến bộ và cuộc sống của họ ngày càng mong muốn hưởng thụ vật chất hơn của ăn tinh thần, trong đó cũng có những người Kitô hữu là giáo dân của chúng ta. Họ ngợp mắt trước những thú vui thế gian, họ ngưỡng mộ những minh tinh màn bạc và thích có đời sống hưởng thụ sung sướng, thì vai trò linh mục của chúng ta càng quan trọng hơn nhất là nơi giáo xứ của mình, bởi vì chính chúng ta là những người có trách nhiệm bảo vệ chân lý đức tin và làm cho nó được phát triển đến với mọi tâm hồn.

Giáo Hội Việt Nam chúng ta rất tự hào vì có rất nhiều ơn gọi làm linh mục, tu sĩ nam nữ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cấp bách là rao giảng Lời của Thiên Chúa cho mọi người, vì thế chúng ta -những linh mục- cần thấy rõ vai trò của mình hơn để vì Thiên Chúa vì Giáo Hội mà hy sinh chính bản thân của mình cho công cuộc truyền giáo ngay trong giáo xứ của mình.

Giáo dân ngày càng trưởng thành trong cách sống đạo thì chúng ta không thể nói với họ rằng: lời cha (cha sở) là lời của Thiên Chúa khi mà chúng ta đem những điều bất hợp lý đặt lên vai của giáo dân, chúng ta lại càng không thể như một chủ nhân ông chỉ tay năm ngón với thái độ hách dịch khi tiếp xúc với giáo dân, bởi vì giáo dân ngày nay không như giáo dân của thế kỷ trước, họ sống đức tin giữa đời nhiều hơn là ở trong nhà thờ, họ tìm thấy Thiên Chúa nơi chợ búa hơn là nơi một thánh đường lộng lẫy hùng tráng nhưng cha sở thì quá hưởng thụ vật chất hơn cả họ.

Truyền giáo tức là đem cái đạo của mình tin mình sống mình thực hành nói cho người khác biết để họ cùng tin cùng làm như mình.

Truyền giáo là bổn phận của những người đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội, mà trách nhiệm hướng dẫn giáo dân truyền giáo là của các linh mục.

Truyền giáo là diễn lại đời sống yêu thương và hy sinh của Chúa Giêsu ngay trong đời sống của mình.

Truyền giáo ở giáo xứ của mình không đòi hỏi phải lặn lội mất ăn mất ngủ mất sức khỏe như đi khai phá thêm những cánh đồng truyền giáo mới, cho nên xét cho cùng, chỉ cần các linh mục có *một tinh thần nhiệt thành với công tác mục vụ, một tâm hồn khiêm tốn khi làm mục vụ, một quả tim yêu thương và sự hy sinh khi làm mục vụ* thì có thể biến giáo xứ của chúng ta trở thành một đại gia đình mà trong đó mọi giáo dân biết yêu thương và kính trọng nhau.

Linh mục sẽ là người của mọi người khi ngài biết sống hòa đồng và lắng nghe, ngài cũng sẽ là người mà giáo dân lấy làm hãnh diện vì lòng khiêm tốn và sự tận tụy trong công tác mục vụ giữa giáo dân của ngài...

Năm truyền giáo sẽ qua đi nhưng công cuộc truyền giáo sẽ phải vẫn còn và tiếp tục cho đến ngày Chúa Giêsu lại đến, và việc truyền giáo đạt kết quả hay không là do chúng ta - các linh mục- cộng tác với ơn thánh của Thiên Chúa ban cho trong bí tích truyền chức thánh, có nghĩa là chúng ta phải tích cực thi hành sứ mạng và sứ vụ mà chúng ta đã lãnh nhận từ nơi Giáo Hội để tiếp tục công việc cứu độ của Chúa Kitô cho đến ngày Ngài lại đến.

Bài chia sẻ đến đây là chấm hết, nhưng nó vẫn cứ còn tiếp tục trong cuộc sống truyền giáo của chúng ta là những linh mục của Chúa Kitô, mỗi lời nói mỗi việc làm đều phản chiếu lại tình thương của Chúa Kitô trên giáo dân của mình, như chính Ngài đã bôn ba lặn lội đi tìm con chiên lạc và chữa lành cho họ.



Lạy Chúa Giêsu Kitô linh mục

Chúa đã đến trong thế gian để loan báo tin vui Nước Trời,

để đi tìm và chữa lành

để an ủi những con chiên lạc,

những con chiên bệnh hoạn, khổ đau

và cuối cùng đã chết trên thập giá với tất cả tình yêu và tha thứ để cứu chuộc nhân loại tội lỗi.

Ngày hôm nay,

Qua chúng con -là những linh mục-

Chúa cũng đang đi tìm và chữa lành, an ủi,

những người con của Chúa đang bôn ba giữa đời:

đang đau khổ vì không nhà để trú,

đang thất vọng vì thấy đời quá bất công,

đang buồn phiền vì bị phân biệt đối xử

đang đói khát vì không có gì ăn...

Họ đang chờ một lời an ủi của chúng con,

đang chờ nụ cười chào hỏi thân tình của chúng con,

để thấy lóe lên niềm hy vọng

hy vọng của tình người

được thắp lên từ nơi chúng con,

và từ đó

họ nhận ra được dung mạo của Chúa nơi chúng con

là yêu thương, là tha thứ, là phục vụ...

Mọi ngày của linh mục đều là thánh lễ

thánh lễ hi sinh và đền tội,

hi sinh chính mình và đền tội cho tha nhân...

Viết xong ngày 1/10/2004

Lễ thánh Têrêxa Hải Đồng

Taipei -Taiwan

Lm. Giuse Maria Nhân Tài, csjb.

VietCatholic News

Tân Phúc Âm Hóa Giáo Xứ

Thái Nguyên



1. Giáo xứ là gia đình của những người làm con Thiên
2. Giáo xứ là cộng đoàn của những người siêng năng thánh
3. Giáo xứ là cộng đoàn của những người chuyên chăm Lời



Chúa, tất cả là anh chị em, tất cả đã được thánh
lễ, tất cả hiệp thông cùng nhau, hết lòng phụng thờ Thiên
Chúa, sẵn lòng vâng theo chủ chăn, chuyên cần nghe lời giáo



hóa, để sống trong Đức Ki - tô, dưới sự soi dẫn Thánh
Chúa, và sống sốt sắng nguyện cầu trong tình yêu mến đạt
huấn, để sống hiệp nhất với nhau trong tình bác ái cao



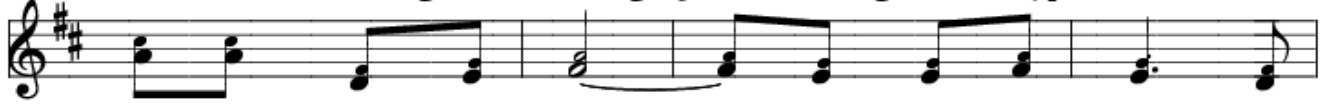
Thần, là dân thánh giữa nơi gian trần. **ĐK.** Xin cho chúng
dào, niềm an vui Chúa ban dâng trào.
vời và trở nên muối men cho đời.



con chân thành cộng tác với nhau để cùng dựng xây giáo xứ.



Xin cho chúng con sống yêu thương và hợp nhất thắm



sâu Tin Mừng của Chúa. Chung tay đắp xây cuộc



sống công bình bác ái cho đời niềm tin yêu mới. Cùng nhau đi



tới đem Chúa đến cho mọi người dân thân phục vụ mọi nơi.